

TS. PHẠM HỒNG QUANG
(TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN)

GIÁO DỤC
BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC
CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI GIỚI THIỆU

Trong những năm đầu tiên của thế kỷ XXI, nhiệm vụ trọng tâm của toàn dân ta là đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chúng ta biết rằng, công nghiệp hóa và hiện đại hóa không phải là mục đích tự thân, mà là một phương thức có tính phổ biến để thực hiện mục tiêu của mỗi nước. Với chúng ta, mục tiêu phấn đấu là, trong khoảng vài ba thập kỷ tới, Việt Nam phải trở thành một nước công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta tiến triển trước bối cảnh xu thế toàn cầu hóa về nhiều mặt đang gia tăng. Xu thế đó là khách quan, chúng ta không thể tách mình ra khỏi dòng chảy toàn cầu hóa, mà phải chuẩn bị cho mình đầy đủ những năng lực nội sinh cần thiết để chủ động hội nhập kinh tế thế giới. Muốn vậy, trước hết vừa phải giữ được bản sắc văn hóa dân tộc, vừa phải tiếp thu được những tinh hoa của văn hóa nhân loại. Ví thế, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII trình trước Đại hội IX đã nhấn mạnh việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đó là điều kiện hết sức quan trọng để chúng ta hội nhập mà không hòa tan, phát triển mà không phụ thuộc, hợp tác mà vẫn nâng cao được năng lực cạnh tranh.

Cần lưu ý rằng, khi thị trường mở rộng qua biên giới thì cùng với sự xâm nhập của hàng hóa từ nước này vào nước kia còn có sự “thẩm thấu” văn hóa. Trên bình diện quốc tế, việc trao đổi văn hóa thường thấy rõ nhất ở sự ăn uống, âm nhạc và các mốt quần áo. Những thiết bị, máy móc, lương thực, thực phẩm, thuốc men, dụng cụ y tế, hóa mỹ phẩm... đã cùng sách báo, phim ảnh, mốt thời trang, băng nhạc... Ô ạt đổ vào các cửa hàng, các chợ, các trung tâm bán buôn và bán lẻ, các siêu thị. Một lối sống toàn cầu hình thành với tốc độ cực kỳ nhanh. Trong sự buôn bán các sản phẩm văn hoá, những nước xuất khẩu văn hóa không chỉ thu được thặng dư lớn, mà quan trọng hơn, họ đã làm cho không ít quốc gia đã bị hòa vào lối sống của họ. Từ năm 1982, Jack Lang - Bộ trưởng Bộ Văn hóa Pháp - đã dùng thuật ngữ Chủ nghĩa đế quốc văn hóa để nói đến những nước xuất khẩu mạnh văn hóa sang nước khác.

Điều chúng tôi nêu trên đây không ngoài mục đích muốn khẳng định rằng, để trở thành chính mình, con người phải giữ được cá tính, còn dân tộc thì phải giữ được bản sắc văn hóa đã được hình thành trong quá trình phát triển lịch sử. Không giữ được văn hóa sẽ không bảo vệ được độc lập dân tộc. Đó là ý nghĩa sống còn của việc duy trì, bảo tồn, truyền bá và phát triển văn hóa dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác.

*Vì thế, khi được biết Tiến sĩ Phạm Hồng Quang đã biên soạn xong cuốn sách **“Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên sư phạm”**, chúng tôi cho rằng, rất nên để bạn đọc làm quen với tác phẩm này. Tiến sĩ Phạm Hồng Quang tuy chỉ đặt vấn đề giáo dục văn hóa trong phạm vi hẹp, song những nội dung được đề cập đã cho người đọc một hướng suy nghĩ cần thiết: Nhà giáo có vai trò quan trọng trong việc giữ gìn và phát triển văn hóa dân tộc, duy trì và phát huy bản sắc của văn hóa truyền thống tốt đẹp đã hình thành trong quá trình lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước. Mặc dù tác giả còn chưa làm phong phú nội dung ở mục này, chưa thật sâu sắc ở mục khác, song cuốn sách nhỏ của tác giả Phạm Hồng Quang đã góp một tiếng nói rất cần thiết cho việc phát huy bản sắc văn hóa dân tộc với tư cách là một động lực phát triển xã hội ta trong giai đoạn toàn dân dốc sức thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.*

Xin giới thiệu cuốn sách nhỏ này với các bạn đọc. Chắc rằng, ít nhiều nó cũng mang lại những thông tin bổ ích.

Hà Nội, ngày 2 tháng 10 năm 2002

GS. TS Phạm Tất Dong

MỞ ĐẦU

Nội dung giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc bao gồm những gì? Đây là một câu hỏi lớn của thế hệ trẻ, đặc biệt là của sinh viên - lực lượng tạo nguồn cho đội ngũ trí thức trong tương lai, đang thôi thúc các nhà văn hoá, các nhà giáo dục trả lời và thực hiện. Chỉ xét ở phương diện thống kê phân loại các vấn đề liên quan đến văn hoá đã khó có thể nêu lên đầy đủ những nội dung biểu hiện của văn hoá, của bản sắc văn hoá dân tộc để trả lời cho câu hỏi trên. Vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc đang đặt ra cho các quốc gia một chiến lược phát triển bao hàm việc ưu tiên các giá trị tinh thần bên cạnh việc phát triển các giá trị vật chất. Đồng thời, giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho thế hệ trẻ phải được coi trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển của các nước. Đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập và giao lưu, trong nền kinh tế toàn cầu thì vấn đề này càng trở nên cực kỳ quan trọng. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay đã hơn 70 năm, trong các chủ trương đường lối phát triển đất nước đều hướng vào mục tiêu phát triển con người theo định hướng văn minh, tiến bộ. Nghị quyết BCH TW 5 khoá VIII đã xác định rõ: "*Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.*" Trong chiến lược phát triển bền vững của đất nước, vấn đề con người được xác định là mục tiêu, động lực phát triển kinh tế - xã hội. Vai trò của giáo dục đào tạo được coi là khâu đột phá để chuẩn bị nguồn lực con người - tiền đề cho sự phát triển. Giáo dục con người, giáo dục toàn diện nhân cách đang trở thành mối quan tâm của toàn dân tộc. Hoạt động xây dựng một xã hội văn hoá, con người có văn hoá đã được phát động rộng rãi, được toàn dân ủng hộ tích cực. Tháng 4 năm 2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hoá - Thông tin đã ký kết chương trình liên bộ phối hợp thực hiện cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá*" trong trường học, đã chứng tỏ công tác giáo dục văn hoá, giáo dục nhân cách trong nhà trường đang trở thành yếu tố quyết định trong chiến lược giáo dục con người, đồng thời tính chất xã hội rộng lớn của công tác này đã đặt ra cho chúng ta hàng loạt các nhiệm vụ cần phải giải quyết.

Đã có rất nhiều công trình bàn về vấn đề này và đã đạt được những kết quả nhất định. Công trình của chúng tôi với hi vọng góp phần nhỏ vào việc kế tục sự nghiệp lớn của các tác giả đi trước, bổ sung làm sáng tỏ một nhiệm vụ là giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên - một nội dung giáo dục quan trọng trong nhà trường, một vấn đề đang được Đảng ta, nhân dân ta và cả xã hội quan tâm. Vấn đề hệ thống hoá tri thức về bản sắc văn hoá, giáo dục bản sắc văn hoá cho thế hệ trẻ đã được các nhà nghiên cứu quan tâm, song chưa có chuyên luận nào nghiên cứu trên đối tượng sinh viên miền núi đặc biệt là các tài liệu viết về vấn đề giáo dục văn hoá có ý nghĩa phục vụ trực tiếp cho công tác giáo dục sinh viên ở các trường sư phạm miền núi thì lại chưa nhiều. Công trình này tiếp cận vấn đề ở góc độ giáo dục nhân cách, với mục tiêu trên cơ sở phân tích thực trạng công tác giáo dục bản sắc văn hoá ở một số trường đại học và cao đẳng sư phạm, lấy đó làm căn cứ thực tiễn để đề xuất các giải pháp giáo dục, đồng thời nghiên cứu lựa chọn các biện pháp có thể thực hiện được trong phạm vi trường học để góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, hướng đến mục tiêu *đào tạo con người Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*

Việc nghiên cứu làm sáng tỏ thực trạng công tác giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc ở một số trường đại học và cao đẳng có sinh viên là dân tộc ít người, để trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp

nhằm tăng cường nhận thức và hành động giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc theo định hướng của Đảng là một công việc cần thiết. Quá trình khảo sát vấn đề trên chủ yếu tập trung vào nghiên cứu hoạt động giáo dục sinh viên về lối sống văn hoá, về bản sắc văn hoá dân tộc tại các trường đại học và cao đẳng. Đây là một vấn đề rộng lớn và khó. Vì vậy, phạm vi tập trung chủ yếu vào nghiên cứu thực trạng nhận thức, lối sống và hành vi của sinh viên các trường khu vực miền núi xung quanh chủ đề về bản sắc văn hoá dân tộc, chưa có điều kiện để nghiên cứu đặc trưng văn hoá của từng dân tộc cụ thể. Trên cơ sở nghiên cứu bước đầu này, chúng tôi đề xuất các giải pháp giáo dục, các kiến nghị để xây dựng chương trình đào tạo theo hướng lồng ghép, tích hợp, và chương trình ngoại khoá để giáo dục sinh viên. Trước hết, cần hình thành cho sinh viên sự *phạm kỹ năng phát hiện, biết khai thác* những nội dung chứa đựng bản sắc văn hoá dân tộc trong nội dung giáo dục nhà trường để học tập, để sau khi ra trường họ có thể thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Chúng ta đều biết rằng, nghiên cứu bản sắc văn hoá dân tộc được xem xét trên đối tượng khác nhau sẽ xuất hiện các nội dung hết sức phong phú và đa dạng. Mức độ biểu hiện về bản sắc văn hoá dân tộc của sinh viên phụ thuộc vào nhiều yếu tố, song biểu hiện chủ yếu ở các dạng hoạt động cơ bản, trong đó hoạt động học tập được xem là hoạt động chủ đạo. Đồng thời cũng cần thiết phải nghiên cứu về lối sống, nếp sinh hoạt cũng như nhận thức và hành động của họ để có cách nhìn toàn diện.

Sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho thế hệ trẻ, đặc biệt là học sinh, sinh viên đã được các nhà giáo dục quan tâm từ lâu. Tuy nhiên, việc nghiên cứu cũng như triển khai các hoạt động cụ thể trong các trường đại học và cao đẳng khu vực miền núi ít được chú ý. Trên cơ sở nghiên cứu tổng hợp các tài liệu của các tác giả đi trước, nghiên cứu hoạt động thực tiễn về nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc ở các trường sư phạm, tài liệu này dùng tham khảo cho việc giảng dạy và học tập môn *Giáo dục học* hiện đang được giảng dạy trong các trường sư phạm khu vực miền núi.

Chương 1

PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

1. Văn hoá và phát triển bền vững

Ngày nay, sau sự tăng tốc ở các nước phát triển với các chỉ số kinh tế tăng mạnh trong khi các chỉ số xã hội chưa đảm bảo, các quốc gia đều thừa nhận phải có chiến lược "phát triển bền vững". Trong tiêu chí phát triển người (Human Development Index) gọi tắt là HDI gồm hai chỉ số liên quan đến văn hoá: *tuổi thọ* và *số năm bình quân đi học* bên cạnh *sức mua* của dân chúng, đã nói lên vai trò ngày càng to lớn của văn hoá, của giáo dục đối với sự phát triển toàn diện con người. Ở nhiều nước, trong chiến lược phát triển cũng đã nhấn mạnh đến mục tiêu phát triển toàn diện con người, coi đây là mũi đột phá trong mọi kế sách để phát triển đất nước. Ở bình diện vĩ mô, chiến lược phát triển văn hoá phải được đặt ngang hàng, thậm chí đi trước chiến lược phát triển kinh tế. Bởi suy cho cùng, mục tiêu phát triển kinh tế cũng đều hướng đến và tập trung vào phục vụ cho con người, vì con người. Đây là ý nghĩa nhân văn cao cả của quan niệm phát triển bền vững được nhiều quốc gia thừa nhận.

Nghị quyết Hội nghị BCH TW lần thứ 5 của Đảng CSVN đã xác định 5 quan điểm cơ bản chỉ đạo là: *"Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; Nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất và đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, Xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; Văn hoá là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng"*⁽¹⁾. Nhiều nhà khoa học đã tổng kết: hiện nay mô hình tối ưu để các quốc gia phát triển bền vững là: tư tưởng triết học phương Đông cộng với kỹ thuật phương Tây sẽ tạo ra phát triển bền vững. Các nước phương Tây có thể thành công trong việc sử dụng văn hoá như là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, song lại không coi văn hoá là mục tiêu của sự phát triển. Như vậy là xem nhẹ yếu tố con người, phát triển văn hoá không vì con người, cho con người là quan điểm sai lầm của chủ nghĩa tư bản. Đây cũng không phải là sai lầm có thể khắc phục ngay được mà là do bản chất cố hữu của chủ nghĩa tư bản đã coi lợi nhuận và coi lợi ích vật chất cao hơn lợi ích cho con người. Do đó, sự tăng trưởng kinh tế không được coi là đồng thời với sự phát triển bền vững. Quan niệm phát triển vì con người là quan niệm phát triển kinh tế cần *bắt nguồn* từ văn hoá và *nhằm tới* văn hoá. Mục tiêu của chiến lược phát triển phải tính đến phục vụ lợi ích chính đáng của con người, trong đó gồm có lợi ích vật chất và tinh thần. Đảng ta xác định văn hoá là *nền tảng tinh thần của xã hội* tức là đề cao giá trị con người coi con người là chủ thể sáng tạo của văn hoá coi con người là mục tiêu động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Mối quan hệ giữa phát triển và văn hoá là quan hệ của những phạm trù lớn của đặc tính

(1) Đảng CSVN - Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 BCH TW khoá VIII; NXB Chính trị quốc gia. tr. 55-58.

xã hội, nó phản ánh bản chất xã hội, đồng thời là mối quan hệ giữa mục tiêu phát triển xã hội và động lực phát triển, là quan hệ giữa yếu tố bao trùm với yếu tố phản ánh tính chất đặc điểm của xu thế phát triển của xã hội.

*

* *

Tổng thuật một số quan niệm về văn hoá của các nhà nghiên cứu dưới đây sẽ cho ta rõ hơn về những vấn đề trên. Theo Edward B. Taylor (1871 - Anh): *“Văn hoá là một tổng thể phức hợp bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục và bất cứ năng lực, tập quán nào được lĩnh hội bởi con người với tư cách là thành viên của xã hội”*.

UNESCO định nghĩa: *văn hoá đã cấu thành nên một hệ thống các giá trị truyền thống, thẩm mỹ và lối sống, mà dựa trên đó, từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình”*.

Quan niệm phát triển văn hoá tập trung vào phát triển nhân cách đã nhấn mạnh tầm quan trọng và ý nghĩa của sự phát triển con người trong chiến lược phát triển của các quốc gia. Phát triển văn hoá được đặt trong mối quan hệ bản chất với phát triển giáo dục hướng vào phát triển con người - mục tiêu động lực của sự phát triển. Khi quan niệm giáo dục và đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu thì đã bao hàm sự phát triển văn hoá, phát triển con người. Trong mối quan hệ giữa khái niệm văn hoá với các khái niệm liên quan như văn minh, văn hiến, văn vật, chúng ta thấy tuy không trùng nhau về nội hàm khái niệm song chúng có liên quan chặt chẽ đến nhau.

Hách Hiệp Quân (Trung Quốc) đã phân biệt văn hoá (culture) với văn minh (civilisation): *“Văn hoá là những năng lực và thành quả sáng tạo mà con người đạt được trong thực tiễn xã hội, văn minh là sự tổng hoà những thành quả vật chất và tinh thần của loài người trong quá trình cải tạo thêm giới”*.

Theo tác giả Lương Duy Thứ: *“Chung quy văn minh, văn hiến, văn vật là những khái niệm phát sinh của văn hoá, cũng có thể hiểu là khái niệm bộ phận của văn hoá...”*¹. Nếu nhìn nhận từ góc độ giá trị, thì “văn hoá” hàm nghĩa rộng, gồm giá trị vật chất và giá trị tinh thần, trong khi “văn minh” thiên về giá trị vật chất, tiện nghi.

Trước hết, văn hoá có tác dụng tăng cường sức mạnh của mỗi đất nước. Hiện nay, ở bất cứ quốc gia nào cũng phải quan tâm đến mối quan hệ toàn cầu đang diễn ra. Trong giao lưu văn hoá và hội nhập, thì văn hoá là động lực thúc đẩy cuộc toàn cầu hoá thêm sâu sắc. Theo Hans Morgans: *“Trong ba loại nhân tố, con người được xác định là các nhân tố có khả năng tác động mạnh nhất vào quyền lực quốc gia, thì tính cách dân tộc và sĩ khí quốc dân là nhân tố nổi bật (...) “sĩ khí quốc dân là một nhân tố vô hình dưới hình thức dư luận công chúng và không có sự ủng hộ của nhân tố ấy thì bất cứ chính phủ nào, dù độc tài hay dân chủ, đều không thể thi hành có kết quả mọi chính sách mà nó mong muốn”*. Lịch sử đã chứng minh rằng quốc gia nào sẵn có sức mạnh văn hoá được tích tụ bên trong và trên cơ sở đó, thực hiện nhất thể hoá về giá trị thì mới có thể giữ được chính quyền ổn định và phát huy thành công vai trò của quốc gia đó. Sự phát triển bền vững hiện nay ở nhiều quốc gia đã minh chứng cho luận điểm trên. Đối với cá nhân, sự phát triển nhân cách toàn diện với đặc trưng là tính chủ

1. Đại Cương văn hoá phương Đông, Nxb Giáo dục, 4-1997.

thể cao với sự tham gia tích cực của chủ thể vào chính thể xã hội đã nói lên vai trò ảnh hưởng của nhân cách này đến nhân cách khác, đồng thời nhân cách phát triển cao được khẳng định bởi bản lĩnh, cốt cách, cái làm nên cái riêng của con người. Trong phạm vi một quốc gia, vấn đề giữ gìn và phát triển văn hoá, bản sắc văn hoá của các dân tộc được quan niệm không phải là sự co cụm, đóng kín hoặc số khác biệt. Điều quan trọng trong các mặt biểu hiện của lối sống văn hoá là cần tôn trọng và khích lệ, cổ vũ cho sự đa dạng, song thống nhất về mục tiêu của lối sống với các chuẩn mực đạo đức trong sự chế ước của luật pháp do chính các dân tộc xây dựng và thừa nhận. Đảng ta đã xây dựng được khối đoàn kết nhất trí của cộng đồng 54 dân tộc anh em qua các cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc và nhờ đó đã thành công, nay trong công cuộc xây dựng đất nước với mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" đã chung tiếng nói với nguyện vọng của toàn dân tộc, thực sự đã đoàn kết gắn bó các dân tộc, giữ vững an ninh chính trị. Trong đời sống văn hoá vật chất và tinh thần của các dân tộc đã có sự bình đẳng, kế thừa và phát triển, có sự giao thoa tích cực và tương hỗ lẫn nhau, song không xoá nhòa bản sắc của từng dân tộc - chính điều này làm nên sức mạnh cho khối đại đoàn kết dân tộc.

Hiện nay, giao lưu liên văn hoá "Intercultural communication" là hoạt động giao lưu liên quốc gia, dân tộc, chủng tộc và đây là quy luật, trong bối cảnh giao thông hiện đại, thông tin phát triển thì đồng thời là cơ hội của giao lưu.

Trong đó, xuất hiện xung đột văn hoá mà nguyên nhân cơ bản là "tính cái tôi trên hết", "tính loại bỏ những cái khác" của các nhân tố thuộc tầng diện tâm lý, tinh thần. Sự *xung đột văn hoá* có thể là một trong các nguyên nhân của các cuộc xung đột vũ trang hoặc nội chiến dai dẳng như: Palestin với Israel, Ấn Độ với Pakistan, Iran và Iraq..., nội chiến Nam Tư, Armenia và Azerbaijan...

Ngay sau sự kiện 11-9 xảy ra tại Mỹ đã xuất hiện xu hướng nghiên cứu về văn hoá hội giao gia tăng. Như vậy giữa các nền văn hoá có sự tác động ảnh hưởng hai mặt, một mặt là sự xung đột va chạm, còn mặt bên kia là sự giao lưu, hòa nhập và trên cơ sở đó là sự tiếp nhận, hấp thụ, chuyển hoá. Quy luật trên đã diễn ra trong suốt chiều dài lịch sử phát triển của nhân loại, tuy nó không phải lúc nào cũng diễn ra theo chiều thuận lợi. Sự ảnh hưởng và sự tiếp nhận phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó yếu tố bản chất dân tộc, bản sắc văn hoá là nhân tố được hình thành nên từ sự tác động ấy. Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền văn minh Trung Hoa nhiều nghìn năm, song với sự tiếp nhận chọn lọc, trên cái riêng, bản sắc của mình, người Việt đã có sự "tiếp biến văn hoá thành công. Đặc biệt trong điều kiện giao lưu Đông - Tây như hiện nay thì sự tiếp biến văn hoá vừa là một cơ hội, đồng thời vừa là sự thách thức lớn với các dân tộc mong muốn giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc mình trong bối cảnh giao lưu và hội nhập.

Việt Nam trong quá trình tiếp biến văn hoá đã có các cách tiếp nhận, chuyển hoá rất hiệu quả, như dòng sông chảy không ngừng bồi đắp phù sa. Theo Giáo sư Nguyễn Xuân Nam [16], trong quá trình giao lưu với văn hoá thế giới cần có cách lựa chọn và tiếp thu riêng. Theo Giáo sư, có thể nêu lên ba con đường cơ bản sau:

(1) *Không tiếp nhận toàn bộ hệ thống, chỉ lựa chọn các giá trị phù hợp.* Ví dụ: Phật giáo nêu: "Từ bi, vô ngã, vị tha" khi vào Việt Nam thì: "Thương người như thể thương thân!"; "Từ bi với Phật chứ không từ bi với ma vương quỷ sứ".

(2) Có khi dường như tiếp nhận cả hệ thống, nhưng thực tế đã sắp xếp lại các bậc thang giá trị khác nhau. Ví dụ: Khổng Giáo nêu "nam cương nữ thường", "Trung vua" xếp thứ 1, khi vào Việt Nam thì nhân nghĩa là giá trị bao trùm: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân; Công kể bất nhân ăn ở chớ, Áo người vô nghĩa, mặc chẳng thà" (Nguyễn Trãi); "Trung với nước, hiếu với dân" (Hồ Chí Minh).

Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ (1776) nói về quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã "suy rộng ra..." để khẳng định chân lý: "Tất cả các dân tộc sinh ra đều bình đẳng..."

(3) Tiếp thu và cải biến các hình thức mới về văn hoá, nghệ thuật của thế giới để biểu đạt nội dung các giá trị văn hoá Việt Nam. Ví dụ: Hán học khi vào Việt Nam đã xuất hiện chữ Nôm; Tây học khi vào Việt Nam đã xuất hiện các loại hình văn hoá như: chữ viết, giáo dục, báo chí, triết học...

Quá trình tiếp biến này diễn ra trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước, có khi âm thầm lặng lẽ, cũng có khi trở thành một cuộc cách mạng, làm đổi thay bộ mặt văn hoá của đất nước, chẳng hạn như cách mạng Duy tân hồi đầu thế kỷ XX, song triệt để hơn và làm cho thay đổi bản chất xã hội thì phải đến Cách mạng tháng Tám vĩ đại.

Ở phương diện khác, từ khái niệm gốc có thể hiểu tự nhiên là nguồn gốc của văn hoá. Văn hoá là sự thống nhất bản chất giữa con người và tự nhiên mà con người thực hiện thông qua hoạt động tù giác của mình. Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên bao hàm sự thích nghi của con người với giới tự nhiên, tuy nhiên sự thích nghi đó thuộc về con người, có nội dung và tính chất văn hoá. Quan hệ biện chứng được thể hiện ở chỗ con người làm cho mình thích nghi với tự nhiên mới có thể làm cho giới tự nhiên thích nghi với con người, mà con người làm được điều đó mới có thể thích nghi tốt hơn, hữu hiệu hơn với giới tự nhiên. Văn hoá còn là sự "nhân hoá" cái tự nhiên của bản thân con người, vì văn hoá bao hàm ý thức giáo hoá, tu dưỡng bản thân con người, làm cho con người thoát khỏi trạng thái tự nhiên đơn thuần trở thành thực thể văn hoá, có phẩm chất văn hoá. Văn hoá không phải là quá trình tự nhiên và kết quả của quá trình tự nhiên, mà là hoạt động sáng tạo của con người và sản phẩm của hoạt động sáng tạo này, do đó sinh thành và tồn tại thông qua hoạt động sáng tạo của con người. Giáo dục đã có ý nghĩa tu dưỡng con người, làm cho con người tự giáo dục.

Từ góc độ kinh tế, World Link nhận xét: xã hội Mỹ coi trọng chủ nghĩa cá nhân, lối sống văn hoá của họ trong kinh doanh tỏ rõ sự sáng tạo và linh hoạt, phong phú. Do đó lối quản lý thiên về hiệu quả, các nhà kinh doanh Mỹ có khả năng quyết định nhanh các vấn đề chiến lược kinh doanh cũng như không thương tiếc sa thải hàng loạt công nhân từ hệ quả của các quyết định nhanh chóng đó. Vì thế, kinh tế Mỹ với sự phát triển được coi là hàng đầu thế giới, song chưa đủ để nói lên một xã hội văn minh. Tác giả Hữu Ngọc đã cho rằng: "Khuyh hướng trở về với triết học thực dụng không có gì lạ vì chủ nghĩa ấy rất tiêu biểu cho văn hoá Mỹ"¹. Ngược lại, người Nhật Bản coi trọng truyền thống lối sống văn hoá thiên về cộng đồng, do đó đã thành công trong kinh tế, đồng thời nâng giá trị lối sống văn hoá đối với sự phát triển kinh tế xã hội.

Tác giả Hà Quang Minh trong bài viết: "Đằng sau tấm màn nhung lộng lẫy của văn hoá

1. Hữu Ngọc - Hồ sơ văn hoá Mỹ - Nxb Thế giới, H. 1995.

đại chúng phương Tây" đã nêu lên ba đặc trưng rõ nét tạo nên mặt trái của nó: đó là tự do cá nhân được đề cao thái quá, "văn hoá vắt chanh" tạo cho con người lối sống máy móc và có sự áp đặt ảnh hưởng lên nền văn hoá của các quốc gia khác. Mặt trái này đang ảnh hưởng xấu đến đời sống văn hoá Việt Nam, đặc biệt là đến lối sống của thanh niên, sinh viên. Ngay cả các phương tiện thông tin đại chúng, nếu thiếu sự định hướng và kiểm soát, đã vô hình quảng bá cho lối sống hời hợt, sống gấp với các tiêu chuẩn và giá trị còn chưa được chấp nhận. Các kết quả nghiên cứu của các nhà tâm lý học trong nước mới đây đã cho thấy một bộ phận thanh niên, sinh viên có xu hướng cá nhân hoá một cách cực đoan lối sống của mình, dẫn đến sự vị kỷ, thờ ơ đối với mọi người trong cuộc sống. Đây là một hiểm họa cho con người, cho xã hội. Nó cảnh báo các nguy cơ tan rã từ bên trong, do chính con người tạo ra. Như một nhà khoa học đã nói đại ý: chúng ta thám hiểm các vì sao xa xôi, thăm dò các đại dương sâu thẳm, song hình như người lảng giềng gần cửa với chúng ta lại là người xa lạ.

Chúng ta đều biết rằng, sự tiếp thụ, chuyển hoá, phát triển những giá trị văn hoá của các nước đã trở thành một quy luật của sự phát triển văn hoá Việt Nam. Nhưng tiếp nhận theo kiểu "thức ăn nhanh!" đã có lúc làm cho chúng ta hiểu sai quy luật tác động, giao lưu văn hoá trong bối cảnh hội nhập ngày nay. Ngay khi sau Cách mạng tháng Tám thành công, Bác Hồ đã nhắc nhở chúng ta: *"Văn hoá Việt Nam là ảnh hưởng lẫn nhau của văn hoá Đông phương và Tây phương chung đúc lại... Tây phương hay Đông phương có gì tôi ta học lấy để tạo ra một nền văn hoá Việt Nam"*. Đối với văn hoá truyền thống, Người chủ trương kế thừa nhưng với tinh thần phê phán, chọn lọc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lĩnh vực này đã đạt đến sự chuẩn mực cao về tầm nhìn xuyên thế kỷ, bởi chính Người được lý luận Mác - Lê nin soi sáng và sự trải nghiệm mấy chục năm bôn ba nước ngoài đã đúc kết lại.

Ngay từ năm 1943, Đảng ta đã đưa ra *"Đề cương văn hoá Việt Nam"* gồm các nội dung chính ở phạm vi đặt vấn đề: văn hoá bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật; quan hệ giữa văn hoá và kinh tế, chính trị: trong đó xác định kinh tế và chế độ kinh tế là nền tảng của văn hoá. Đảng ta xác định: Văn hoá là một trong ba mặt trận: kinh tế, chính trị, văn hoá. Đảng lãnh đạo văn hoá tiên phong¹.

Đến giai đoạn phát triển của thời kỳ đổi mới, trong xu thế hội nhập và giao lưu, Đảng ta chủ trương phát triển văn hoá, coi văn hoá là mục tiêu và động lực của sự phát triển, trong đó đề cao giáo dục toàn diện con người giáo dục nhân cách có văn hoá. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường, thực tiễn xã hội đã làm nảy sinh hàng loạt các vấn đề bức xúc được coi như các vấn đề xã hội cần giải quyết. Việc giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc ấy thực chất là làm trong sạch và lành mạnh hoá đời sống văn hoá, tạo ra môi trường văn hoá tốt cho xã hội cho con người.

Văn hoá (cultura) hàm nghĩa trồng trọt, cư trú, nuôi dưỡng, *culture* (tiếng Anh); (tiếng Nga) xuất phát từ gốc từ *культура cultura* (tiếng La tinh) từ các từ: *Colo, Colere* với nghĩa gốc là *gieo trồng, vỡ đất làm nông nghiệp*, từ *Cultus* nghĩa là *đã cày cấy, được vun trồng*. Về sau này, thuật ngữ "văn hoá" được nói về tính chất khai trí, có học vấn, có giáo dục của con người. Theo Giáo sư Trần Quốc Vương: *"Thuật ngữ văn hoá với nghĩa "canh tác tinh thần" được sử dụng vào đầu thế kỷ 17 - 18 bên cạnh nghĩa gốc và quan lý, canh tác nông*

1. Xem thêm: *"Đề cương văn hoá Việt Nam"*.

nghiệp.

Cho đến nay có khoảng 400 định nghĩa vụ văn hoá, khó có thể xác định một cách định nào đầy đủ, chính xác. Do đó, tùy theo các cách tiếp cận, từ các góc độ, phương diện để đưa ra các định nghĩa phù hợp. Có thể kể đến các hướng sau: Từ góc độ triết học, lý luận mác - xít nhận định: *"Nói tới văn hoá là nói tới con người, nói tới việc phát huy những năng lực bản chất con người trong quá trình cải tạo tự nhiên, xã hội, hoàn thiện bản thân theo xu hướng vươn tới cái chân, thiện mỹ. Do vậy nghiên cứu bản chất của văn hoá không thể không xuất phát từ con người nhìn nhận con người trong các mối quan hệ với tự nhiên - xã hội - bản thân"*.

Ở châu Âu cũng như Ở Mỹ, sự phát triển mạnh của khoa học kỹ thuật đã khiến sự lĩnh hội nội dung của văn hoá ngày càng đa dạng và đầy đủ.

Theo các quan điểm của nhiều môn khoa học khác nhau, có thể đưa ra các quan niệm: Các nhà nghiên cứu về dân tộc học định nghĩa: *"Văn hoá và toàn thể những cấu trúc xã hội, tôn giáo,... những biểu thị trí tuệ, nghệ thuật... đặc tính một xã hội"*¹, hiểu như vậy để nói: *"Văn hoá Việt Nam", "Văn hoá Nhật Bản", "Văn hoá cổ đại", "Văn hoá trung đại"...*

Quan niệm của các nhà tâm lý học cho rằng: *"Văn hoá là toàn thể những môn học cho phép một cá nhân, trong một xã hội nhất định, đạt tới một sự phát triển nào đó về mặt cảm năng, về ý thức phê phán và các năng lực nhận thức các khả năng sáng tạo..."*²

Quan niệm của các nhà xã hội học cho rằng: *"Văn hoá và hình thể chung những ứng xử đã học được và của những kết quả của chúng mà các yếu tố được thừa nhận và được truyền bởi các thành viên của một xã hội nhất định"*³.

Các nhà tâm lý học, xã hội học cho rằng: *"Văn hoá như là thái độ tổng quát của con người đối với vũ trụ tự nhiên và xã hội và như là trai trò của con người trong vũ trụ ấy"*.

Theo *Bách khoa toàn thư* của Pháp, văn hoá theo nghĩa rộng và tập tục, tín ngưỡng, ngôn ngữ, tư tưởng, thị hiếu thẩm mỹ, những hiểu biết kỹ thuật cũng như toàn bộ tổ chức môi trường của con người, nghĩa là văn hoá vật chất gồm những công cụ, nhà ở và nói chung là toàn bộ công nghiệp có thể truyền lại được, điều tiết những quan hệ và những ứng xử của một nhóm xã hội với môi trường sinh thái của nó.

Theo Jean Ladriere, văn hoá gồm các bộ phận hợp thành:

- Hệ thống ý niệm;
- Hệ thống chuẩn mực.
- Hệ thống hành động.

Theo Caroline Hodges Persell, những biểu hiện văn hoá lại gồm các hệ thống: hệ thống biểu tượng ngôn ngữ, hệ thống chuẩn mực, hệ thống giá trị.

Theo GS.TS Đinh Quang, mọi định nghĩa về văn hoá đều có những đặc điểm:

1. *Petit Larousse*, 1981.

2. *Jean Ladriere - Les enjeux de la rationalite'* - Aubier – Montaigne, UNESCO, 1997.

3. *Từ điển Ngôn ngữ triết học và Tâm lý học*, Fonlgule và Saint Jean, Paris, 1968.

Văn hoá phải là do con người làm nên thuộc về con người.

Văn hoá là sự thích nghi có sáng tạo, phù hợp với giá trị chân, thiện, mỹ.

- Văn hoá bao gồm cả những sản phẩm vật chất và tinh thần.

- Văn học nghệ thuật chỉ là bộ phận cao nhất trong lĩnh vực văn hoá mà thôi.

UNESCO đã cảnh báo: “*các kế hoạch phát triển không chú ý đến yếu tố văn hoá, sớm muộn đều đưa đến thất bại*”. Sự khuyến cáo này đối với các quốc gia đang phát triển lại càng cần thiết đòi hỏi phải có chiến lược tổng thể bền vững, tiếp nhận những yếu tố tích cực của quá trình công nghiệp hoá của các nước đi trước, đồng thời phòng tránh các nguy cơ có thể xảy ra. Đặc biệt là đối với các nước đang phát triển, khi quản lý kém, thiếu hiểu biết về kinh tế, hoặc với động cơ vụ lợi sẽ phải nhập khẩu công nghệ cũ, các máy móc thiết bị lạc hậu, và có thể trở thành bãi chứa rác cho các nước phát triển. Trong thời kỳ đầu mở cửa, hàng hoá *second-hand* cũng có lúc được coi là hàng quý hiếm, quý hiếm vì rẻ, vì kiểu dáng sang trọng. Sản phẩm mồi ngoạo đã đánh trúng vào tâm lý tiêu dùng của người có thu nhập thấp, song lại ham muốn có sự giàu sang và đua đòi bắt chước. Những hạn chế, sai lầm ấy có thể khắc phục bởi sự vượt lên của nền kinh tế - sản xuất nước nhà. Song đối với các quốc gia thì sự ảnh hưởng của văn hóa nước này với nước khác phải xác định trước một thái độ kiên quyết không du nhập, chứa chấp, tiêu thụ các thứ phẩm, hàng ế về văn hoá.

2. Một số quan niệm về văn hoá

Tra cứu theo nghĩa mặt chữ ở Hán ngữ, “*văn hoá*” tức là “*văn nhã hoá chi*”. Hiểu chữ *văn* ở đây là trong “*nhân văn*” là tác động của người phát sinh đối với vật. Theo sách *Hậu Hán thư - Công Tôn Toàn* truyện luận, có câu “*Xá chủ thiên vận, trung hồ nhân văn*”. Nhân văn là nói trong sự đối sánh với tự nhiên (thiên văn). Nói đến “*văn hoá*” là thông qua hoạt động của con người, theo phương thức của con người mà làm cho đối tượng tự nhiên biến thành (đối tượng) thuộc con người “*nhân hoá*”, đồng thời hình thành thế giới quan con người - tức là thế giới văn hoá. Trong sách Dịch - Bôn quẻ có câu: “*quan hồ thiên văn, dĩ sát thời biến, quan hồ nhân văn, dĩ hoá thành thiên hạ*”. Văn hoá là thông qua nhân sự, nhân vi (các hành vi, huấn luyện, giáo dục...) để cải tạo, xây đắp có ý thức bản tính tự nhiên của con người là hành vi bản năng để nó biến thành tốt đẹp, hợp với “*văn*”. Tuân Tử đề xuất “*hoá tính khởi nguy*” tức là qua nhân vi (ngụy) để cải tạo con người thành thực thể văn hoá.

Quan niệm trên tuy có từ lâu song gần gũi với các quan điểm biện chứng của triết học mác - xít.

Khi đề cập đến quan niệm “*văn hoá*” trong các tài liệu của Trung Quốc, một mặt ta thừa nhận nhiều nền văn hoá hiện nay đang phát triển trong độn độ, giao lưu, hoà hợp, quan niệm giá trị đa nguyên, không có một quan niệm giá trị thống nhất, song mặt khác ta cũng phải thừa nhận loài người vẫn cần một sự hoà hợp, nói như các nhà khoa học đạt giải Nobel (1988) tại Paris đã tuyên bố. “*Nếu muốn tiếp tục sống còn ở thế kỷ XXI, loài người cần quay đầu lại 2500 trước để hấp thu trí tuệ của Khổng Tử*!”. Đây cũng là lý do giai thích sự tăng trưởng kinh tế xã hội của các nước con Rồng châu Á. Các nước này đã biết phát huy những giá trị của văn hoá, của giáo dục, với nguồn gốc triết lý căn bản là triết học Khổng Tử để tiếp nhận nhanh thành tựu khoa học - kỹ thuật của phương Tây.

Ở Trung Quốc, khái niệm "văn hoá" được đề cập đến trong các tài liệu chủ yếu giới hạn trong các hiện tượng xã hội thuộc lĩnh vực triết học, nghệ thuật, tôn giáo, văn tự, giáo dục... Tuy nhiên ở Mỹ, có tác giả lại cho rằng: "*Văn hoá là tấm gương nhiều mặt phản chiếu đời sống và nếp sống của một cộng đồng dân tộc*". Vì vậy, có những quan niệm khác nhau về một nền văn hoá Mỹ, song tựu trung lại, quan niệm văn hoá thường được người Mỹ (hoặc nhận định về người Mỹ) coi như những biểu hiện cụ thể. George Katsiaficas - Mỹ cho rằng: "*Ở Hoa Kỳ chúng tôi cho đến nay chưa có một nét văn hoá thống nhất về ngôn ngữ, và tôi cũng không hy vọng đến một lúc nào đó chúng tôi sẽ có (...). Làm gì có một văn hoá Mỹ riêng. Văn hoá Mỹ là văn hoá của các dân tộc toàn cầu...*". Nhà dân tộc học Mareus Vorfahl (Đức) cho rằng: "*Không có một nền văn hoá mỹ*". Theo ông, ở Hoa Kỳ có một sự phát triển văn hoá nào đó, điều này chỉ có thể hình thành trong những điều kiện hoàn cảnh Hoa Kỳ và chỉ có thể ở nơi đó mà thôi.

Những quan niệm khác nhau trên đây có thể đại diện cho nền văn hoá Đông, Tây thực chất có căn nguyên từ quan niệm giá trị xuất phát từ cơ sở triết học của chủ nghĩa thực dụng (Pragmatism) phương Tây và chủ nghĩa nhân văn phương Đông.

Ở phương diện đời sống xã hội, thuật ngữ "*văn hoá*" được sử dụng ở Việt Nam khá đa dạng với những cách hiểu chưa đầy đủ. Có khi người ta quan niệm văn hoá đồng nghĩa với học vấn (chẳng hạn trong hồ sơ cá nhân ghi: trình độ văn hoá 10/10) hoặc văn hoá được đồng nghĩa với các loại hình nghệ thuật, điện ảnh, âm nhạc..., hoặc văn hoá đồng nghĩa với đạo đức, lối sống, mỹ tục.

Theo Giáo sư Nguyễn Lân, "*Văn hoá và toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử và tiêu biểu cho trình độ mà xã hội đạt được trong từng giai đoạn về các mặt học vấn, khoa học - kỹ thuật, văn hoá - nghệ thuật triết học, đạo đức, sản xuất...*"¹. Ngoài ra Chủ tịch Hồ Chí Minh, cố vấn Phạm Văn Đồng; Giáo sư Đào Duy Anh, Giáo sư Trần Ngọc Thêm và các tác giả khác tiếp cận khái niệm này từ các góc độ khác nhau. Có thể từ phương diện sinh hoạt, bộ mặt xã hội của con người và cộng đồng, hoặc là sự thống nhất hữu cơ giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra, các cách tiếp cận ở trên được khái quát từ hai điểm chính:

Văn hoá được xem như hệ thống giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra.

- Văn hoá được hiểu như là những giá trị tinh thần trong hoạt động sống của con người.

Chúng ta quan tâm đến khái niệm văn hoá theo tác giả Liu Zhongmin² cho rằng: Văn hoá gồm 4 tầng diện:

- *Tầng diện tinh thần (tầng diện tâm lý)* gồm các yếu tố đạo đức, hệ thống triết học, ý thức tư tưởng, quan niệm giá trị, hứng thú thẩm mỹ, tính cách dân tộc.

- *Tầng diện hành vi*: Gồm lối sống, phương thức sản xuất, nghi lễ, lễ hội, quan hệ giữa người với người.

- *Tầng diện các chế độ*, gồm các thể chế chính trị, mô hình tổ chức xã hội, chế độ pháp

1. Từ điển Hán Việt - Nxb Tp Hồ Chí Minh, 1985.

2. Tạp chí Châu Âu 5/1998.

luật.

- *Tầng diện vật chất*, gồm các sản phẩm văn hoá được "vật hoá" như ăn mặc, phương tiện đi lại, công cụ lao động, kỹ thuật...

Theo các tác giả Trung Quốc, trong mỗi nền văn hoá, thì bộ phận được cấu thành trở thành bộ phận trung tâm nhất, ổn định nhất, tạo nên một thứ văn hoá đặc biệt, thường là thuộc về *tầng diện tinh thần*. Còn lớp ngoài cùng nói chung là thuộc về tầng diện vật chất của văn hoá. Trong hệ thống văn hoá thì đây là mặt không ổn định nhất¹.

Như vậy, trong phạm vi tài liệu này, khái niệm văn hoá được đề cập từ tầng diện tâm lý - hành vi để tiếp cận đối tượng nghiên cứu. Trong đó, tác giả chủ yếu đề cập đến các yếu tố quan niệm giá trị, lối sống, quan hệ người - người... để xác định nét đặc trưng văn hoá của một nhóm người. Đối tượng để xác định những nét đặc trưng ấy là những sinh viên.

Như đã nói ở trên, khái niệm "*văn hoá*", kể cả khi lựa chọn một tiêu chí để tiếp cận thực tiễn, thì đã bao hàm sự phức tạp, phong phú, khó có thể "gói gọn" lại gồm những gì. Song một cách tiếp cận hệ thống, tiếp cận lịch sử đòi hỏi chúng ta cần làm sáng tỏ các quan hệ giữa yếu tố văn hoá với các yếu tố khác (ở bình diện khái quát) để trên cơ sở đó tiếp cận các vấn đề cụ thể.

Theo các kết quả nghiên cứu của chương trình nghiên cứu cấp nhà nước mã số KX - 07 - 04 (1993 - 1995), các giá trị văn hoá gồm những giá trị đương đại đang hình thành, chủ yếu gồm các giá trị có tính truyền thống được tiếp nối, được phát triển, tái tạo, tích tụ trong các cộng đồng và qua thời gian, không gian, được thể hiện ở:

- Phong tục, tập quán;
- Nghi lễ, tín điều luân lý;
- Các chuẩn mực xã hội;
- Lối sống xã hội.

Nhìn chung, các mặt biểu hiện trên đây là ổn định tương đối, song có mặt năng động nhất chính là lối sống xã hội. Các giá trị văn hoá được kết tụ bởi các quá trình sau: *sự vun đắp của dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước; quá trình giao lưu, tiếp biến, lựa chọn các giá trị của các nền văn hoá khác*. Quá trình ấy thông qua hoạt động của con người. Chính con người bằng lao động đã sáng tạo ra lịch sử.

Nội dung của các giá trị văn hoá truyền thống gồm các giá trị cơ bản: *lòng yêu nước, nhân ái; đoàn kết cộng đồng) tương trợ giúp đỡ lẫn nhau; lối sống giản dị, trung thực; trọng đạo lý, cần cù, sáng tạo trong lao động, lạc quan, chủ nghĩa anh hùng cách mạng*.

Các nội dung trên được thể hiện bằng các hình thức khác nhau ở mỗi thời điểm lịch sử, ở mỗi dân tộc, ở mỗi thành phần xã hội... theo những cách riêng - đó chính là bản sắc của các giá trị văn hoá, đó chính là nhiệm vụ của giáo dục cần giữ được cái cốt cách của các giá trị, đồng thời thúc đẩy sự đa dạng, phong phú trong phong cách thể hiện.

1. Theo Trịnh Hiểu Vân - "*Tiếp nhận văn hoá với biến thiên về văn hoá*". NXB KHXHCN Trung Quốc 1993, tr.33.

* *

*

Dù tiếp cận vấn đề từ góc độ nào, hoặc chúng ta xét tới các khái niệm liên quan đến khái niệm văn hoá thì mặt biểu hiện của *văn hoá, văn minh, văn hiến...* chính là hoạt động sống của con người, khi tiếp cận theo quan điểm hoạt động thì chính là *lối sống* của con người với ý nghĩa thực tiễn nhất. Khi ta nói đến một nền văn minh, một nền văn hiến lâu đời của một quốc gia của một dân tộc chính là nói đến bề dày của quá trình đúc kết, lắng đọng và thăng hoa của hệ thống các giá trị văn hoá vật chất và tinh thần từ muôn đời để lại.

“*Như nước Đại Việt ta từ trước, vốn xưng nền văn hiến đã lâu...*” (Nguyễn Trãi). Song khi nghiên cứu để làm sáng tỏ các giá trị ấy, để phát triển, để giáo dục thì bên cạnh việc khảo cứu các sự vật hiện hữu, các giá trị tinh thần vĩnh cửu, thì còn phải nghiên cứu trên những con người cụ thể với lối sống của họ trong hoạt động thực tiễn xã hội ở những bối cảnh lịch sử cụ thể. Đối với việc nghiên cứu văn hoá, bản sắc văn hoá trong công tác giáo dục sinh viên thì tập trung vào việc nghiên cứu lối sống của sinh viên là một cách tiếp cận đúng đắn.

Tiếp cận theo *Tâm lý học nhân cách* nghiên cứu lối sống văn hoá của sinh viên chính là nghiên cứu mặt biểu hiện của nhân cách. Qua đó, chủ yếu xác định những đặc điểm trong lối sống có văn hoá của sinh viên với các biểu hiện cụ thể: nhận thức các giá trị, thái độ ứng xử trước các tình huống giao tiếp, hành vi văn hoá.

Giáo dục văn hoá, giáo dục bản sắc văn hoá cho sinh viên là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng, được xem là mũi nhọn của chiến lược giáo dục. Sinh viên là thế hệ trí thức tương lai, với chức năng truyền bá phát triển, sáng tạo các giá trị văn hoá dân tộc, đồng thời có nhiệm vụ lưu giữ các giá trị, hoàn thiện và phát triển chúng qua các thời đại. Chính họ sẽ đảm nhận trọng trách nặng nề trước Đảng, trước nhân dân về việc duy trì và phát triển các giá trị văn hoá dân tộc. Chức năng quan trọng này đã đặt ra các nhiệm vụ mới cho các trường đại học, cao đẳng phải xem đây là một khâu đột phá, then chốt trong công tác giáo dục sinh viên:

3. Giáo dục và văn hoá

Trong nhiều trường hợp, hai khái niệm này có thể chuyển hoá cho nhau, lồng vào nhau, gắn bó với nhau, song chúng có vị trí và chức năng riêng.

Đảng ta đã xác định chiến lược văn hoá là chiến lược xây dựng con người Việt Nam, xây dựng nhân cách Việt Nam. Giáo dục có vai trò chủ đạo trong hình thành và phát triển nhân cách con người. Do vậy, muốn phát triển văn hoá phải đồng thời phát triển giáo dục, phải đầu tư vào giáo dục con người. Trong đó, thế hệ trẻ, học sinh - sinh viên cần được quan tâm giáo dục hàng đầu.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác giáo dục sinh viên hiện nay là giáo dục lối sống, đạo đức. Sự nghiệp CNH - HĐH đòi hỏi càng cao về năng lực và phẩm chất nhân cách con người. Trong đó, phẩm chất nhân cách được nêu lên như mục tiêu cốt yếu, như yếu tố làm nền tảng đảm bảo cho sự phát triển năng lực cá nhân, cho sự phát triển bền vững của xã hội.

Về mục tiêu đào tạo, theo các nhà tương lai học, con người của thế kỷ 21 phải có: nghề nghiệp, khả năng giao tiếp, ý thức nhân văn, khả năng kinh doanh. Trong nội dung giáo dục

hiện đại cần tăng cường nội dung nhân văn. Các nhà văn hoá cảnh báo, việc tiếp thu khoa học kỹ thuật sẽ rất nhanh vì ta thực hiện CNH- HĐH sau các nước khác, song để có một lối sống, một bản sắc văn hoá dân tộc là cả một quá trình lâu dài, là cả một quá trình lịch sử.

Giáo dục nhà trường có chức năng chủ yếu là truyền thụ tri thức cho thế hệ sau và phát triển những tri thức văn hoá cơ bản để họ làm hành trang vào đời. Nhờ giáo dục mà văn hoá nhân loại được bảo tồn, phát triển. Do vậy, văn hoá vừa là nội dung, vừa là mục tiêu của giáo dục. Chiến lược phát triển văn hoá của mỗi quốc gia đều coi mục tiêu chính là hướng vào nhà trường. Sự chuẩn bị từ nhà trường là hướng đầu tư có hiệu quả chắc chắn nhất về nguồn lực người, như Bác Hồ đã căn dặn: *"Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới tương lai vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em"*. Theo GS. VS Phạm Minh Hạc: *"Nói trên văn hoá là phải nói trên con người, mà nói trên con người trước hết phải nói đến tình cảm, tư tưởng, tâm lý, tư duy, chính tả... Đó là cốt lõi của văn hoá. Lịch sử văn hoá là lịch sử con người và loài người. Con người tạo ra văn hoá và văn hoá làm cho con người trở thành người"*¹.

Văn hoá là gieo trồng, sáng tạo các giá trị trong quá trình sống của con người, văn hoá được duy trì, phát triển bởi giáo dục, tự giáo dục. Kết quả của giáo dục hội tụ ở con người, "phát triển người bền vững", chính là phát triển văn hoá, phát triển vì con người. Có thể nói văn hoá và giáo dục gắn bó với nhau, nhiều khi đồng nghĩa về quan niệm, chức năng. Từ khi có văn hoá, loài người bắt đầu có giáo dục, khi giáo dục thực hiện chức năng quan trọng "chức năng tư tưởng - văn hoá" thì văn hoá thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Ngày nay, khi nền văn minh công nghiệp lấy năng suất, số lượng để cạnh tranh đã trở thành lạc hậu phải nhường chỗ cho "kinh tế tri thức" thì trong đó hàm chứa các giá trị văn hoá. Khi nền sản xuất chỉ khai thác vật liệu và tài nguyên trong lòng đất thì năng lượng cơ bắp và công cụ được coi trọng, còn đối với kinh tế tri thức, sự toả sáng của trí tuệ là vô tận, là nguồn tài nguyên vô giá đối với mỗi quốc gia và chính vì thế mà các nước mới coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển. Quan niệm phát triển về con người là quan niệm phát triển kinh tế bắt nguồn từ văn hoá và nhằm tới văn hoá.

Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 (10/1987) đã thông qua kế hoạch thực hiện cuộc vận động thập kỷ văn hoá vì phát triển (1987 - 1997) gồm 4 mục tiêu (lược trích): Thừa nhận vị trí của văn hoá trong phát triển (...) - Tôn trọng tất cả các nền văn hoá của các dân tộc (...) - Mở rộng sự tham gia vào đời sống văn hoá, huy động mọi lực lượng và bảo đảm tự do sáng tạo của cá nhân (...). Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về văn hoá: thời đại này là thời đại của giao lưu văn hoá vùng và trên thế giới.

Theo GS.VS Phạm Minh Hạc² có: "Năm điểm lớn xây dựng nền văn hoá dân tộc:

1. Xây dựng tâm lý: Lý cách, tinh thần độc lập tự cường.

1. *Phát triển giáo dục, phát triển con người phục vụ phát triển xã hội - kinh tế*. Nxb. KHXH, 1996 - Tr.74

2. *"Hồ Chí Minh về văn hoá và con người"*; Tạp chí *Thế giới trong ta*, số 114, Tr. 7.

- 2- Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.
- 3- Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.
- 4- Xây dựng chính trị: dân quyền
- 5- Xây dựng kinh tế.

Cũng theo GS. Phạm Minh Hạc, Bác Hồ đã đặt tâm lý lên hàng đầu trong việc xây dựng nền văn hoá, điều đó chứng tỏ tựu trung lại là vấn đề con người, giáo dục con người, giáo dục nhân cách. Đây là phương pháp luận tiếp cận vấn đề văn hoá, giáo dục văn hoá rất biện chứng, đặt nền móng cho phát triển văn hoá, giáo dục sau này. Ngay từ năm 1943, với bản “*Đề cương văn hoá Việt Nam*”, Đảng ta đã xác định rõ các quan điểm phát triển văn hoá là kế thừa, là phát triển tiếp nhận những yếu tố hiện đại, dựa trên nguyên tắc lớn: *dân tộc khoa học, đại chúng*.

Theo tác giả Trần Ngọc Thêm, văn hoá ngoài đặc trưng tính hệ thống, tính giá trị, tính nhân sinh, còn có chức năng giáo dục¹. “*Nhưng văn hoá thực hiện chức năng giáo dục không chỉ bằng những giá trị đã ổn định (truyền thống), mà còn bằng cả những giá trị đang hình thành. Hai loại giá trị này tạo thành một hệ thống chuẩn mực mà con người hướng tới. Nhờ nó mà văn hoá đóng vai trò quyết định trong việc hình thành nhân cách (trồng người)*”². Như vậy, sức mạnh và hiệu quả của văn hoá là ở chỗ nó có thể huy động được toàn bộ các năng lực tinh thần của con người và tác động tới chỗ sâu kín nhất của đời sống tinh thần con người. Giáo dục và văn hoá là hai nhiệm vụ phải tiến hành đồng thời, cũng có thể xem là hai lĩnh vực hoạt động có chung một mục đích là đào tạo chất lượng con người mới. Gắn kết hai lĩnh vực để đạt được những hiệu quả nhất định trong giáo dục nhân cách, giáo dục con người là nhiệm vụ của toàn xã hội.

Một trong những đặc điểm quan trọng của mối quan hệ giữa giáo dục và văn hoá là trong từng phạm vi, cần phân biệt giữa mục đích và phương tiện. Nếu giáo dục là con đường, phương tiện quan trọng, chủ yếu trong giáo dục con người thì văn hoá là đặc trưng, là nội dung quan trọng của sản phẩm mà thường ta hay nói đến như: nhân cách có văn hoá. Có khi văn hoá là phương tiện (tức là hoạt động văn hoá cụ thể) trong việc tạo lập một điều kiện môi trường sống, một bầu không khí hay môi trường văn hoá để cho giáo dục phát triển thuận lợi. Quan hệ biện chứng giữa giáo dục và văn hoá được phản ánh rõ nét từ phương diện vĩ mô hay vi mô, từ quan hệ hành chính (các bộ - ngành) đến nội dung hoạt động hay một dạng hoạt động cụ thể của con người. Một cá nhân có thể được đánh giá là một người *có giáo dục* hay người *có văn hoá*, sự đánh giá này đã bao hàm sự khái quát toàn diện về nhân cách. Do đó, văn hoá và giáo dục là hai lĩnh vực hoạt động quan trọng của xã hội, đặc biệt là nó có tác dụng ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người.

4. Bản sắc văn hoá dân tộc

Thuật ngữ “*bản sắc*” (*identité*) chỉ tính chất, màu sắc riêng tạo thành phẩm chất đặc biệt

1. *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, 1999.

2. Tài liệu đã dẫn trang 13.

của một vật¹. Thuật ngữ "*bản sắc*" nhấn mạnh cái riêng tạo thành phẩm cách, tài năng. Cũng cần phân biệt, từ "*đặc biệt*" chỉ sự khác xa mức thường, "*đặc điểm*" chỉ những nét riêng biệt, "*đặc trưng*" chỉ dấu hiệu đặc biệt nổi trội.

Khái niệm "*văn hoá*" theo *Từ điển Tiếng Việt*, có các nghĩa:

- Toàn thể những thành tựu của loài người trong sản xuất, xã hội và tinh thần: "văn hoá xã hội chủ nghĩa".

Sự hiểu biết về sự vật hay về cách xử thế tích lũy bằng việc học tập có hệ thống hoặc thâm nhuần đạo đức và phép tắc lịch sự.

Khái niệm "*văn hoá*" được hiểu như trên để phân biệt với khái niệm *văn hiến* - chỉ văn vật, "*văn minh*" - chỉ giai đoạn phát triển của xã hội loài người... có trình độ tổ chức và sinh hoạt cao.

Từ việc nghiên cứu hệ thống hoá các quan niệm của các tác giả đi trước, có thể quan niệm: "*Bản sắc văn hoá*" là những đặc điểm riêng biệt, có giá trị cao, gồm những giá trị vật chất và tinh thần được tích lũy và phát triển trong tiến trình đi lên của một dân tộc, nó quy định vị trí riêng biệt về mặt xã hội của một dân tộc. Những giá trị đó có thể có ở mọi dân tộc, song ở dân tộc có bản sắc văn hoá được biểu hiện đậm nét, sâu sắc và đặc biệt hơn.

Hệ thống cấu trúc bản sắc văn hoá dân tộc:

Theo Giáo sư Phạm Hoàng Gia, hạt nhân của bản sắc dân tộc gồm: lối sống; tâm thức - lối ứng xử; ngôn ngữ. Biểu hiện của bản sắc dân tộc ở cấp độ như sau:

a. Cấp độ 1

- Lối sống gồm:

+ Cách tổ chức nền kinh tế,

+ Kỹ thuật sản xuất;

+ Lối cư trú.

- Tâm thức gồm:

+ Phong tục, tập quán;

+ Thế giới quan, tín ngưỡng;

+ Quan niệm về con người;

+ Quan niệm về xã hội;

+ Kiến trúc;

+ Mỹ thuật;

+ Các ngành nghệ thuật khác;

+ Âm nhạc.

- Ngôn ngữ gồm:

1. Theo *Từ điển tiếng Việt* Nxb Khoa học xã hội. H, 1997 - In lần thứ 2.

+ âm nhạc;

+ Văn học.

b. *Cấp độ 2*

+ Tổ chức nền kinh tế và kỹ thuật sản xuất;

+ Phong tục tập quán;

+ Quan niệm về con người.

Theo tác giả Trần Ngọc Thêm¹ cấu trúc của hệ thống văn hoá gồm bốn thành tố. Hệ *văn hoá nhận thức* gồm kho tàng kinh nghiệm và tri thức phong phú về vũ trụ và về con người; hệ *văn hoá tổ chức cộng đồng* gồm tổ chức đời sống tập thể và tổ chức đời sống cá nhân; hệ *văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên* hệ *văn hoá ứng xử với môi trường xã hội*. Nghiên cứu hệ thống cấu trúc bản sắc dân tộc ở trên, chúng tôi đưa ra hệ thống cấu trúc bản sắc văn hoá dân tộc như sau: *các giá trị và định hướng giá trị, lối sống văn hoá; một số đặc điểm tâm lý*.

Như đã trình bày ở phần trên, chúng tôi giới hạn phạm vi tiếp cận vấn đề văn hoá ở các phương diện: trong quan hệ ứng xử; trong nhận thức đánh giá hệ giá trị; trong hoạt động của nhân cách.

Do đó, nghiên cứu bản sắc văn hoá dân tộc là tìm đến cái nét riêng biểu hiện ở các mặt: nhận thức - thái độ - hành vi của nhân cách. Tuy nhiên cũng cần nhấn mạnh đến quan niệm thế nào là cái riêng? Liệu nó có trở thành cái độc đáo hay là cái dị biệt có ý nghĩa bảo thủ cũ kỹ?

Tác giả Văn Quân viết: "... Chẳng phải chỉ ở Việt Nam mới có, mới biết tình cảm và ơn nghĩa, mới lo đạo và đời, có điều, với hoàn cảnh đất nước và tập tính cộng đồng, những phẩm chất ấy trội nổi và bám rễ sâu xa, trở thành những giá trị đặc sắc không thể bỏ qua hoặc trộn lẫn trên gương mặt dân tộc².

Theo cách hiểu trên, bản sắc văn hoá dân tộc cần được xem xét từ các góc độ sau:

- Cái đúng, hay, tốt có ở mọi dân tộc (tiêu chí nhân văn) song nó được thể hiện ở dân tộc nào đậm nét, sâu sắc, trở thành của riêng của dân tộc ấy.

- Nếu xét theo tiêu chí xã hội, các giá trị được biểu lộ vững bền mà không phụ thuộc vào biến đổi lịch sử.

Ở góc độ giá trị tinh thần xã hội, bản sắc văn hoá được thể hiện ở lối sống, cách ứng xử, cách thể hiện ở nếp sinh hoạt, ngôn ngữ, giao tiếp... một cách đặc biệt, khó có thể trộn lẫn.

Chẳng hạn, đối với người Nhật Bản, họ có thái độ niềm nở, lịch sự, cẩn thận, chu đáo, ý thức chấp hành, ý chí theo đuổi đến cùng mục tiêu công việc... là những nét biểu hiện rõ nét đến mức bất cứ ai đến Nhật Bản đều thừa nhận đó là "bản sắc văn hoá Nhật Bản", cho dù dân tộc nào cũng có thể có những biểu hiện tương tự. Điều quan trọng là mức độ sâu sắc của các biểu hiện, như nó đã trở thành điều tự nhiên, không hề có chút gợn của sự khéo léo che đậy, hoặc dàn dựng kịch bản. Chúng ta đều thừa nhận là người Hoa (Trung Quốc) dù ở đâu cũng

1. *Cơ Sở văn hoá Việt Nam*. Nxb Giáo dục, 1999.

2. *Về các giá trị dân tộc* NXB Văn hoá dân tộc; tr.22.

không bị pha trộn về lối ăn mặc, cách làm nhà cửa, quan hệ giao tiếp, cũng như lòng trung thành với Tổ quốc.

Như vậy, với quan niệm bản sắc văn hoá theo cách tiếp cận của tác giả Liu Zhongmin ở hai tầng diện tâm lý và hành vi, chữ "văn hoá" (trong phạm vi sử dụng khái niệm "văn hoá" của tài liệu này) chúng ta có thể lựa chọn trong hệ thống các đặc điểm văn hoá mà Giáo sư Trần Ngọc Thêm đã khái quát, để đưa ra các đặc điểm văn hoá Việt Nam sau đây: Do đặc trưng nghề nông trồng lúa nước mang tính thời vụ cao, nên "tính cộng đồng", "tính tự trị" hình thành tính dân chủ, tập thể, đoàn kết, song cũng kèm theo óc gia trưởng, bè phái, ích kỷ, đố kỵ nào bằng. Lối sống quân bình hướng tới sự hài hoà, xã hội ưa ổn định hơn phát triển. Trong giao tiếp, coi tình cảm hơn lý trí, ưa tinh thần hơn vật chất...

- Quan hệ ứng xử năng động và linh hoạt, có khả năng thích nghi với mọi sự biến đổi, tư duy tổng hợp luôn kết hợp mọi cái với nhau. Sự tích hợp cũng là một đặc trưng văn hoá Việt Nam, chẳng hạn mọi tôn giáo vào Việt Nam đều được tiếp nhận và phát triển chứ không có tình trạng một tôn giáo độc tôn như một số nước Đông Nam Á.

Bản sắc văn hoá là vấn đề được đề cập đến khá phổ biến trong lĩnh vực nghiên cứu về văn hoá, giáo dục, tư tưởng. Hiểu nội hàm khái niệm bản sắc văn hoá là một vấn đề khó, phức tạp. Trước khi đi vào tìm hiểu nội dung, bản chất của khái niệm "bản sắc văn hoá dân tộc", ta xem xét một số khái niệm liên quan.

Sự đa dạng về văn hoá là một hiện tượng phổ biến, cũng là một quy luật phát triển của mỗi quốc gia, mỗi xã hội. Chúng ta sẽ không thể tưởng tượng được xã hội sẽ ra sao khi tất cả: lối sống, tâm lý, thói quen, phong tục... của mọi người đều giống như nhau. Kết quả của sự đấu tranh, của cách mạng cũng đạt đến mục đích giải phóng dân tộc, giải phóng con người, con người được tự do. Nói như một nhà nghiên cứu nước ngoài, thế kỷ tới là thế kỷ con người phấn đấu để được sống khác nhau (với ý nghĩa đa dạng trong lối sống). Nếu như con người đã từng mong muốn để được sống như người khác, bằng người khác... thì ở xã hội văn minh, con người còn mong muốn để được sống tự do, bình đẳng, thoả mãn mọi nhu cầu chính đáng của con người, trong đó là quyền được tự thể hiện mình kể cả với tất cả những cái nên những nét bản sắc, độc đáo. Để sống khác người khác không phải là sự "lập dị", sự tự do không phải là dự do tuyệt đối, hay là sự khác biệt khó chấp nhận. Đã có lúc, chúng ta phản đối lối sống của cá nhân này hay cá nhân khác chỉ vì họ không giống số đông kể từ cách ăn mặc, giao tiếp và trên thực tế, đây là những biểu hiện của cá tính chưa được chấp nhận ngay. Bản chất của khát vọng tự do cho con người là đòi hỏi một lối sống đẹp, lối sống trong sự tuân thủ pháp luật, của lương tâm và trách nhiệm, mình vì mọi người, mọi người vì mình". Do vậy, tôn trọng sự phong phú, đa dạng của các nền văn hoá trong thời đại ngày nay là yêu cầu tự nhiên của nhân loại, nó thể hiện lí tưởng cao cả của chủ nghĩa nhân văn: cho con người và vì con người.

Nói đến tầm quan trọng của sự đa dạng về văn hoá theo ý nghĩa tích cực tức là khi xem xét cái riêng trong quan hệ biện chứng với cái chung. Hay nói một cách khác, sự đa dạng trong sự thống nhất, thống nhất mà đa dạng. Mục tiêu chỉ có một, song cách biểu hiện khác nhau. Sự phong phú đa dạng về văn hoá dân tộc Việt Nam là để hướng tới mục tiêu cao cả: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" theo định hướng mục tiêu của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra.

Đặc trưng văn hoá là một khái niệm được tiếp cận từ các góc độ lĩnh vực chuyên môn. Tại hội thảo khoa học: "*Đi tìm đặc trưng văn hoá Việt Nam*"; tháng 6/2000 tại thành phố Hồ Chí Minh, các nhà khoa học đã đưa ra 4 đặc trưng sau:

+ Trong quá trình phát triển, văn hóa Việt Nam đã phát triển bằng "biến động" và "hấp thụ" hết sức phong phú để nó là chính nó, thậm chí sâu sắc hơn, đa dạng hơn. Theo đó, trong lịch sử Việt Nam đã "chuyển hoá" văn hoá Trung Hoa (trong giai đoạn nghìn năm Bắc thuộc) và văn hoá phương Tây (cuối thế kỷ 19 đến nay) một cách đặc trưng mà ít có dân tộc nào làm được.

+ Đặc trưng văn hoá hiện lên qua: văn học, y học, lịch sử, bảo tàng, âm nhạc, ngôn ngữ, tâm linh...

+ Đặc trưng văn hoá thể hiện từ tính cách con người Việt Nam (kể cả mặt tốt đẹp và mặt hạn chế);

+ Đặc trưng văn hoá trong lời nói, chỗ ở, trong công cuộc đổi mới của người Việt Nam hôm nay.

Từ cách hiểu "sự đa dạng" và "đặc trưng" một cách cơ bản như ở trên, có thể đưa ra một cách hiểu ban đầu về "bản sắc văn hoá" như sau:

Bản sắc văn hoá dân tộc là hệ thống giá trị bền vững mang tính truyền thống và hiện đại, gồm các giá trị tinh hoa của dân tộc được vun đắp nên qua hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước; là quá trình tiếp nhận, bổ sung, hoàn thiện những giá trị mới, đồng thời là gạt bỏ những giá trị lạc hậu, lỗi thời, để những giá trị bền vững luôn sống động với thực tiễn xã hội.

Từ góc độ thực tiễn ở các nước, cần lấy ví dụ Singapo là một nước đã thành công trong phát triển kinh tế, đã biết hướng mọi sắc tộc chung sức để xây dựng nên một bản sắc riêng, bản sắc Singapo, kêu gọi cộng đồng cùng nhau làm việc vì lợi ích chung của đất nước. Mặc dù vậy, bản sắc Singapo vẫn còn trên con đường xác định dần. Có hai quan niệm:

- *Bản sắc thoái triển* (regressive) là bản sắc mà trong đó bản sắc của đất nước được xây dựng dần qua sự *sống lại* những giá trị truyền thống lâu đời và tốt đẹp của đất nước xưa. Điều này ta thường gọi là giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, khôi phục và bảo tồn các giá trị truyền thống. Tinh thần của nó được phản ánh ở mục tiêu: nền văn hoá *đậm đà bản sắc* dân tộc.

- *Bản sắc tiến triển* (progressive) là bản sắc mới được *hình thành* do việc kiến tạo một tổ chức xã hội mới và cùng nó tạo ra một bản sắc mới, trong đó tất yếu sẽ có nhiều hỗn hợp của các bản sắc cộng đồng địa phương. Đây thực chất là yếu tố mới, *tiên tiến* trong giá trị văn hoá dân tộc, nó chính là sự bổ sung biến chứng trong quá trình phát triển xã hội¹.

Theo chúng tôi, cả hai yếu tố trên phải đồng thời, bổ sung và hoàn thiện cho nhau, không thể xem nhẹ một khía cạnh nào, như Đảng ta đã chỉ rõ trong Nghị quyết TW 5 khoá VIII: xây dựng một nền văn hoá *tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.

Chúng ta dễ dàng nhất trí với vấn đề của tác giả Minh Hiếu nêu đại ý: *Sự ca tụng nhiệt*

1. Theo GS.TS Đinh Quang - *Nhận thức và xử lý văn hoá trên thế giới*, Nxb Chính trị Quốc gia, H, 1999.

*liệt mọi sự độc đáo của một cộng đồng trong khi lại ít quan tâm đến giá trị nhân văn cao hay thấp trong cái riêng ấy là một điều khó chấp nhận*¹.

Theo đó, chúng ta hiểu, bản sắc văn hoá không phải chỉ là dấu hiệu hình thức để phân biệt giữa dân tộc này với dân tộc khác, điều quan trọng hơn là cần đánh giá giá trị của những đặc trưng bản sắc đó theo tiêu chí nhân văn theo quan điểm "cho con người, vì con người". Các biểu hiện đặc trưng văn hoá gồm "sự khác biệt", chỉ có ở dân tộc này, ít thấy ở dân tộc khác, nhiều khi chỉ là tiêu chí hình thức. Cái được mọi người thừa nhận là bản sắc thực chất là cái riêng đã được thấm thấu vào máu thịt từng con người của dân tộc đó, đã trở thành niềm tin sâu sắc, trở thành lối sống của cộng đồng dân tộc, nó được phản ánh một cách tự nhiên, đặc sắc mà mỗi người khi bắt gặp nó khó quên được. Chẳng hạn qua ví dụ sau đây:

Một người Việt Nam sang thăm Nhật đã viết về "Bản sắc Nhật Bản". Đại ý như sau: đó là sự chu đáo, tỉ mỉ từng chi tiết nhỏ, rất lễ phép của người Nhật, thói quen làm việc ngoài giờ cho hết công việc hàng ngày (không đòi hỏi "bồi dưỡng"); tính cộng đồng rất mạnh, sự tính toán hợp lý đến mức hoàn hảo đến mọi chi tiết của công việc... Đó cũng chỉ là những nhận xét bên ngoài qua lịch trình đi lại ở nước Nhật, chưa phải là sự thâm nhập sâu vào đời sống văn hoá tinh thần của họ, song có thể nhận thấy rằng: hình như có một giá trị nào đó mà ta đang tìm kiếm lâu nay (nó đang ẩn tàng trong mỗi người) nay lại thấy nó hiển hiện rõ nét, cụ thể khiến cho thái độ con người thay đổi. Sự biểu hiện của một vài cá nhân con người cụ thể đã đem lại ấn tượng tốt, và chắc chắn sẽ dễ dẫn đến sự nhận định ban đầu về xã hội, đất nước, con người và nhiều khi sự khái quát này không phải là chủ quan, nhầm lẫn.

Bản sắc văn hoá được hiểu từ góc độ thực tiễn hoàn toàn xa lạ với quan niệm bình chúng tộc", "tính bộ lạc", sự co cụm trong khuôn khổ của chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa cực đoan sẽ dẫn đến các xung đột. Do đó, sự giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc phải đồng thời với sự tiếp thu tinh hoa truyền thống, tinh hoa của dân tộc khác, tinh hoa của văn hoá nước ngoài. Chính điều này sẽ giải thích cho chúng ta hiểu tại sao bất đồng về ngôn ngữ, khác nhau về lối sống, phong tục tập quán mà lại hiểu nhau, thông cảm, chia sẻ trước cảnh đời số phận của các dân tộc khác nhau trên thế giới. Có lẽ trong cội nguồn sâu xa của truyền thống văn hoá các dân tộc trên thế giới có những yếu tố nền tảng thống nhất mà không cần sự diễn đạt bày tỏ bằng ngôn ngữ.

Bản sắc văn hoá trong quan hệ với lịch sử dân tộc với truyền thống là sự kế thừa chất lọc, trong quá trình này phải nhìn nhận theo quan điểm phát triển. Lương Khải Siêu đã viết rằng: *"Ta có tai ta nghe, ta có mắt ta trông, ta có tâm tư ta suy nghĩ. Đối với cổ nhân có lúc ta thờ như thầy, có lúc ta kính như bạn, có lúc ta kình địch như hần thù. Ta theo công lý, nhất quyết không làm tôi tớ cổ nhân"*.

Hiện nay trong sự phát triển nhanh của nền kinh tế xã hội, bên cạnh những việc làm tốt đẹp để khôi phục các giá trị văn hoá truyền thống, ví dụ như trong việc tu tạo di tích đền chùa, đáng tiếc là đã có hiện tượng "phục cổ" với ý đồ khôi phục cái cũ đã lạc hậu, đã không còn giá trị, song điều nguy hiểm hơn là *phục cổ trong tư duy, nếp sống thói quen lạc hậu chậm đổi mới*. Những biểu hiện lành mạnh như nếp sống khẩn trương, tác phong làm việc nhanh, hiệu

1. Trong bài: *"Một quan niệm về văn hoá"*, tạp chí *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam* số 9 và 10/2000, tr.49.

quả, có tính đến hiệu quả lợi ích, biết hạch toán... trong kinh tế thị trường khi mới xuất hiện không phải đã được chấp nhận ngay. Nhiều thói quen, nếp nghĩ lạc hậu đã trở thành yếu tố cản trở quá trình phát triển, thậm chí tồn tại ngay trong giới trẻ. Tâm lý hưởng thụ, đòi hỏi, chi tiêu vượt quá mức của thu nhập, lối sống lãng phí, đua đòi... thực chất là sản phẩm của lối suy nghĩ hẹp hòi, lối sống ích kỷ đã xuất hiện từ thời phong kiến. Song nhiều khi lý giải các hiện tượng ấy lại có xu hướng gán cho yếu tố bên ngoài, là ảnh hưởng của văn hoá phương Tây, tàn dư của chế độ phong kiến. Không xem lại mình tức là không thực hiện đúng lời ông cha ta đã dạy: *Tiên trách kỷ, hậu trách nhân*. Đây là cách nhìn nhận và tự đánh giá khoa học và biện chứng về các vấn đề văn hoá, đạo đức, lối sống.

Quá trình phát triển chính là quá trình gạn lọc và bổ sung các giá trị tốt đẹp được lưu giữ trong tiến trình lịch sử của dân tộc và của nhân loại. Đồng thời với *sự tiếp nhận* các giá trị tốt đẹp của văn hoá nước ngoài là có *sự tiếp thu* có chọn lọc. Song hiện nay, ở nhiều lĩnh vực, đặc biệt lĩnh vực điện ảnh, âm nhạc, băng hình, sách báo... du nhập của nước ngoài vào nước ta đang tác động mạnh đến thanh thiếu niên. Đã xuất những hiện tượng, những xu hướng tâm lý hưởng thụ trong sự quảng cáo văn hoá mà người ta gọi là "*văn hoá Coca - Cola*".

Nguyên nhân dẫn đến các biểu hiện của lối sống thiếu văn hoá, đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc ở một số thanh thiếu niên thì có nhiều, song cơ bản là ít có các biện pháp đối trọng để cân bằng giữa "xoá" và "xây". Nói cách khác, cấm cái dở thì phải tổ chức các hoạt động tốt để có nhiều hình thức phong phú để bổ sung, đáp ứng nhu cầu chính đáng của con người. Chúng ta đều biết rằng, về phương diện tâm lý, chỉ nghiêng về một vế ngăn cấm lại là một kích thích lớn, như nhà thơ Ba-tư Ôma Khayam cách đây mấy nghìn năm đã viết:

*“Cả thế gian là quán rượu đất hàng
Gi bị cấm, than ôi, đều cấm dỡ”*

Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường, điều quan trọng và chủ yếu là tập trung giáo dục cho thế hệ trẻ có *khả năng thích nghi, phòng chống tốt trước sự “xâm nhiễm”*, là nhiệm vụ căn bản chính khả năng này được coi như một thứ *kháng thể* tôi trước mọi tác động tiêu cực của xã hội. Chúng ta mở cửa để đón ngọn gió mát lành, đồng thời với các biện pháp phòng tránh gió độc, cùng với việc thường xuyên sửa mình. Liều thuốc kháng sinh tốt nhất cho thế hệ trẻ chính là giáo dục toàn diện con người - giải pháp chiến lược này các quốc gia đều thấu hiểu song để thực hiện tốt lại là điều không dễ.

* *
*

Tóm lại, nói đến đặc trưng là nói đến cái nổi bật so với các tập hợp cùng loại, nhưng bản sắc là cái riêng, chỉ có thể biểu hiện đặc sắc ở một đối tượng này mà ít thấy ở nhiều đối tượng khác, nó được xem như yếu tố xuyên suốt quá trình phát triển của đối tượng và nhờ đó để phân biệt giữa đối tượng này với đối tượng khác, tất nhiên không phải chỉ là phân biệt về mặt hình thức. Về mặt ý nghĩa, bản sắc văn hoá dân tộc cũng chính là một tiêu chí quan trọng quyết định đến sự tồn vong của dân tộc này hay dân tộc khác.

Nói đến đặc trưng văn hoá Việt Nam, chúng ta dễ dàng nhận ra: văn hoá Việt Nam đã phát triển bằng “biến động” “hấp thụ” các giá trị truyền thống đồng thời là tiếp thụ các giá trị văn

hoá của dân tộc khác làm cho sâu sắc, đa dạng hơn nền văn hoá của mình. Đặc trưng văn hoá Việt Nam hiện lên ở các mặt: văn học, lịch sử, ngôn ngữ, tâm lý, kiến trúc..., đặc trưng văn hoá Việt Nam từ tính cách con người Việt Nam, đặc trưng văn hoá Việt Nam hiện ra trong lời nói, trang phục, chỗ ở... trong tiến trình lịch sử cũng như trong công cuộc đổi mới.

Theo cách hiểu trên đây, đặc trưng văn hoá Việt Nam có tính “động”. Nó biểu hiện cho xu hướng phát triển của một nền văn hoá có bề dày lịch sử đã không ngừng tích tụ, hoàn thiện mình, phát triển từ sự chọn lọc, kế thừa. Nếu như hiểu đặc trưng văn hoá là cái tiêu biểu của một nền văn hoá thì “bản sắc văn hoá” có thể hiểu là sự lắng đọng, là linh hồn của văn hoá đã kết tụ lại các giá trị văn hoá bền vững của dân tộc trong tiến trình lịch sử. Ở phương diện của đời sống thực tiễn, đó chính là lối sống của nhân cách trong điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Tuy nhiên, theo A.T. Mugi, trong tài liệu tạp chí: *"Cultural and Future"*, cho rằng: *“Bản sắc văn hoá không thể được xem xét như một sự co lại và đóng cục lại của những giá trị bất biến”*. Theo ý kiến của một nghệ sĩ nước ngoài (Nich Gi-oa-kin, Philippin) thì: *“Bản sắc không phải là quá trình qua đó người ta tồn tại mà quá trình qua đó người ta trở thành”*. GS.VS Hoàng Trinh trong tài liệu *“Văn hoá dân tộc trong quá trình mở cửa ở nước ta hiện nay”*¹ cho rằng: *“Bản sắc văn hoá dân tộc và tổng thể những tính chất, tính cách, đường nét, sắc thái biểu hiện ở một dân tộc trong lịch sử tồn tại và phát triển giúp cho dân tộc đã giữ vững được tính duy nhất, tính thống nhất, tính nhất quán so với bản thân mình trong quá trình phát triển”*.

Những quan niệm trên đây đã giúp chúng ta có cách nhìn biện chứng về vấn đề bản sắc văn hoá dân tộc, nó là hệ thống mở, có giá trị nhân văn sâu sắc, có tác dụng làm cho sự phát triển của con người tốt đẹp hơn, văn minh hơn.

Ở một cách tiếp cận văn hoá và phát triển, cần làm rõ 2 khía cạnh của một vấn đề “bản sắc văn hoá dân tộc”:

+ Gồm các giá trị văn hoá truyền thống đã có, đã tồn tại vững chắc của một dân tộc trong tiến trình phát triển của dân tộc đó.

+ Trong bản sắc văn hoá, cần xem xét độ phong phú hay không phong phú theo định hướng sáng tạo, chứ không nên đặt ra sự cao thấp về giá trị. Hay nói rõ hơn là các giá trị nhân văn là tiêu chí cơ bản để xác định ý nghĩa “bản sắc”, chứ không phải chỉ là sự khác nhau, nổi trội, đặc biệt... về mặt hình thức.

Chẳng hạn, vấn đề bản sắc văn hoá còn được nhà nghiên cứu Hoài Thanh, trong bài nghiên cứu *“Tính chất của văn hoá Việt Nam”*² đã tiếp cận từ góc độ thẩm định *“Một vài quy tắc riêng Việt để có thể hiểu ít nhiều về bản sắc Việt Nam”*. Theo ông, trong tiếng Việt, quan niệm cá nhân không có giới hạn hẹp hòi và rõ rệt như trong tiếng nói phương Tây. Người này và người nọ rất dễ dàng hoà lẫn với nhau, qua câu:

Ai về Đồng tỉnh, Huê Cầu

1. Nxb Chính trị Quốc gia, H, 1996.

2. Tạp chí *Tiền phong*: 1946.

Chẳng hạn, lý giải thơ Việt ưa nhịp chẵn hơn nhịp lẻ (khác với thơ Hán kết thúc nhịp lẻ lơ lửng chưa dứt cái thể của nó còn muốn đi xa), tác giả cho rằng: "Các thơ Việt kết thúc bằng nhịp chẵn hình như đã tìm được nơi yên nghỉ. Câu thơ đọc hết, tâm trí người ta không còn thắc mắc, băn khoăn gì nữa, người ta thấy bình tĩnh yên ổn vô cùng". Qua khảo sát một số hiện tượng ngôn ngữ và tiếng Việt, tác giả Hoài Thanh nhận định: văn hoá Việt Nam có đặc tính không thiên về số lượng. Điều này khó hiểu đối với tác giả phương Tây, song theo tác giả Hoài Thanh: "*Cha ông ta ngày xưa không hay lập dị, không cố tìm cho có một bản lĩnh riêng (...) công trình văn hoá tuy không nhiều không đồ sộ nhưng vẫn tiêu biểu cho một đời sống tinh thần dồi dào và nhiều vẻ*".

Nêu lên một số ví dụ trên để chúng ta đi đến nhận định: Mức độ biểu hiện của bản sắc văn hoá dân tộc rất phong phú và đa dạng, nó được thể hiện ở lối sống, cách ứng xử trong giao tiếp, hay trong các loại hình nghệ thuật... Do đó, để thẩm thấu vẻ đẹp của nó, cần chiêm ngưỡng như viên ngọc đa sắc màu để thấy hết vẻ lung linh huyền ảo. Một số quan niệm chưa đầy đủ về "bản sắc văn hoá", đặc biệt là khi đề cập đến "bản sắc" hay "đặc trưng" dân tộc, một số người hay nhấn mạnh đến *tính chất có một không hai* của những yếu tố mà chỉ dân tộc mình có, còn không có ở dân tộc khác. Hoặc khi nói đến bản sắc văn hoá dân tộc là chỉ nói đến hình tượng áo dài the, quần áo trắng; khi hát phải hát chầu văn, hát chèo, khi nghe phải nghe đàn bầu, đàn sáo nhị... Vấn đề ở chỗ là cốt cách, bản lĩnh vẫn đậm đà tính cách dân tộc Việt Nam cho dù hình thức có thể thay đổi, cải tiến cho phù hợp với hoàn cảnh. Nhiều khi một hình tượng hay một biểu tượng có ý nghĩa đại diện hoặc tiêu biểu cho nền văn hoá dân tộc không phải được đánh giá bởi giá trị của chính biểu tượng đó, mà điều quan trọng là đằng sau nó chứa đựng vô vàn các giá trị không thể định lượng để đánh giá được. Lễ *Trà đạo* của người Nhật Bản nếu xét về phương diện văn hoá ẩm thực chắc không có nhiều ý nghĩa, song nó đã phản ánh một bề dày của văn hoá truyền thống từ ý thức hệ đến hành vi biểu hiện, cũng như hình ảnh chiếc áo *himônô* của người phụ nữ Nhật Bản cho đến tà áo dài Việt Nam.

5. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc

Như đã trình bày ở trên, vấn đề giữ gìn, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc có vai trò cực kỳ quan trọng trong chiến lược phát triển của các quốc gia.

Trong bài phát biểu của đồng chí Phiden Caxtrô Ruxo¹: "*Chúng ta phải đối phó với một vấn đề khủng khiếp, cuộc xâm lược rất tàn bạo chống lại bản sắc dân tộc chúng ta, một hiện tượng chưa từng xảy ra trong lịch sử loài người, theo khuynh hướng đồng nhất trong một nền văn hoá toàn cầu*". Đồng chí Phiden nhấn mạnh: "*Tổ quốc là gì? Nếu không phải là một nền văn hoá riêng?*".

Nhiều nhà văn hoá đã báo động về thực trạng có sự "xâm lược" về văn hoá. Trên nhiều phương diện: điện ảnh, truyền hình... văn hoá Mỹ, văn hoá "Côca – Côla" đang ra sức phục vụ tuyên truyền cho sự toàn cầu hoá của chủ nghĩa tự do mới. ông Lý Quang Diệu - cố vấn cao cấp của Singapo cho rằng: trong vấn đề văn hoá và phát triển thì việc bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc vẫn là vấn đề lớn của cả thế giới đặc biệt là các nước châu Á. Nếu quốc gia nào không

1. Do Đoàn Đình Ca dịch, đăng trên báo *Nhân Dân*, số 52, ngày 2/12/1998. tr. 15.

duy trì được bản sắc của mình, nước đó sẽ đánh mất khả năng tồn tại của mình. Cuộc "chiến tranh văn hoá" đang diễn ra ở lĩnh vực điện ảnh, sự xâm nhập của văn hoá Mỹ được xem như thứ văn hoá chứa đựng nhiều yếu tố xa lạ với bản sắc văn hoá dân tộc, nếu chưa nói là độc hại. Chẳng hạn ở Pháp đang lo về nạn văn hoá đại chúng (popular culture) Mỹ với việc "Xuất khẩu lối sống Mỹ".

Như vậy, vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc đã trở thành mối quan tâm của tất cả các nước trên thế giới. Để phân biệt với các dạng biểu hiện tương tự như *bản sắc văn hoá*, theo quan điểm của chúng tôi khi đề cập đến việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc khi xem xét một nội dung biểu hiện của nó, phải nhấn mạnh mấy dấu hiệu cơ bản sau đây:

- Có giá trị nhân văn cao;
- Hình thức biểu hiện đa dạng;
- Có yếu tố sáng tạo, phát triển.

Chúng ta coi giá trị "*nhân văn*" là dấu hiệu chính bởi các lý do sau đây:

Trong *Từ điển bách khoa* về triết học đã xác định văn hoá là *hoạt động sáng tạo, có tính tiến bộ, sản phẩm mới*. Bên cạnh đó cũng đã có nhiều quan niệm sai lầm cho rằng: Bản sắc văn hoá dân tộc là sự độc đáo giữa dân tộc này so với dân tộc khác, (không quan tâm đến giá trị nhân văn cao hay thấp chứa đựng trong đó). Trên thực tế, sự phục cổ thuần tuý dựng lại cái lối thời bảo vệ cái lạc hậu, đưa ra cái cũ rồi "tân trang", "vẽ hình" thực ra hoàn toàn xa lạ với quan điểm "giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc".

Như ví dụ đã nêu về phong cách người Nhật Bản trong giao tiếp, ứng xử. Ở đây chúng ta muốn đề cập đến khía cạnh tâm lý - xã hội của hiện tượng đã nêu: mọi nhu cầu, động cơ giao tiếp, xét từ phương diện xã hội học, ở mọi dân tộc đều có cách biểu hiện khác nhau và đều có mong muốn đạt được mục đích tốt đẹp của mình, song phong cách biểu hiện để đạt đến trình độ "*văn hoá Nhật Bản*" đều được mọi người thừa nhận cả về nội dung và hình thức là điều không phải dân tộc nào, cộng đồng nào cũng làm được.

Khi nền kinh tế chuyển sang kinh tế thị trường, phong cách sống, giao tiếp xã hội của con người có sự thay đổi lớn. Chẳng hạn, vẫn ở một con người cụ thể, khi họ bán hàng theo kiểu bán hàng thời bao cấp sẽ rất khác với phong cách bán hàng thời thị trường hàng hoá.

Lý giải sự khác nhau của hiện tượng trên ở chỗ: sự giống nhau hoặc khác nhau được quy định bởi: *mục đích* của hành động - điều này chi phối mạnh mẽ *động cơ lời nói, hành vi* chào mời cũng như *hình thức biểu hiện*.

Tuy nhiên ở góc độ giao tiếp văn hoá giữa người và người sẽ nhận ra giá trị đích thực của hành vi người bán hàng ấy bằng tiêu chí nhân văn - đó là sự khác nhau cơ bản giữa phong cách văn hoá, lối sống có văn hoá của một dân tộc có bề dày văn hiến với lối ứng xử có tính thực dụng của lối sống trong cơ chế thị trường.

Tóm lại, ở mỗi dân tộc khác nhau, lối sống biểu hiện trong cách ứng xử, nếp sinh hoạt, dù ở mỗi thời điểm lịch sử có khác nhau song phải có điểm chung để xác định các biểu hiện đó có phải là bản sắc văn hoá hay không bởi các tiêu chí như đã nêu. Nhờ đó, chúng ta mới khẳng định được sự chấp nhận hay không "chủ nghĩa đa văn hóa" (multiculturalism), "chủ

ngã liên văn hoá" (interculturalism), "chủ nghĩa xuyên văn hoá" (crossculturalism), mà không chấp nhận sự áp đặt, sự thống trị nền văn hoá này với nền văn hoá khác.

Theo Giáo sư Phan Ngọc¹, cộng đồng người Hoa ở Đông Nam Á không có ưu thế về kinh tế, chính trị, quân sự... gồm người tha phương cầu thực, song hiện nay chính họ làm bá chủ kinh tế ở một số nước, và theo Giáo sư, cái làm nên sự thành công đó chính là do văn hoá của họ.

Từ cách tiếp cận trên, khi chúng ta đến thăm các nước đều có chung một nhận xét: bản sắc văn hoá Trung Quốc, từ ăn mặc, cư trú, quan hệ cộng đồng, ý chí cao trong sản xuất kinh doanh,... của sê Hoa kiều ở các nước đó đều thể hiện rõ nét, có bản sắc, có "sắc thái", không thể pha trộn với người bản địa. Nhận xét này cũng đúng với cộng đồng người Nhật ở nước ngoài. Do vậy, khi còn ở trong nước, ảnh hưởng văn hoá dân tộc đã được định hình chắc chắn khó thay đổi (có khi chỉ ở một thế hệ, tiếp sau đó và sự giáo dục, truyền đạt cho thế hệ sau để bảo tồn và phát triển), đến khi định cư ở môi trường mới, cái hay của bản sắc văn hoá Trung Hoa và Nhật Bản là từ cái gốc văn hoá của mình, họ tiếp thu tinh hoa các vùng đất mới để phát triển, điều này nói lên ảnh hưởng của môi trường văn hoá có tính chất quyết định đối với nhân cách khi còn ở trong gia đình. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi, đề tài mã số B98 - 03-23 (cấp Bộ GD & ĐT quản lý) cũng cho thấy: "*Yếu tố số một ảnh hưởng mạnh đến lối sống văn hoá của sinh viên chủ yếu từ gia đình*". Chính điều này một lần nữa nói lên sự cần thiết của thiết chế các môi trường giáo dục: gia đình - nhà trường - xã hội phải kết dính như đã nêu trong *Luật giáo dục* Việt Nam năm 1998.

Muốn giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trước hết phải bắt đầu từ quá trình nhận thức biện chứng về văn hoá, bản sắc văn hoá dân tộc. Giáo sư Trần Đình Hượu đã viết về những vấn đề này trong tài liệu: "*Đến hiện đại từ truyền thống*". Ngay tên gọi này đã gợi cho ta một quan điểm phương pháp luận nghiên cứu vấn đề truyền thống, hiện đại. Tác giả đặt vấn đề lại "*tìm đặc sắc văn hoá dân tộc*" (chữ "*đặc sắc*" - theo từ điển tiếng Việt là màu sắc đặc biệt, hay tốt hơn mức bình thường) có thể hiểu tương đương với từ "bản sắc". Theo nghĩa ấy, Giáo sư cho rằng không phải chỉ cái vốn có mới là đặc sắc văn hoá dân tộc. Đặc sắc văn hoá cũng phát triển, kết hợp với nhưng yếu tố mới, nhưng trong cái phức hợp hình thành về sau, cái vốn có vẫn là xương sống, bản lĩnh sáng tạo biểu hiện ở một dạng kết hợp cái mới với cái "vốn có", thích ứng với cái vốn có với điều kiện mới.

Theo Giáo sư, "*Cần tìm hiểu các giá trị bản sắc văn hoá dân tộc nhưng trong tương quan toàn bộ, không nên làm cho việc đó thành sùng cổ, thành dân tộc chủ nghĩa, làm cho đặc sắc dân tộc thành một thứ hàng rào ngăn cản cái hiện đại, cái thế giới*"². Quan điểm tiên bộ trên đây đã nhìn về phía tiềm năng sáng tạo của văn hoá, chứa đựng giá trị giáo dục cao đẹp. Cũng từ quan điểm trên, Giáo sư cho rằng: "*giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hoá của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật*". Về cách tiếp cận này, Giáo sư Trần Văn Giàu cũng đã lưu ý là bên cạnh việc nghiên cứu mặt tích cực, mặt tốt của mình, người Việt Nam cũng cần phải: "*nghĩ tới cái dở của mình. Không*

1. Trong bài viết "*Văn hoá, từ một cách nhìn mới*". *Tri thức trẻ*, số 67, tháng 1/2001 - tr 4 – 5.

2. Trần Đình Hượu - *Đến hiện đại từ truyền thống*, H, 1994 (Tài liệu của Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX – 07).

phải là không nghĩ tới cái hay. Nhưng mà trong việc nghiên cứu con người Việt Nam, cần phải thấy nhiều cái dở, thấy cho hết cái dở, trong đó có vấn đề đạo đức là rất lớn"¹.

Tháng 6/2001, Hội Tâm lý - Giáo dục học Việt Nam đã tổ chức Hội thảo khoa học với tiêu đề: *Tâm lý người Việt Nam đi vào CNH-HĐH - những điều cần khắc phục*. Sự nhìn nhận khách quan về các giá trị văn hoá quý báu cần lưu giữ và phát triển ở con người đồng thời với việc khắc phục các nhược điểm hạn chế là cách nhìn biện chứng và cách mạng. Đây là một quan điểm đúng đắn khi nghiên cứu, giáo dục con người.

6. Giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên

Giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên là một nhiệm vụ quan trọng của các trường đại học và cao đẳng. Nhiệm vụ này được xác định rõ trong mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, các hình thức tổ chức giáo dục, nó phản ánh một yêu cầu tất yếu của xã hội đối với nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ.

Với mục đích đưa nội dung này vào giáo dục một cách có hiệu quả cho sinh viên các trường sư phạm hiện nay, cần chú ý các đặc điểm sau:

- Sự lựa chọn các nội dung có tính khả thi;
- Phương thức tích hợp, lồng ghép theo chương trình;
- Bám sát hoạt động chủ động là hoạt động học tập;
- Phù hợp với môi trường giáo dục, đặc điểm lứa tuổi.

Từ những quan điểm biện chứng của triết học Mác - Lê nin, thấm nhuần các định hướng giáo dục, định hướng phát triển văn hoá của Đảng, chúng ta đều thừa nhận rằng: Bản sắc văn hoá dân tộc với những đặc điểm được kết tụ ở con người cụ thể, với những nét phẩm chất, tính cách thể hiện trong hoạt động của cá nhân, đó là lối sống.

Do đó, nghiên cứu giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc nhằm giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá các dân tộc cho sinh viên thực chất là giáo dục lối sống có văn hoá cho họ. Như đã trình bày ở trên, bản sắc văn hoá dân tộc không phải là cái riêng, đặc thù chỉ có ở dân tộc này, không có ở dân tộc khác. Theo nghĩa đó, việc nghiên cứu tìm hiểu bản sắc văn hoá dân tộc trên đối tượng sinh viên không phải chỉ là việc tìm ra cái riêng, cái độc đáo của dân tộc này so với dân tộc khác. Chúng tôi xuất phát từ quan điểm cho rằng: Một dân tộc muốn phát triển (đặc biệt trong bối cảnh hội nhập hiện nay) một mặt là phải biết tự bảo vệ mình bằng các khả năng tự kháng thể và mặt khác, quan trọng hơn là biết thích nghi với hoàn cảnh.

Một nền văn hoá dân tộc muốn có thể đứng vững chãi phải kế thừa và phát triển tinh hoa dân tộc mình, đồng thời tiếp thu cái hay cái đẹp của dân tộc khác. Chính sự thích nghi này sẽ tạo ra sức mạnh, tạo ra bản sắc dân tộc luôn mang đậm nét hiện đại, phát triển, như Hồ Chủ tịch đã dạy: *"Tây Phương và Đông Phương có cái gì tốt, ta học lấy để tạo ra một nền văn hoá Việt Nam..."*

Với ý tưởng trên, nghiên cứu bản sắc văn hoá dân tộc trên đối tượng sinh viên trong nhà

1. *Lược ghi* - Bài phát biểu tại Hội thảo *"Con người Việt Nam và công cuộc đổi mới"*. tp HCM. 7-1993. tr.7.

trường hiện nay, bên cạnh việc tìm hiểu các nét, các đặc điểm tốt đẹp của các dân tộc còn lưu giữ ở sinh viên, còn cần phải xem xét khả năng thích nghi với hoàn cảnh, tính linh hoạt biểu hiện trong lối sống có văn hoá của sinh viên. Trên cơ sở đó, phải hình thành cho sinh viên khả năng lựa chọn, sàng lọc, tiếp thu, có phê phán đối với quá trình ảnh hưởng của nhiều cách sống, nhiều kiểu sống, lối sống khác nhau, để lựa chọn các yếu tố tiến bộ hơn, văn minh hơn là một điều kiện quan trọng trong giáo dục lối sống sinh viên.

Ở một khía cạnh khác, khi sinh viên là chủ thể của quá trình giáo dục, khả năng vượt qua được chính mình là một tiêu chuẩn cần có của người trí thức thời hiện đại. Do đó, việc giáo dục bản sắc văn hoá cho sinh viên còn là quá trình giúp họ vượt qua các "rào cản" của của hủ tục, phong tục lạc hậu, các quan niệm cũ đang kìm hãm, để tìm đến các trào lưu tiến bộ, văn minh, văn hoá hơn.

Phát triển văn hoá dân tộc - đó là nhiệm vụ, chức năng quan trọng của người sinh viên, những trí thức tương lai. Đặc biệt là sinh viên sư phạm, với sứ mạng là truyền bá, phát triển các giá trị văn hoá dân tộc và nhân loại cho thế hệ trẻ, có vị trí quyết định trong tương lai sự thành bại của chiến lược văn hoá giáo dục của đất nước. Trong lịch sử phát triển của dân tộc, khởi đầu của các cuộc cải tổ văn hoá phần lớn đều do những trí thức đề xuất. Chẳng hạn như cải cách chữ viết; cải cách ăn mặc, đầu tóc hồi đầu thế kỷ 20; thay đổi tác phong công nghiệp trong làm việc, sinh hoạt của người Việt Nam ta... đều do các nhân sĩ tiến bộ khởi xướng. Luồng ánh sáng văn minh châu Âu (Pháp) đầu thế kỷ đã tạo ra một luồng sinh khí mới cho đời sống văn hoá dân tộc. Những cảnh lộn xộn, nghịch mắt giữa sự pha trộn phong kiến - thực dân ở thời mất nước đã được phản ánh đậm nét trong văn học nghệ thuật, trong lịch sử. Hình ảnh: *"Trên ghé bà đầm ngoi đít vịt, dưới sân ông Cử ngóng đầu rồng"* (Tú Xương), đã phản ánh nổi nhục mất nước, song có thể nói, chế độ thực dân đã không làm người Việt Nam mất đi bản sắc. Điều quan trọng là, cùng với việc giương cao ngọn cờ cách mạng để xoá bỏ chủ nghĩa thực dân, dân tộc Việt Nam đã chọn lọc để kết tinh được các giá trị văn hoá tiến bộ để biến thành của mình. Tiếp sau là quá trình giao lưu văn hoá đối với các nước trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng với tinh thần thái độ tiếp thu có chọn lọc như trên. Chính điều này đã góp phần làm nên sức mạnh Việt Nam trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Nhà nghiên cứu Hà Xuân Trường đã viết: *"Bản sắc văn hoá Việt Nam mang đậm nét văn hoá Trung Quốc, rồi đến văn hoá Ấn Độ, sau này chịu ảnh hưởng cũng khá đậm của văn hoá Pháp rồi đến văn hoá Nga và các nước châu Âu khác trong hệ thống XHCN trước đây"*¹.

Nhận định trên đây khẳng định sức sống và sức sáng tạo, phát triển của văn hoá Việt Nam trong đó có vai trò quan trọng của đội ngũ trí thức dân tộc. Do vậy, các trường đại học và cao đẳng hiện nay cần tăng cường nội dung giáo dục toàn diện đối với sinh viên, trong đó giáo dục bản sắc văn hoá cần được đặc biệt chú ý.

Sinh viên ở các trường đại học, trung học chuyên nghiệp khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam cư trú tại vùng văn hoá có nhiều dân tộc ít người sinh sống. Địa bàn cư trú rộng, có nhiều tiểu vùng khác nhau và có sự chênh lệch lớn về kinh tế văn hoá như giữa các thị xã, thị trấn vùng ven quốc lộ với các huyện, xã hẻo lánh. Xuất phát điểm của sinh viên về các mặt kinh tế, văn hoá, lối sống cũng khác nhau. Do đó, khi học trong các trường đại học và trung

1. Trong *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, số 2/2001. tr.21.

học chuyên nghiệp, các em vẫn giữ được những nét riêng về bản sắc cội nguồn dân tộc chứa đựng nhiều nội dung tốt. Song nhiều em vẫn mang đến trường đại học cả những nếp sống, thói quen cố hữu của dân tộc mình.

Mặc dầu tỷ lệ sinh viên là người dân tộc thiểu số theo học tại các trường không phải là ít, tuy vậy, khi khảo sát về vấn đề này tại các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, chúng tôi có một số nhận xét sau đây mà các nhà giáo dục cần chú ý:

- Không có sự khác nhau lớn về lối sống sinh viên giữa các dân tộc thiểu số, mặc dù ở mỗi trường có từ 6 đến 8 dân tộc anh em.

- Không có sự khác biệt lớn về trang phục, đầu tóc... giữa các sinh viên là người dân tộc thiểu số với người Kinh.

Không có sự khác biệt lớn về lối sống sinh viên các dân tộc thiểu số với lối sống chung. Có xu thế là càng gần năm cuối của khoá đào tạo, càng khó nhận ra nét riêng trong lối sống sinh viên ở các dân tộc khác nhau.

- Tần số sử dụng tiếng mẹ đẻ của sinh viên là người dân tộc thiểu số giảm dần theo phạm vi môi trường sau đây: gia đình = nhóm bạn cùng quê - lớp - tập thể đồng người.

Kết quả trên đã làm xuất hiện 2 khả năng được coi như giả thuyết khoa học về vấn đề này:

- + Một là, xu thế "đánh mất mình" của sinh viên dân tộc thiểu số là rõ nét do ảnh hưởng của môi trường đô thị, của kinh tế thị trường.

- + Hai là, xu thế hoà nhập nhanh của sinh viên dân tộc thiểu số với môi trường giáo dục. Các sinh viên này đã biết tiếp nhận các giá trị văn hoá chung của cộng đồng, việc thích ứng nhanh với môi trường nghề nghiệp của họ đã làm cho họ nhận ra các yếu tố "không phù hợp của dân tộc mình với môi trường mới: Chẳng hạn như việc sử dụng tiếng nói, trang phục, quan hệ ứng xử, nếp sinh hoạt, hoạt động văn hoá - văn nghệ...

Hai xu hướng trên đã thể hiện cả yếu tố tích cực và hạn chế nhất định. Do đó, vai trò giáo dục của nhà trường cần được coi là yếu tố quyết định đến việc điều chỉnh nhận thức, hình thành thái độ, tạo lập hành vi cho sinh viên trong quá trình đào tạo tại các trường.

Các nhà nghiên cứu về tâm lý học sư phạm đại học cho rằng hiện có 7 xu hướng phát triển cơ bản của nhân cách sinh viên:

- Niềm tin xu hướng nghề nghiệp và các năng lực cần thiết được củng cố và phát triển;
- Tình cảm nghĩa vụ, tinh thần trách nhiệm, tính độc lập được nâng cao, cá tính và lập trường sống của sinh viên được bộc lộ rõ;
- Kỳ vọng đối với nghề nghiệp tương lai của họ được phát triển;
- Sự trưởng thành về mặt xã hội, tinh thần và đạo đức, những phẩm chất nghề nghiệp và sự ổn định chung về nhân cách của sinh viên được phát triển;
- Khả năng tự giáo dục được nâng cao,
- Tính tự lập và sự sẵn sàng với hoạt động nghề nghiệp tương lai được củng cố.

Các đặc điểm trên cũng thể hiện mức độ phức tạp, khó khăn trong công tác nghiên cứu

cũng như trong công tác giáo dục sinh viên hiện nay.

Một trong những nguyên tắc cơ bản của tâm lý học mác - xít là nghiên cứu tâm lý, ý thức trong hoạt động và bằng hoạt động. Do đó, giáo dục hình thành lối sống có văn hoá cho sinh viên cần bám sát các dạng hoạt động chủ đạo của sinh viên. Đó là hoạt động học tập, hoạt động giao tiếp, hoạt động xã hội, hoạt động vui chơi... những dạng hoạt động cơ bản trong quá trình đào tạo sinh viên có tác dụng như một môi trường giáo dục, văn hoá tích cực trong việc hình thành nhân cách. Ở các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, hoạt động học tập của sinh viên mang tính chất nghiên cứu. Năng lực tự học, tự nghiên cứu với những phẩm chất ý chí cao, khả năng tự lực đòi hỏi sinh viên phải hướng mọi hoạt động khác vào nhiệm vụ chính là học tập. Các dạng biểu hiện của lối sống sinh viên thể hiện ở hoạt động chủ đạo là hoạt động học tập như sau:

- Thể hiện ở *động cơ, thái độ* với việc học (thực hiện các quy định, yêu cầu, nhiệm vụ do nhà trường giao cho...). Một số nét tính cách của những trí thức tương lai đã dần dần bộc lộ ở khả năng phê phán, sự sáng tạo, khả năng trao đổi thông tin. Đây là nét đặc trưng trong năng lực, phẩm chất, nhân cách sinh viên, nó chi phối các trạng thái xúc cảm, ý chí, đạo đức, nó biểu hiện ở lối sống khẩn trương, tính mục đích rõ ràng, việc dành thời gian cho học tập, việc tạo lập các quan hệ...

Thể hiện ở các mức độ tham gia vào *quá trình học tập* như: tích cực, chủ động hay lười biếng, thờ ơ với việc học. Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu nhiều năm của chúng tôi trên đối tượng sinh viên miền núi đều có chung nhận xét: tính chủ động của sinh viên trong học tập còn thấp; khả năng thiết lập các quan hệ học tập (giữa mục tiêu với nội dung, phương pháp với tự tìm tài liệu, chọn đối tượng học tập nhóm hay hỏi thầy...) còn ở mức độ hạn chế.

- Thể hiện ở *kết quả học tập*: kết quả học tập là sự thể hiện cao nhất năng lực học tập của sinh viên. Các cách đánh giá hiện nay nhiều khi chưa phản ánh đầy đủ năng lực đó. Giữa kết quả học tập của sinh viên với các điều kiện của họ nhiều khi có mối tương quan không chặt chẽ. Chẳng hạn, theo thống kê mới đây, số học sinh, sinh viên có kết quả học tập cao thường rơi vào số học sinh, sinh viên không có điều kiện học tập thuận lợi. Ngược lại, nhiều sinh viên có điều kiện đầy đủ (ví dụ như: có tiền tiêu thoải mái, có điện thoại di động, xe máy để đi học...) lại thường có thái độ trễ nải trong học tập dẫn đến kết quả học tập thấp. Như vậy, các biện pháp và hình thức tổ chức học tập phải chú ý đến việc tạo lập và *thúc đẩy động cơ học tập đúng đắn* cho sinh viên. Vấn đề điều kiện phục vụ cho học tập chỉ là nhân tố bên ngoài. Để thúc đẩy động cơ bên trong có thể phải làm ngay một số biện pháp, chẳng hạn, việc ra đề chấm thi của giáo viên nếu được đầu tư tốt (cả kinh phí và ý thức trách nhiệm cao) thì sẽ khắc phục được nạn quay cóp gian lận trong thi cử một biểu hiện của sự xuống cấp về đạo đức về văn hoá trong sinh viên.

Thuật ngữ "sinh viên" (student) với gốc từ Hy Lạp là *studere* có nghĩa là "cố gắng" để chỉ một lớp người ưu tú, trẻ tuổi đang học tập và nghiên cứu trong xã hội. Trong nền kinh tế tri thức, sinh viên là lớp người thứ 4 trong vòng biểu diễn các thế hệ trí thức (như vòng tròn đồng tâm)

- (1)- Các trí thức đầu ngành có uy tín lớn;
- (2)- Những người lao động trí óc tại các viện, trường đại học;

(3)- Người lao động trí óc đang vận dụng kiến thức văn hoá khoa học, kỹ thuật vào chuyên môn hay phổ biến khoa học, văn học, nghệ thuật cho các đối tượng;

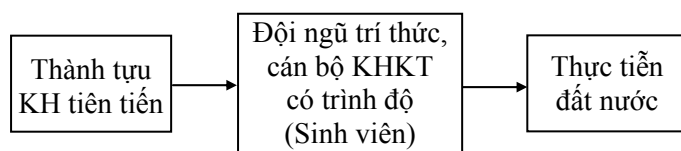
(4)- Sinh viên¹.

Theo mô hình trên đây vai trò của sinh viên được hiểu như một thế hệ kế tiếp sự nghiệp sáng tạo, phát triển của dân tộc. Với vai trò của người trí thức tương lai, sinh viên học tập và nghiên cứu trong trường đại học, cao đẳng thực chất là đang được tập dượt, huấn luyện để hình thành và phát triển các năng lực, phẩm chất của người trí thức: sự hiểu biết sâu rộng, có lương tri, đức độ.

Về vị trí xã hội, chức năng của người trí thức gồm:

- Sự sáng tạo;
- Sự phê phán;
- Phổ biến khoa học;
- Tham gia các hoạt động xã hội.

Do đó, ở các nước đang phát triển, việc tạo nguồn lực cho chiến lược phát triển "đi nhanh, đi trước, đón đầu..." trước hết là từ đội ngũ trí thức, trong đó, tầng lớp sinh viên có vai trò quan trọng. Ta hãy xem xét vai trò của đội ngũ trí thức ở thời điểm các nước đi sau, muốn thành công trong sự nghiệp CNH - HĐH, muốn rút ngắn thời gian, một trong các giải pháp quan trọng là cần nhanh chóng tiếp thu thành quả khoa học kỹ thuật - công nghệ từ các nước phát triển.



(Sự chuyển hoá thông qua đội ngũ trí thức)

Ở Việt Nam, sau 10 năm nữa, chính tầng lớp sinh viên hiện nay là chủ nhân quyết định đến chất lượng của việc "chuyển tải", vận dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật và công nghệ ở nước ngoài vào Việt Nam, hoặc "xuất khẩu" trí tuệ ra nước ngoài, và hơn thế, chính họ là chủ nhân phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngay từ năm đầu sau Cách mạng tháng Tám (6/1946), Bác Hồ đã viết: "*Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới tương lai vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em*"². Đây không những là điều nhắc nhở, khích lệ, đánh giá của ông cha ta, của Đảng, Bác Hồ vĩ đại đối với thế hệ trẻ mà còn là cách nhìn đúng đắn, biện chứng, đặt mọi niềm tin vào thế hệ trẻ trước vận mệnh phát triển của đất nước.

Ở phạm vi môi trường giáo dục - đào tạo, có thể nghiên cứu vai trò của sinh viên trên các

1. Nguồn: "*Trí thức Việt Nam - thực tiễn và triển vọng*" _ phạm Tất Dong -Nxb Sự thật, 1995.

2. Hồ Chí Minh *Về đạo đức*, Nxb Chính trị Quốc gia, 1993.

lĩnh vực hoạt động cơ bản trong nhà trường, đó là sinh viên với các vấn đề: đạo đức, lối sống, học vấn, trí tuệ...

Ngày nay, khi nhìn vào sự đổi thay tích cực về kinh tế - xã hội, cũng đồng thời cần phát hiện ra các yếu tố suy thoái về đạo đức: hệ thống giá trị bị biến đổi theo chiều hướng nhảy vọt từ cực này sang cực khác. Sự vũng vằng về bản lĩnh, tính ý thức về vai trò của người chủ nhân tương lai là các yếu tố trong hệ thống giá trị của người sinh viên. Hàng loạt các quan niệm giá trị, các biểu hiện của lối sống tích cực đã và đang bị xem nhẹ bởi sự lấn át của các giá trị thực dụng trong kinh tế thị trường.

Chức năng định hướng giá trị xã hội, làm mẫu cho bộ mặt đạo đức xã hội của tầng lớp sinh viên đang có nguy cơ giảm sút, vai trò tiên phong của sinh viên thể hiện chưa rõ. Lối sống tích cực là đặc trưng của tầng lớp sinh viên ở mọi thời đại. Ở thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ, những cải cách tiến bộ, duy tân, cách mạng phần lớn đều bắt đầu từ trường học, từ tầng lớp thanh niên sinh viên. Do đó ngày nay, lối sống đẹp trong sinh viên trước hết thể hiện ở thái độ, hành vi học tập, lao động cật lực, say mê, sáng tạo và có hoài bão lớn lao. Lối sống sinh viên hiện nay, theo một số nhận xét trên báo chí và dư luận xã hội, vẫn còn những biểu hiện đang có nguy cơ sa vào lối sống thực dụng cá nhân, ít chú ý đến lối sống "mình vì mọi người, mọi người vì mình".

Theo kết quả nghiên cứu của nhóm các tác giả về đề tài khoa học cấp Bộ: *"Thực trạng lối sống sinh viên Đại học Thái Nguyên và các giải pháp giáo dục đạo đức"* cho thấy: về phương diện nhận thức và hành vi của sinh viên còn có sự khác nhau. Giữa nhận thức đúng đắn của sinh viên với việc làm còn có mâu thuẫn; hoặc hành vi biểu hiện chưa rõ so với nhận thức. Với chức năng quan trọng của mình, sinh viên phải là người đại diện cho lối sống mới. Đó là lối sống biết kế thừa các giá trị truyền thống tốt đẹp, biết tiếp thu một cách có chọn lọc giá trị mới, biết cải tạo cái lạc hậu và biết đấu tranh chống lại những lai căng, xa lạ với bản sắc văn hoá dân tộc.

Sinh viên là thế hệ đại diện cho tầng lớp có học vấn cao trong xã hội. Giữa học vấn và văn hoá không phải bao giờ, lúc nào, ở đâu cũng có tỷ lệ tương ứng. Gần đây báo *Phụ nữ Việt Nam* nêu chủ đề thảo luận tranh luận: *"Khoảng cách giữa học vấn và văn hoá"*. Sau khi nêu con số từ năm 1992 đến năm 1997 số cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ của nước ta tăng nhanh, đó là điều mừng, thì vấn đề được nêu lên đại ý là: dường như vẫn có một khoảng cách đáng kể giữa trình độ học vấn và lối sống có văn hoá, đáng chú ý là ngay trong giới trẻ có học thức. Đây cũng là một nội dung cần quan tâm trong công tác giáo dục sinh viên hiện nay.

Như đã trình bày ở trên, hoạt động chủ đạo của người sinh viên là học tập - nghiên cứu. Mục tiêu giáo dục của các trường đại học là hướng đến hình thành và phát triển nhân cách người chuyên gia, người trí thức tương lai, trong đó năng lực sáng tạo phải được coi là yếu tố quan trọng. Từ góc độ đạo đức lối sống, những phẩm chất nhân cách sinh viên - sản phẩm đào tạo của các trường đại học và trung học chuyên nghiệp phải được coi là tiêu biểu cho các chuẩn mực đạo đức xã hội.

Bộ mặt văn hoá - đạo đức - trí tuệ - lối sống của sinh viên được thể hiện qua các hoạt động, trong đó hoạt động học tập được coi là chủ đạo. Nội dung văn hoá - đạo đức - lối sống là yếu tố cơ bản trong cấu trúc nhân cách sinh viên. Những yếu tố làm nên phẩm chất và năng

lực người trí thức tương lai cũng chính là yêu cầu cần đạt được của mục tiêu đào tạo. Nói đến nhân cách sinh viên trong vai trò vị trí tiên phong của xã hội, ta cần xét đến ba khía cạnh tiêu biểu:

1- Sinh viên là lớp người có ảnh hưởng mạnh và tích cực đến nhiều thế hệ trong xã hội (*chức năng giáo dục*).

2- Sinh viên là thế hệ khơi thông, dẫn đường cho các yếu tố mới, tiến bộ (*yếu tố cách mạng*).

3- Sinh viên là thế hệ biết tự điều chỉnh và điều chỉnh để đạt được mục tiêu cho cá nhân và xã hội (*chức năng điều tiết*).

Sự thể hiện vai trò trên đây có thể chưa rõ ràng đối với sinh viên khi đang học tập trong các trường đại học và cao đẳng, song ít nhiều cũng đã có tác dụng tích cực ở thực tiễn xã hội. Do đó, trong nhiệm vụ lớn của toàn xã hội là giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, cần quan tâm chủ yếu vào thế hệ thanh niên - sinh viên.

Trong ngành giáo - dục hiện nay có nhiều biểu hiện đang làm ảnh hưởng xấu đến xã hội. Nghị quyết TW 5 khoá 8 chỉ rõ: "*Nhiều biểu hiện tiêu cực trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo làm cho xã hội lo lắng như sự suy thoái đạo lý trong quan hệ thầy - trò, bè bạn, môi trường sư phạm xuống cấp; lối sống thiên lý tưởng, hoài bão, ăn chơi, nghiện ma tuý... Ở một bộ phận học sinh, sinh viên; việc coi nhẹ giáo dục đạo đức, thẩm mỹ và các bộ môn chính trị khoa học xã hội và nhân văn*". Các biểu hiện tiêu cực (theo nhận định trên) cần phải nhanh chóng khắc phục. Vì từ khi có giáo dục - dạy học, thì trường học phải là nơi để khẳng định những giá trị tốt đẹp, tạo lập lối sống cho thế hệ trẻ với các chuẩn mực tốt đẹp; là nơi thể hiện sự phong phú đa dạng nhất những tinh hoa văn hoá của dân tộc, của đất nước. Muốn chấn hưng giáo dục nước nhà, trước hết là phải khắc phục các hạn chế trên đây.

Nhìn ra bên ngoài trường học là yếu tố môi trường, ta cũng thấy còn thiếu sự phối hợp đồng bộ và nhất quán của xã hội với nhà trường. Nhiều nội dung giáo dục chưa có sự cộng hưởng từ phía xã hội với giáo dục nhà trường. Thậm chí có những biểu hiện khập khiễng của bên ngoài xã hội so với yêu cầu của giáo dục nhà trường: ví dụ trong khi giáo dục nhà trường yêu cầu học sinh phải chấp hành tốt luật lệ giao thông thì điều kiện tối thiểu để chấp hành luật ấy phải được xã hội tạo điều kiện ủng hộ. Về môi trường cảnh quan giáo dục còn bất cập: sự đơn điệu, tẻ nhạt trong kiến trúc quy hoạch đô thị; sự không tương đồng giữa thu nhập và chi tiêu của một số thanh niên; sự mô phỏng thiếu sáng tạo từ kiến trúc nhà ở đến kiểu áo, kiểu tóc từ phim ảnh nước ngoài đối với thế hệ trẻ.

Dĩ nhiên, nhu cầu hiểu biết về đất nước khác, nền văn hoá khác là nhu cầu chính đáng và là nhu cầu tất yếu để phát triển. Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển, phải xem trọng yếu tố "cội rễ", phải từ cái gốc văn hoá của mình để tìm về cội nguồn, để tìm lấy "nội lực" trước khi cần cộng hưởng yếu tố "ngoại lực". Đây cũng là một quan điểm phát triển biện chứng đối với mọi xã hội. Thật đáng buồn khi biết rằng, phần lớn chúng ta, con em chúng ta sinh ra và lớn lên trong nghèo nàn và đói khổ, chỉ mới thoát ra cảnh đói nghèo chưa được bao lâu, song đã xuất hiện lối sống hoang phí, coi thường lao động, sùng bái đồng tiền, và đây là căn nguyên để sản sinh ra các tệ nạn xã hội.

Chúng ta hãy suy nghĩ từ các số liệu sau: Trong một cuộc điều tra trên 1.800 học sinh,

sinh viên (năm 1995 - tại TP Hồ Chí Minh) với câu hỏi *biết gì về lịch sử tên đường, tên trường nơi cư trú*, phần lớn không biết, có gần 45% cho là Việt Nam có hơn 100 dân tộc, có 39% không biết Vua Hùng là ai.; về sở thích văn hoá nghệ thuật có: 14% thích ca, vũ, nhạc, 280% thích múa rối, 40% thích xem phim, nhạc Pốp, Rốc; gần 52% xem phim sex¹.

GS. TS Huỳnh Khải Vinh cũng đưa ra một số liệu đáng để mọi người chú ý: Trong 468 sinh viên của 9 trường đại học, có 59% không biết Chu Văn An và Lương Thế Vinh là ai? Trong khi hầu hết những người được hỏi đều rõ tên, tuổi các ca sĩ, tài tử điện ảnh, vận động viên nước ngoài...

Từ các số liệu trên, mỗi người có thể có suy nghĩ riêng, song cũng cần phải cảnh báo rằng: sự thờ ơ của thế hệ trẻ với lịch sử, với quá khứ là một nguy cơ lớn đối với một dân tộc. Chúng ta cũng xác định nhiệm vụ giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc không có nghĩa là chỉ dừng trong nhận thức, dạy cho thế hệ sau phải biết những ai, những gì,... Đồng thời, đối với các nhà quản lý, các nhà giáo dục cũng không chỉ có nêu lên các yêu cầu, mà điều quan trọng là phải giáo dục cho cả thế hệ một niềm tin vững chắc, niềm tin ấy phải trở thành máu thịt của họ. Trong nhà trường, việc xây dựng nội dung giáo dục và dạy học về văn hoá, bản sắc văn hoá cần làm có hệ thống, có bài bản, tránh tình trạng khi cảm thấy thiếu thì bỏ sung, khi cần thì đưa vào, thiếu một tầm chiến lược trong giáo dục thế hệ trẻ.

Nói đến văn hoá tức là nói đến con người, con người có văn hóa. Bộ mặt nhân cách con người được thể hiện trong lối sống, trong hoạt động, trong giao lưu. Do đó, các giá trị văn hoá, bản sắc văn hoá cần giữ gìn được hiểu như là sự tồn tại hay không tồn tại, được biểu hiện trong lối sống của con người thông qua nếp sống, thói quen, ngôn ngữ, hành vi, giao tiếp của họ.

Những tiền đề lý luận trên đây sẽ làm căn cứ quan trọng để khảo sát các vấn đề thực tiễn.

1. Theo tác giả Đăng Ngọc - Báo *Đại đoàn kết* số xuân Đinh Sửu - trang 4.

Chương 2

NHIỆM VỤ GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC CHO SINH VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM

Với chức năng là các nhà giáo dục trong tương lai, những giáo sinh sư phạm có một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc giáo dục thế hệ trẻ - con em các dân tộc ở miền núi. Họ được Đảng và nhân dân tin tưởng giao cho trách nhiệm là *chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng văn hoá*. Do vậy, việc nghiên cứu khảo sát các hoạt động giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên các trường sư phạm là một nhiệm vụ quan trọng. Mục tiêu khảo sát về vấn đề trên tại các trường sư phạm nhằm: Đánh giá nhận thức toàn diện của sinh viên về vấn đề bản sắc văn hoá dân tộc, giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc; đánh giá các mức độ thông hiểu và hành vi của sinh viên về vấn đề giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá của dân tộc mình; đánh giá kỹ năng ứng xử trước một số tình huống văn hoá cụ thể của sinh viên, lối sống văn hoá của sinh viên sư phạm.

Đối tượng khảo sát gồm: sinh viên; cán bộ quản lý văn hoá, giáo dục tại các trường sư phạm. Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo các số liệu từ các công trình khác đã công bố để phân tích.

1. Tầm quan trọng của vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên

Trong tổng số sinh viên của các trường được điều tra, phần lớn sinh viên cho rằng: *"Việc khôi phục, giữ gìn, phát triển bản sắc văn hoá dân tộc hiện nay có ý nghĩa, vai trò rất quan trọng đối với nước ta hiện nay"*. Chỉ có tỷ lệ không đáng kể sinh viên không trả lời.

Kết quả này cho thấy: nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của vấn đề trên là rất cao, thể hiện đặc trưng nhận thức của giới trí thức tương lai trước những vấn đề trọng đại của đất nước, một vấn đề quan trọng đang được Đảng, Nhà nước quan tâm.

Về vấn đề: "Con đường cơ bản quyết định đến việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc là thông qua giáo dục", các ý kiến tập trung vào những giải pháp sau: *thông qua giáo dục nhà trường phát triển các loại hình văn hoá hiện có; đầu tư khôi phục các giá trị văn hoá vật chất; chọn lọc các giá trị văn hoá nước ngoài*. Trên thực tế, nhận thức về vai trò các con đường cơ bản quyết định đến việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của các sinh viên các trường rất khác nhau, đánh giá thứ bậc các con đường cũng khác nhau đáng kể. Trong công tác giáo dục sinh viên, cả ba con đường đều quan trọng, quyết định đến việc giữ gìn, phát triển bản sắc văn hoá dân tộc, đòi hỏi phải tiến hành các biện pháp đồng thời. Tuy nhiên ở mỗi trường, sự lựa chọn khác nhau cơ bản, cụ thể:

Đối với sinh viên trường đại học sư phạm, họ chọn con đường *"Đầu tư khôi phục các giá trị văn hoá vật chất và tinh thần, đồng thời chọn lọc các giá trị văn hoá nước ngoài"*. Đây là con đường cơ bản cùng với con đường giáo dục, thể hiện cách lựa chọn có nhiều suy nghĩ của sinh viên trước một vấn đề khó. Song đây là con đường phù hợp với định hướng đã được Đảng ta vạch ra: phát triển một nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Đối với sinh viên các trường cao đẳng sư phạm còn lại, phần lớn đã chọn con đường:

"*Phát triển thông qua con đường giáo dục nhà trường*" và "*Phát triển các loại hình văn hoá hiện có*". Kết quả này phản ánh trình độ nhận thức của sinh viên rất đúng đắn, có căn cứ khoa học. Các con đường trên là rất cơ bản, đã khẳng định việc hình thành và phát triển nhân cách phải coi trọng giáo dục nhà trường. Phải xem đây là con đường chủ đạo trong giáo dục.

Như vậy, nhận thức của sinh viên giữa các trường có sự phân hoá rõ rệt. Có thể lý giải các nguyên nhân như sau: Có thể do sinh viên trường đại học sư phạm ở môi trường đô thị thành phố lớn, có sự giao lưu văn hoá rộng hơn nên chọn phương án có nội dung kết hợp phát triển văn hoá truyền thống và giao lưu hội nhập để tiếp thu và chuyên hoá những giá trị tốt đẹp của nền văn hoá các nước.

Sinh viên các trường cao đẳng sư phạm chọn phương án phát triển các loại hình văn hoá hiện có với cách nghĩ rất thực tế là việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc với nhiệm vụ trước mắt là phải giữ gìn và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp đang có nguy cơ bị mai một.

Cũng với cách nhìn nhận đánh giá khác nhau ở trên, việc sinh viên các trường chọn phương án coi trọng con đường giáo dục trong việc giữ gìn phát triển văn hoá đã thể hiện cách nhìn đúng đắn của sinh viên về nhiệm vụ giáo dục quan trọng này.

So sánh các con đường mà sinh viên lựa chọn để phát triển văn hoá dân tộc đã cho thấy: sinh viên các trường đại học sư phạm có tỷ lệ lựa chọn tương đối đồng đều giữa các con đường. Việc sinh viên các trường còn lại tỏ ra thờ ơ với phương án trong đó có nội dung không lọc các giá trị văn hoá nước ngoài, đã cho thấy có thể một tỷ lệ đáng kể sinh viên miền núi còn có cảm nhận sự giao lưu, hội nhập, tiếp biến về văn hoá với các nước chỉ có mặt hạn chế, không nhìn thấy mặt tích cực. Do vậy các ý kiến chấp nhận con đường này là thấp.

2. Các lực lượng chính tham gia và phát triển các giá trị văn hoá dân tộc

Kết quả nghiên cứu cho thấy các lực lượng: thanh niên, sinh viên; cán bộ công chức nhà nước; Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ; các cơ quan quản lý văn hoá; các nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động văn hoá... là những lực lượng chính tham gia vào quá trình giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên. Mức độ ảnh hưởng của các lực lượng được xếp thứ bậc sau:

- 1- Thanh niên, sinh viên
- 2- Các cơ quan quản lý văn hoá
- 3- Các cán bộ, công chức nhà nước
- 4- Các nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động văn hoá
- 5- Các Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ

Theo thứ bậc trên, quan niệm của sinh viên cho rằng hai lực lượng chính là: *chính bản thân họ* và *các cơ quan quản lý văn hoá* quyết định tới việc giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá dân tộc. Điều này đã phản ánh một cách nhìn nhận đúng đắn, chủ động, tự tin của tầng lớp trí thức tương lai. Tuy nhiên, ở mỗi trường, tỷ lệ lựa chọn lực lượng còn lại có khác nhau.

Sinh viên trường Đại học sư phạm cho rằng vai trò của các nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động văn hoá là lực lượng quan trọng trong việc truyền bá phát triển văn hoá. Có thể vì nhiều năm qua, các trường có rất nhiều cuộc gặp gỡ, giao lưu giữa sinh viên với các nhà thơ lớn,

nhà văn lớn, các nhà hoạt động xã hội... do tính chất đặc thù giao lưu này, có thể tạo nên nhận định trên của sinh viên. Có thể ở các trường khác, mức độ giao lưu ít nên số sinh viên đánh giá vai trò của lực lượng này với tỷ lệ thấp. Hoặc do ở từng địa phương, mức độ hoạt động và ảnh hưởng của các lực lượng khác nhau, nên vai trò thể hiện cũng khác nhau. Chẳng hạn ở các tỉnh vùng cao (ví dụ như CĐSP Hà Giang), sinh viên cho rằng Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ có vai trò đáng kể trong việc phát triển các giá trị văn hoá dân tộc.

So sánh giữa trường Đại học sư phạm với các trường còn lại về mức độ tự khẳng định vai trò chủ thể của sinh viên đã có sự chênh lệch nhau đáng kể. Trong khi sinh viên trường Đại học sư phạm khẳng định: thanh niên, sinh viên là lực lượng chủ yếu tham gia vào phát triển các giá trị văn hoá dân tộc, thì ở các trường còn lại, tỷ lệ này thấp hơn nhiều. Nhận xét chung của sinh viên về nhiệm vụ giáo dục giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong trường đại học và cao đẳng như sau: *nhiệm vụ này trong các trường đã được quan tâm và thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao, có nơi được quan tâm song cách làm không có hiệu quả vì thiếu các phương pháp thực hiện.*

Nhìn chung, các trường hiện nay đã thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ thị của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, Trung ương Đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội, do đó công tác giáo dục sinh viên được quan tâm đáng kể. Một trong những nội dung quan trọng của công tác giáo dục sinh viên là giáo dục lối sống văn hoá qua các hoạt động cụ thể. Tuy nhiên, cách thức làm của mỗi trường cũng khác nhau, chất lượng không đều, nhìn chung chưa thực sự đem lại hiệu quả thiết thực. Đặc biệt hiện nay, công tác giáo dục sinh viên nói chung đang gặp phải các khó khăn mà một trong các khó khăn là số lượng sinh viên quá lớn so với khả năng đáp ứng được của các trường.

Kết quả khảo sát đã phản ánh một khía cạnh của thực trạng của công tác giáo dục sinh viên trong các trường là: Nhiệm vụ giáo dục giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong các trường tuy đã được quan tâm, song kết quả thu được chưa nhiều. Đây là một thực tế đáng chú ý ở các trường, mặc dầu các trường đều có kế hoạch (ví dụ như kế hoạch của các mảng công tác học sinh - sinh viên, công tác Đoàn, Hội sinh viên...) và đều có nội dung hoạt động (đặc biệt từ khi có Nghị quyết TW5 khoá VIII), song cách làm còn chiếu lệ, nặng về lý luận, tuyên truyền, hô hào. Hình thức giáo dục chủ yếu là thông qua các môn học lý luận chính trị, sinh hoạt tư tưởng... chưa có các chủ đề ngoại khoá bổ ích để bổ sung, chưa có các chuyên đề sâu hoặc chưa có nhiều tọa đàm sinh động, bổ ích về vấn đề này... Do vậy, có những vấn đề lớn đang đặt ra: Sinh viên chưa nhận thức rõ, cũng như chưa thể hiện trong hành vi lối sống giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc mình; đồng thời, với trách nhiệm là nhà giáo dục trong tương lai, để hoàn thành nhiệm vụ của mình, từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, mỗi sinh viên sư phạm phải chuẩn bị những gì. Ở nhiều nơi, nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên còn nặng về bề nổi, chủ yếu là: hình thức trang phục dân tộc, tập luyện những bài hát, tiết mục "đặc sản" để biểu diễn khi có quay phim, chụp ảnh để có "màu sắc", có "hình ảnh" khác lạ, để nói lên vấn đề bản sắc dân tộc. Có thể những trang phục dân tộc, bài hát tiêu biểu cho một dân tộc là hình thức biểu hiện quan trọng của bản sắc văn hoá, song điều quan trọng và cần thiết hơn là giáo dục lối sống văn hoá, phát triển các giá trị tốt đẹp, các hành vi lối sống lành mạnh của các dân tộc anh em còn lưu giữ để phát triển, phổ biến rộng trong môi trường giáo dục. Có một số trường, với tỷ lệ sinh viên là người dân tộc thiểu số là 30% song khi có đoàn khách quốc tế đến thăm, phải đi thuê quần áo dân tộc cho sinh viên mặc để chụp ảnh. Những biểu

hiện trên là những cách làm chưa có chiều sâu, thiếu hiệu quả, có phần nặng về hình thức sáo rỗng, do vậy có khi gây ra các tác động xấu, phản giáo dục.

Mức độ quan tâm của sinh viên về nhiệm vụ giáo dục truyền thống văn hoá của dân tộc mình nói chung phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Nhìn tổng thể, sinh viên quan tâm đến hoạt động này chiếm tỷ lệ rất cao, song đồng thời họ cũng cho rằng cần phải có các nội dung hoạt động gắn với chuyên môn. Trên thực tế, mức độ quan tâm vấn đề này phụ thuộc vào: Đặc thù môn học của sinh viên (ví dụ khi họ học ở ngành văn hoá, lịch sử, khoa học xã hội và nhân văn... họ sẽ quan tâm nhiều hơn ngành khác).

- Nội dung hấp dẫn hay không (chủ yếu qua các hình thức ngoại khoá, liên hoan văn hoá văn nghệ...)

Phần lớn sinh viên quan tâm đến các hoạt động giáo dục truyền thống văn hoá dân tộc nói chung, văn hoá dân tộc mình nói riêng là dấu hiệu đáng mừng. Đồng thời với sự quan tâm là nỗi lo lắng, băn khoăn của họ và đây cũng là một vấn đề đặt ra cho chúng ta cùng suy nghĩ.

3. Quan niệm và hoạt động của sinh viên về bản sắc văn hoá dân tộc

Nhận thức của sinh viên về vấn đề này cũng rất phong phú: có xu hướng tách bạch các tiêu chí hình thức ra khỏi yếu tố nội dung như: bản sắc văn hoá dân tộc là *những đặc điểm* chỉ có ở dân tộc này, không có ở dân tộc khác; bản sắc văn hoá dân tộc là *sự khác biệt* cơ bản về lối sống tâm lý, các loại hình văn hoá của các dân tộc; có xu hướng coi trọng yếu tố nội dung như: bản sắc văn hoá dân tộc là *cái hay, cái tốt, cái đúng* (lấy tiêu chí nhân văn làm chuẩn) của các dân tộc đã trở thành sự biểu hiện *cái riêng, cái độc đáo* của dân tộc đó mà dân tộc khác không có được.

Quan niệm "bản sắc văn hoá dân tộc như đã trình bày ở Chương 1, là một vấn đề khó, phức tạp chưa được xác định đầy đủ và toàn diện. Để có khái niệm công cụ khi nghiên cứu và đánh giá quan niệm của sinh viên về vấn đề này, chúng tôi đưa ra các nội dung chính của quan niệm để trên cơ sở đó sinh viên lựa chọn. Nhìn chung, đa số sinh viên của các trường có ý kiến đồng ý rằng nội dung quan niệm về bản sắc văn hoá dân tộc cần rộng hơn. Số còn lại quan niệm đồng nhất "bản sắc văn hoá" với *đặc điểm*; hoặc đồng nhất với *sự khác biệt*.

Quan niệm của sinh viên về "bản sắc văn hoá dân tộc" mặc dù tương đối đúng đắn, song vẫn có sự phân tán cao về phương diện nhận thức, điều đó chứng tỏ chưa có sự nhất trí cao về nội dung các tiêu chí. Xét về nội dung của quan niệm bản sắc văn hoá, thực chất có những điểm trùng nhau, bao quát lẫn nhau. Ở nội dung quan niệm rộng gồm có các tiêu chí sau cần chú ý:

- Cái hay, cái đúng, cái tốt (tiêu chí nhân văn);
- Sự biểu hiện riêng, độc đáo.

Như vậy, trong phạm vi thuật ngữ "bản sắc văn hoá", hiểu chữ "bản sắc" trước hết là phải có một điểm chung - đó là tiêu chí nhân văn; đồng thời bản sắc là phải có cách biểu hiện riêng, độc đáo không thể lẫn nhau khi nhìn vào hình thức, phong cách thể hiện.

Kết quả nghiên cứu cho thấy: sự thể hiện về bản sắc văn hoá dân tộc của sinh viên qua các dạng hoạt động ở các mức độ rất khác nhau, song xu thế chung là mờ nhạt.

Đối với sinh viên trường Đại học sư phạm, các nội dung hoạt động sau đây còn thể hiện rõ nhất bản sắc văn hoá dân tộc: *hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ mẹ đẻ; hoạt động sinh hoạt văn hoá văn nghệ.*

Đối với sinh viên các trường Cao đẳng sư phạm miền núi, các nội dung hoạt động trên đây thể hiện rõ nhất bản sắc văn hoá dân tộc tuy tần số xuất hiện các hoạt động có khác nhau.

Sinh viên các trường Cao đẳng sư phạm và Trung học sư phạm cho rằng hình thức *hoạt động văn hoá văn nghệ* biểu hiện rõ nhất về bản sắc văn hoá dân tộc; còn sinh viên trường Đại học sư phạm cho rằng: *hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ* biểu hiện rõ nhất bản sắc văn hoá dân tộc; tuy nhiên phần lớn sinh viên đã khẳng định yếu tố quan trọng, cơ bản để biểu hiện bản sắc văn hoá dân tộc là ở lối sống.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sinh viên tìm hiểu về bản sắc văn hoá dân tộc qua hoạt động học tập là chủ yếu; qua nội dung các môn khoa học xã hội nhân văn; qua các sinh hoạt ngoại khoá, hoặc chủ yếu là tích lũy khi còn ở nhà tự đọc sách và tìm hiểu.

Mức độ hiểu biết của sinh viên về văn hoá, bản sắc văn hoá các dân tộc có khác nhau, và điều này phụ thuộc vào sự ảnh hưởng của các hoạt động trong nhà trường. Kết quả nghiên cứu tại các trường cho thấy các hoạt động sau đây có tác dụng mạnh đến giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên:

- Qua các môn khoa học xã hội và nhân văn;
- Qua các sinh hoạt ngoại khoá;
- Qua các hoạt động tự đọc sách báo, tự tìm hiểu;
- Tích lũy khi còn ở nhà.

Vốn hiểu biết của sinh viên về văn hoá dân tộc khi còn ở nhà còn hạn chế, đặc biệt khả năng, ý thức tự tìm hiểu về văn hoá của dân tộc mình còn thấp. Vai trò chủ đạo của giáo dục nhà trường đối với nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá tỏ ra có hiệu quả. Sinh viên tiếp thu các nội dung về bản sắc văn hoá chủ yếu qua các môn học có lợi thế về giáo dục. Do vậy, xu hướng cơ bản là xây dựng, lồng ghép, tích hợp các nội dung trên qua các môn học thuộc khối xã hội nhân văn để giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên là hợp lý bên cạnh việc xây dựng các chuyên đề ngoại khoá cho họ thực hiện.

Đối với sinh viên các trường sư phạm, cần chú trọng phát triển cả 4 dạng hoạt động trên, trong đó tập trung vào nhiệm vụ học tập lĩnh hội tri thức về bản sắc văn hoá dân tộc qua môn học chính khoá và ngoại khoá là có ưu thế hơn cả. Kết quả nghiên cứu trên các cán bộ quản lý giáo dục tại các trường hiện nay cho thấy một tình hình chung là: nhận thức của cán bộ quản lý về nhiệm vụ phát triển các giá trị văn hoá, tổ chức các hoạt động nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên là quan trọng, rất cần thiết... song lựa chọn giải pháp nào thì còn lúng túng. Thông thường, biện pháp chủ yếu là: tăng cường, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục lý luận, ít chú ý đến việc tổ chức các biện pháp hoạt động.

Thực tiễn giáo dục trong các trường đang đòi hỏi phải giáo dục sinh viên ý thức và hành vi giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, phải coi con đường học tập tri thức văn hoá là con đường chủ đạo, tổ chức các hoạt động phải gắn liền với nhiệm vụ trọng tâm là học tập; đồng thời, phải xây dựng thành các chủ đề ngoại khoá với các quy trình thực hiện có nội dung

thiết thực và phương pháp sinh động.

Sinh viên tự đánh giá về mức độ am hiểu về văn hoá của dân tộc mình như sau: am hiểu (26,5%); hiểu chút ít (74,4%), chưa rõ (6,8%). Kết quả này phản ánh khả năng tự đánh giá mức độ hiểu biết của sinh viên về văn hoá của dân tộc mình là khá cao. Tuy nhiên, việc xem xét chất lượng của khả năng tự đánh giá đó chủ yếu thông qua hành vi, hoạt động của chính họ. Do vậy, sẽ có sự thống nhất hoặc không thống nhất giữa hành vi và nhận thức, hoặc giữa nhận thức, hành vi với thái độ nhiều khi chưa thống nhất. Chẳng hạn, tỷ lệ đáng kể sinh viên cho rằng: "Am hiểu về văn hoá dân tộc mình", song có đến 86,0% sinh viên khi được hỏi đã trả lời sai nơi cư trú của dân tộc mình. Do đó có thể nói: mức độ nhận thức của sinh viên về văn hoá dân tộc mình còn chung chung, mơ hồ, thiếu cụ thể. Mặt khác, có đến 60% sinh viên Tày, Nùng không biết nói tiếng mẹ đẻ cũng là một thông số phản ánh cho nhận định này. Kết quả khảo sát trên sinh viên của các trường cho thấy: mức độ sinh viên "am hiểu, hiểu chút ít" về bản sắc văn hoá dân tộc là khá cao, song kết quả khảo sát về mức độ hiểu biết về các nội dung cụ thể lại thấp.

Tất nhiên, một vài khía cạnh trên đây chưa đủ cứ liệu để khẳng định mức độ nhận thức của sinh viên về văn hoá dân tộc mình là nông cạn hay sâu sắc.

Còn một tỷ lệ không nhỏ sinh viên chưa chỉ ra được loại hình văn hoá nghệ thuật tiêu biểu đặc trưng cho dân tộc mình. Hoặc có những sự nhầm lẫn, chẳng hạn sinh viên cho rằng người Tày có bài hát tiêu biểu là *Hát dặm*; người H'mông có bài hát *Sli Luợn*; vùng Tây Nguyên có tác phẩm *Đẻ đất đẻ nước*...

Giữa tự đánh giá về mức độ am hiểu về văn hoá của dân tộc mình với hành vi lựa chọn các giá trị văn hoá của sinh viên còn có sự nhầm lẫn. Điều này đã phản ánh sự không thống nhất giữa nhận thức và hành động. Nói một cách khác, khi đi sâu vào tìm hiểu các giá trị cụ thể, sinh viên còn tỏ ra lúng túng. Điều này cũng đặt ra yêu cầu đối với các nhà giáo dục là: khi xây dựng nội dung giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên cần cụ thể hơn, thiết thực hơn, tránh cách làm đại khái, chung chung.

4. Hoạt động của các lực lượng tham gia giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên

Kết quả điều tra cho thấy, các lực lượng sau đây có vai trò chủ chốt trong nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc: hoạt động của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; hoạt động dạy và học các môn khoa học xã hội và nhân văn; hoạt động học tập của chính sinh viên; các yếu tố khác. Phân tích thực trạng về vấn đề này đã cho thấy: Cần xây dựng các môn học có ưu thế (ví dụ như khoa học xã hội và nhân văn) để giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên; đồng thời phải đổi mới nội dung hoạt động của Đoàn, làm cho hoạt động này hỗ trợ đắc lực cho hoạt động giáo dục, làm cho chất lượng sinh hoạt Đoàn phải do chính sinh viên quyết định.

Nhận thức về vai trò của bản thân sinh viên được coi là yếu tố bên trong, yếu tố quyết định còn thấp (xếp thứ 3), thứ bậc này phản ánh một thực tế là khi lựa chọn các yếu tố tác động và ảnh hưởng, sinh viên có xu hướng tìm đến các yếu tố ngoại lực chứ chưa chú ý đến yếu tố bên trong.

Về vấn đề: Thái độ của sinh viên đối với *trang phục dân tộc* - một hình thức phản ánh quan trọng về bản sắc văn hoá dân tộc, có các ý kiến sau: mặc trang phục của dân tộc mình

mọi nơi, mọi lúc; chỉ mặc trong các dịp lễ hội quan trọng (ví dụ như sinh nhật); không nên mặc vì cần hoà nhập với môi trường đại học; sửa chữa trang phục, cách tân cho thích hợp để sử dụng.

Kết quả trên cho thấy xu hướng sinh viên không thích mặc trang phục của dân tộc mình lúc đi học, sinh hoạt. Điều đó có thể giải thích hiện tượng ở nhiều trường có tới 20 - 30% sinh viên là người dân tộc thiểu số, song hầu như không thấy sắc màu trang phục của các dân tộc. Ngay cả sinh viên cử tuyển (100% là sinh viên là người dân tộc thiểu số) tại trường đại học sư phạm miền núi cũng không thấy mặc trang phục của dân tộc mình trong khi đi học. Phần lớn sinh viên *đồng ý nên mặc trong các lễ hội, sinh nhật*. Ý kiến của sinh viên về việc "*sửa chữa trang phục, cách tân cho thích hợp để sử dụng*" là ý kiến quan trọng đáng để các nhà giáo dục, các nhà văn hoá, các nhà thiết kế trang phục, thẩm mỹ quan tâm. Lý do không mặc thường xuyên trang phục dân tộc mình còn nhiều ý kiến khác nhau, song nhìn chung sinh viên đã nhận thức được việc giữ gìn bản sắc văn hoá phải bắt đầu từ những hành vi cụ thể. Tuy nhiên, chính họ cũng đang tỏ ra lúng túng trước những tình huống đã nêu ở trên. Khả năng ứng xử của sinh viên miền núi trước các tình huống giao tiếp để thể hiện bản sắc văn hoá còn thiếu linh hoạt. Trong thực tế đời sống, mức độ hiểu biết, sự biểu hiện thái độ, hành vi của con người trong quan hệ giao tiếp là sự phản ánh bộ mặt của nhân cách. Nhân cách được hình thành thông qua hoạt động và giao lưu, lối sống là mặt biểu hiện sinh động nhất của bộ mặt nhân cách. Do đó, một hành vi ứng xử trước một tình huống thực tế phần nào phản ánh giá trị của nhân cách. Về văn hoá giao tiếp, sinh viên có điểm chung với đặc trưng giao tiếp cơ bản của người Việt Nam như: *thích giao tiếp, thích thăm viếng, hiếu khách song hay rút rè, trong quan hệ lấy tình cảm là nguyên tắc, trọng danh dự song hay dẫn đến bệnh sĩ diện, cách giao tiếp ưa tế nhị song hay nói vòng vo, thói quen cân nhắc kĩ lưỡng dẫn đến thiếu tính quyết đoán...*

Kết quả khảo sát cũng cho thấy khả năng linh hoạt, nhạy bén của sinh viên khá cao trong giao tiếp ứng xử. Phần lớn sinh viên đã xử lý các tình huống dựa vào nguyên tắc: hoà nhập, tôn trọng, giữ được nét riêng trong quan hệ với cộng đồng. Tuy nhiên, trong các kỳ thi nghiệp vụ sư phạm (một hoạt động nghiệp vụ được tổ chức thường xuyên trong các trường sư phạm) thì trước các tình huống ứng xử giả định, sinh viên còn tỏ ra lúng túng, và chủ yếu là mắc các lỗi thuộc về các kỹ năng cơ bản, rất phổ thông như: nghe - nói - đọc - viết Chương trình giáo dục chính khoá khó có đủ thời gian để bù lấp lỗ hổng này, do đó đòi hỏi phải có cách làm sáng tạo, có hiệu quả hơn.

5. Một số thay đổi trong nhận thức về lối sống có văn hoá của sinh viên

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn hoá dân tộc, trong đó có nhiều công trình khảo sát nghiên cứu về giá trị và định hướng giá trị trong thanh niên và sinh viên. Năm 1997, đề tài KX. 07.02 đã khảo sát về ảnh hưởng của các giá trị truyền thống đối với cuộc sống hiện tại (do GS. Phan Huy Lê, PGS. Chung Á chủ trì)¹.

Dựa vào mẫu phiếu khảo sát của đề tài KX.07.02, chọn một số giá trị để khảo sát trên sinh viên và những đối tượng khác giữa các địa phương miền núi phía Bắc Việt Nam, chúng tôi

1. Các kết quả đã công bố trong tài liệu: các giá trị truyền thống với con người Việt Nam hiện nay tập 3, H. 1997.

thu được kết quả như sau:

Các giá trị cơ bản: *yêu nước, chống giặc ngoại xâm; văn hiến lâu đời; hiếu thảo; đoàn kết; cần cù lao động, tôn sư trọng đạo; nhân ái...* sau 5 năm có nhiều thay đổi, song về cơ bản, nhận thức về các giá trị cơ bản, cốt lõi của thế hệ trẻ với ý kiến chung có sự phù hợp tương đối cao. Tỷ lệ chênh lệch giữa giới trẻ với ý kiến chung không đáng kể. Nếu năm 1997, số ý kiến về các giá trị cơ bản, cốt lõi tập trung tỷ lệ cao, thì ở thời điểm 2001, sự phân tán các ý kiến có xu hướng rải đều cho 7 giá trị đưa ra (ví dụ tỷ lệ cao: 41,1 tỷ lệ thấp: 26,6). Trong khi năm 1997 thời điểm khảo sát của KX.07.02 thì tỷ lệ cao: 74,8, thấp: 11,5 (chênh lệch nhau: 6,5 lần).

Số liệu trên cho thấy: các giá trị truyền thống có thể có sự phân tán ở lớp trẻ, sự phân bố thứ bậc các giá trị đó có khác trước. Cụ thể (đối với đối tượng khảo sát trên sinh viên năm 2001): (1) *yêu nước, chống giặc ngoại xâm*; (2) *đoàn kết*; (3) *tôn sư trọng đạo*; (4) *cần cù lao động*; (5) *hiếu thảo*; (6) *nhân ái*; (7) *văn hiến lâu đời*.

Trong khi với kết quả khảo sát năm 1997 đối với giới trẻ thì giá trị "văn hiến lâu đời" xếp thứ 2 chỉ sau "yêu nước, chống giặc ngoại xâm". Dĩ nhiên kết quả trên khi so sánh chỉ để tham khảo, chưa có nhiều thông tin để kết luận đầy đủ về vấn đề này.

Nhu cầu hưởng thụ văn hoá của sinh viên cũng có sự thay đổi về đối tượng. So sánh năm 1997 với năm 2001 kết quả cho thấy ở các loại hình: *phim Việt Nam, nhạc hiện đại, phim nước ngoài, cải lương, kịch nói, xiếc, dân ca, nhạc cổ, chèo, múa rối nước, múa ballet, tuồng* có hiện tượng sau:

- Năm 1997, nhu cầu của giới trẻ so với nhu cầu chung không có sự chênh lệch lớn. Điều đó có thể nói lên sự phù hợp về nhu cầu hưởng thụ văn hoá chung.

- Năm 2001, nhu cầu hưởng thụ văn hoá (thể hiện qua các loại hình nghệ thuật) có thay đổi lớn so với "ý kiến chung". Thứ bậc các loại hình nghệ thuật cũng thay đổi có thể do thị hiếu, do nội dung nghệ thuật, do nhiều yếu tố khác...

Trong 3 loại hình "đầu bảng" từ 1997 đến nay, có thể thấy ý kiến sinh viên có phần trội hơn (35,0%) về *phim Việt Nam* so với ý kiến chung, các loại hình còn lại, thấy nổi lên: *xiếc múa rối nước; kịch nói; múa ballet*.

Có thể do đây cũng là các loại hình nghệ thuật có chất trí tuệ - nghệ thuật hơn, phù hợp hơn đối với giới sinh viên, do đó được ưa chuộng hơn.

Kết quả nghiên cứu còn cho thấy nổi lên loại hình: *xiếc, múa rối* (được xếp thứ bậc 3, 4), có thể do đặc thù giải trí cao của các loại hình này đã cuốn hút giới sinh viên (ở thời điểm năm 1997 thì 2 loại hình này xếp thứ 6 và 9).

Có thể nhận định chung: nhu cầu hưởng thụ các loại hình văn hoá đối với sinh viên là rất đa dạng, song vẫn tập trung vào một số loại hình có chất lượng, được giới trí thức quan tâm. Đáng chú ý là 3 loại hình nghệ thuật truyền thống: *chèo tuồng, dân ca nhạc cổ* lại chỉ xếp hạng cuối bảng (xếp theo sở thích của sinh viên hiện nay).

*

* *

Lối sống có văn hoá của sinh viên thể hiện chủ yếu trong hoạt động học tập. Các biểu hiện sau đây được đánh giá là tiêu biểu cho lối sống có văn hoá của sinh viên (tỷ lệ từ 70 % đến 81%): *đi học đúng giờ, thường xuyên, chăm chỉ, chịu khó, có ý thức vươn lên trong học tập, tích cực suy nghĩ các vấn đề mà giáo viên đặt ra, chủ động nêu các thắc mắc và cố gắng giải quyết, hợp tác với bạn, nhóm bạn cùng học tập, khiêm tốn học hỏi bạn, lễ độ với giáo viên; không sử dụng tài liệu hoặc trao đổi bài khi thi.*

Các biểu hiện sau được đánh giá là "chưa đúng" như: *chỉ có mặt lên lớp để đủ điều kiện, miễn là thi đỗ, lắng nghe chỉ là một phần, chủ yếu tự học ở nhà.*

Nhận thức về giá trị văn hoá trong quan hệ giao tiếp ứng xử, trong nếp sống sinh hoạt của sinh viên về cơ bản là phù hợp.

- Các nội dung sau chiếm tỷ lệ cao: *quan tâm đoàn kết bạn bè trong quan hệ; tôn trọng, khiêm tốn, lễ độ trong quan hệ; trung thực trong quan hệ; cư xử trong quan hệ; rộng lượng, vị tha, thân tình, tế nhị.*

- Các nội dung sau chiếm tỷ lệ thấp: *tùy quan hệ mà có thái độ phù hợp; tùy quan hệ mà nên trung thực hay không.*

- Các nội dung sau chiếm tỷ lệ khá cao: *theo các nguyên tắc về nề nếp sinh hoạt; chia sẻ giúp đỡ bạn bè tham gia tích cực các hoạt động, thờ cúng và thói quen tín ngưỡng thể hiện lòng thành kính, biết ơn.*

- Các nội dung sau chiếm tỷ lệ thấp: *sinh hoạt vật chất sinh hoạt tùy điều kiện là phù hợp; tùy theo mức độ thân thiết mà giúp hay không; thẳng thắn "có sao nói vậy".*

Thái độ của sinh viên đối với các biểu hiện thiếu văn hoá trong nếp sống:

- Các biểu hiện sau đây ở mức "biểu hiện rõ": *tự do, tùy tiện, đua đòi lãng phí thời gian; thiếu trung thực trong học tập và trong quan hệ; kết bạn tràn lan, dễ dãi trong quan hệ tình yêu; thiếu khiêm tốn, lễ độ trong quan hệ; cờ bạc, rượu chè, mê tín dị đoan.*

- Các biểu hiện sau đây "không có": *chỉ lo cho bản thân, ít quan tâm đến mọi người; thiếu khiêm tốn học hỏi; không có tinh thần tập thể, không nhiệt tình tham gia các hoạt động.* Nguyên nhân chính dẫn đến hiện tượng trên: Do sinh viên nhận thức sai hoặc thiếu đầy đủ, ý thức tự tu dưỡng của sinh viên kém; do ảnh hưởng tác động xấu ngoài xã hội; do nhà trường quản lý lỏng lẻo.

Như vậy, bản thân sinh viên cũng đã tự thừa nhận các nguyên nhân do chính họ về trình độ nhận thức, về ý thức tự tu dưỡng, đồng thời họ cũng cho rằng có nguyên nhân do tác động xấu từ xã hội, điều này cũng nói lên thực trạng "sức đề kháng" của sinh viên cũng còn thấp. Một số nguyên nhân khác như: *do đua đòi, thiếu bản lĩnh, thiếu kinh nghiệm sống* được coi là không cơ bản.

Kiến nghị của sinh viên về việc xây dựng lối sống văn hoá trong môi trường sư phạm:

Sinh viên cho rằng cần tăng cường các biện pháp sau: Giáo dục nhận thức đúng đắn về các nội dung, các giá trị văn hoá (bản sắc văn hoá dân tộc); các giá trị truyền thống; các xu hướng văn hoá tiến bộ, văn minh trên thế giới.

Các biện pháp cụ thể phải nêu rõ các yêu cầu: được làm mẫu theo các chủ đề xây dựng

chuẩn; phổ biến rộng rãi đến sinh viên; quản lý nghiêm túc; đồng thời phải xây dựng các điều kiện đảm bảo như: kinh phí cho hoạt động; tăng cường sách báo, tài liệu; dành thời gian cho sinh viên hoạt động. *Một số thông tin về đặc điểm cách nghĩ, lối sống của thanh niên Việt Nam so với thanh niên nước ngoài.* Bằng các số liệu về thanh niên Hàn Quốc, chúng tôi so sánh với kết quả điều tra trên sinh viên Việt Nam về nhận định của họ qua các vấn đề: *Hài lòng với cuộc cải cách? Các việc quan tâm chính hiện nay? Cái gì quyết định triển vọng của cá nhân? Nền tảng hạnh phúc là gì? Khi gặp khó khăn rắc rối, thường làm gì? Phẩm chất đạo đức nào quan trọng nhất? Khi rỗi bạn làm gì?*?

Như đã nói ở trên, việc so sánh các thông tin trên rất khó xác định do hoàn cảnh, lối sống, bối cảnh văn hoá khác nhau. Thanh niên Hàn Quốc quan tâm nhất đến các việc trực tiếp, hàng ngày như: *nhà ở, cải cách vật giá, y tế, hưu trí...* còn sinh viên Việt Nam quan tâm đến *cải cách giáo dục* (do đặc trưng nghề nghiệp). Xếp theo thứ tự ưu tiên, cả hai đối tượng đều coi trọng "*khả năng cá nhân*". Sinh viên Việt Nam coi trọng "*nền tảng gia đình*" xếp thứ 2, trước cả "*cơ hội thuận lợi*".

Thanh niên Hàn Quốc quan niệm hạnh phúc và nghĩa vụ là hai việc riêng biệt. Họ cho rằng nền tảng "hạnh phúc" là: *gia đình êm ấm, sức khoẻ tốt, thành công...* (tỷ lệ cao); *cống hiến cho xã hội, được kính trọng* (tỷ lệ thấp). Trong khi sinh viên Việt Nam, ngoài 3 yếu tố trên (tỷ lệ cao), còn coi trọng "*cống hiến cho xã hội được kính trọng*" (tỷ lệ khá cao). Chứng tỏ với sinh viên Việt Nam, nền tảng hạnh phúc còn phải được đặt trong mối quan hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng, hạnh phúc và nghĩa vụ hoà quyện với nhau. Cả hai đối tượng đều không coi "*tự do thoải mái*", "*giàu có*" là tiêu chí cơ bản của nền tảng hạnh phúc.

Đặc biệt, sinh viên Việt Nam không coi "*có bạn thân*" là nền tảng của hạnh phúc, trong khi thanh niên Hàn Quốc coi yếu tố này xếp thứ 4. Do đó, khi gặp khó khăn, thanh niên Hàn Quốc coi bạn bè là đối tượng chính để thổ lộ, trong khi đối với sinh viên Việt Nam, đối tượng chính là cha mẹ". Điều này là hoàn toàn hợp lý khi trong thực tế gần 100% sinh viên Việt Nam sống phụ thuộc vào gia đình về mọi mặt. Thanh niên Hàn Quốc coi các phẩm chất đạo đức sau đây là quan trọng: *trung thực, tự tin, có tham vọng, tự trọng*. Trong khi sinh viên Việt Nam coi phẩm chất *khiêm tốn* (xếp thứ 2), *có tham vọng* xếp hạng cuối. *Tự tin* chỉ xếp thứ 5 trong khi thanh niên Hàn Quốc xếp thứ 2. Khi sử dụng thời gian rỗi, thanh niên Hàn Quốc *kết bạn và làm thêm, nghe nhạc, khiêu vũ*, riêng hành vi *đến thăm nhau* họ không thích. Trong khi đó *đến thăm nhau* lại là hành động phổ biến của sinh viên Việt Nam (43,6%), *đi làm thêm, nghe nhạc* chiếm tỷ lệ thấp so với thanh niên Hàn Quốc. Đối với thanh niên Hàn Quốc, họ coi trọng các giá trị linh hoạt phù hợp với cạnh tranh thị trường như: *trung thực, tự tin, tham vọng, tự trọng*. Các giá trị đạo đức truyền thống kim hãm sở thích cá nhân và hạn chế tự do cá nhân thì họ không ưa thích.

Những thông số trên đây phần nào đã phản ánh sự tương đồng hoặc khác biệt giữa sở thích, lối sống của thanh niên hai nước có điều kiện sống khác nhau. Tuy nhiên chúng ta cũng thấy có những điểm chung mang tính quy luật, đó là sự ảnh hưởng mạnh của điều kiện kinh tế xã hội đến lối sống cá nhân, nó chi phối mạnh các đặc điểm của lối sống.

6. Ý kiến của các nhà quản lý và văn hoá giáo dục về vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá cho sinh viên

Các vấn đề sau đây được nêu lên để tham khảo ý kiến các nhà quản lý.

Vấn đề 1: "Có nhận định cho rằng hiện nay sinh viên ít quan tâm đến việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc chúng tôi tổng hợp được các ý kiến sau: Không có gì đáng lo ngại hãy tin vào thế hệ trẻ (46,7%); rất đáng lo ngại (28,9%); hiện chưa có ý kiến gì về còn phải đánh giá cụ thể hơn (24,4%).

Nhìn vào tỷ lệ % các ý kiến trả lời thì vấn đề đặt ra không có gì đáng lo ngại. Tuy nhiên ý kiến các nhà quản lý cho rằng "rất lo ngại", "hiện chưa có ý kiến gì", chiếm tỷ lệ không nhỏ đã phản ánh ý thức trách nhiệm của họ trước một vấn đề quan trọng. Tâm trạng chung của thế hệ đi trước lo lắng cho thế hệ trẻ cũng là một vấn đề đang trở thành mối quan tâm thường trực của toàn xã hội.

Các nhà quản lý văn hoá - xã hội, các nhà quản lý giáo dục rất cân nhắc và thận trọng khi đánh giá thế hệ trẻ trong vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc, điều này đã thể hiện thái độ, ý kiến đáng trân trọng và với cách nhìn khoa học, biện chứng đối với thế hệ trẻ.

Các nhà quản lý có ý kiến như sau:

- 42,0% ý kiến cho rằng sinh viên hiện nay đang có xu hướng xa rời cội nguồn (1).
- 28,6% ý kiến cho rằng sinh viên đang có xu hướng chỉ quan tâm khôi phục các giá trị cũ (2).
- 20,8% ý kiến cho rằng sinh viên đang có xu hướng "gạn đục khơi trong" (3).
- 4,8% ý kiến cho rằng sinh viên đang "hoang mang vì chưa có sự lựa chọn các giá trị" (4).

Về phương diện quản lý, các ý kiến tập trung chủ yếu vào các vấn đề nổi cộm, đáng lo ngại cho thế hệ trẻ. Đây là một nhận định thường xuất hiện khi chúng ta khảo sát về thanh niên, sinh viên. Song việc các nhà quản lý đã nhìn nhận đánh giá theo quan điểm phát triển đòi hỏi chúng ta cần nghiên cứu nghiêm túc những ý kiến đánh giá ở trên. Giữa các địa phương, ý kiến đánh giá sinh viên đối với việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc có sự khác nhau. Ví dụ: Xu hướng (1): "Sinh viên đang có xu hướng xa rời cội nguồn" giữa địa phương Bắc Kim, Hà Giang và Lạng Sơn có tỷ lệ ý kiến chênh nhau 3 lần, xu hướng (3): "Sinh viên đang có xu hướng gạn đục khơi trong" giữa các địa phương Hà Giang (0%) với Bắc Kim, Lạng Sơn chênh nhau lớn (46%). Những ý kiến khác nhau trên đây đã chứng tỏ việc đánh giá, bình xét, khái quát chung về thế hệ sinh viên trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc là một việc thống nhất các ý kiến không rõ ràng, còn nhiều ý kiến tranh luận.

Vấn đề 2: "Hiện nay ở một số nơi có xu hướng nệ cổ, tìm hiểu về cái cũ lạc hậu, lấy tiêu chí thời gian xa xưa để chứng tỏ có ý thức giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc". Các ý kiến được hỏi đều đồng tình với việc đánh giá là có biểu hiện trên. Một số ý kiến lưu ý: "Việc khôi phục các giá trị truyền thống cần có định hướng, có gạn đục khơi trong, cần có lựa chọn, tránh làm theo phong trào, khoa trương để tránh sa vào mê tín".

7. Các con đường cơ bản để giáo dục sinh viên trong các trường sư phạm

Có nhiều con đường thực hiện nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên, song trong phạm vi nhà trường, có thể nêu lên các con đường cơ bản như sau: *thông qua các*

đợt sinh hoạt chính trị của Đoàn, Hội sinh viên thông qua các hình thức hoạt động ngoại khoá theo chuyên đề thông qua các nội dung học được lồng ghép, tích hợp vào các môn học như: ngữ văn lịch sử, giáo dục.

Như vậy, theo ý kiến của các cán bộ quản lý thì thông qua các chủ đề ngoại khoá và học các môn có thể lồng ghép, tích hợp để giáo dục sinh viên hướng vào việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc là con đường có hiệu quả nhất. Đây là định hướng lựa chọn đúng đắn, cơ bản vì nếu quan niệm giá trị bản sắc dân tộc, văn hoá dân tộc là một giá trị cơ bản, cốt lõi thì việc đưa vào giáo dục nhà trường lại càng cấp bách và phải có cách làm đúng. Ở khía cạnh thực tiễn, khi sinh viên nêu vấn đề bản sắc văn hoá dân tộc là gì và nếu nó quan trọng thì tại sao lại không đưa vào chương trình giáo dục sinh viên? Sự xuất hiện môn học *Cơ sở văn hoá Việt Nam* trong các trường đại học là một trong các hình thức dạy học đề nâng cao hiểu biết và nhận thức của sinh viên về vấn đề này. Do đó, cách làm có hiệu quả là khai thác các nội dung có sẵn trong chương trình các môn học có ưu thế để nâng cao nhận thức và hành vi về bản sắc văn hoá dân tộc như cách tiếp cận vấn đề dân số, môi trường, giới tính... đã từng được thực hiện trong các trường học.

Kết quả khảo sát trên các cán bộ quản lý cho thấy tuyệt đại đa số ý kiến cho rằng: việc giáo dục giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên là rất cần thiết và cấp bách, có ý kiến nhấn mạnh rằng "càng chậm ngày nào thì càng có nguy cơ lớn khó lòng cứu vãn được".

*

* *

Tóm lại, nghiên cứu các hoạt động thực hiện nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc ở một số trường đại học, cao đẳng sư phạm khu vực miền núi phía Bắc đã cho thấy có mấy vấn đề sau đây cần quan tâm:

Sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của vấn đề giáo dục giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; khẳng định con đường cơ bản là giáo dục nhà trường; lực lượng quyết định chính là sinh viên và cơ quan quản lý văn hoá giáo dục.

Thực trạng nhiệm vụ giáo dục sinh viên giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong các trường chuyên nghiệp chưa có hiệu quả cao, còn thiếu nội dung hoạt động phong phú, hấp dẫn và chủ yếu nặng về tuyên truyền hình thức. Quan niệm của sinh viên về bản sắc văn hoá dân tộc có khác nhau, song đã thống nhất được một số điểm như: tiêu chí nhân văn, cái hay, cái tốt đẹp có ở mọi dân tộc song có phong cách biểu hiện đa dạng ở ngôn ngữ, giao tiếp, văn hoá văn nghệ... Môi trường để sinh viên nhận thức, tìm hiểu về bản sắc văn hoá dân tộc chủ yếu ở các môn học; hoạt động ngoại khoá; tích lũy từ ở nhà; tự đọc tự tìm hiểu... chiếm tỷ lệ đáng kể.

Giữa sự hiểu biết và hành vi của sinh viên về vấn đề giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc còn mâu thuẫn; khả năng biểu hiện bản sắc văn hoá dân tộc của sinh viên qua trang phục, ngôn ngữ còn mờ nhạt, có xu hướng xa rời các biểu hiện hình thức bên ngoài; kỹ năng ứng xử trước các tình huống của họ còn chậm. So với thời điểm 5 năm trước đây, nhận thức về giá trị của sinh viên có nhiều thay đổi; nhu cầu hưởng thụ văn hoá của họ có thay đổi lớn, các loại hình văn hoá dân tộc ít hấp dẫn hơn.

Đánh giá của các cán bộ quản lý văn hoá giáo dục đối với sinh viên còn nhiều mâu thuẫn phản ánh tính chất phức tạp, khó khăn của công tác này. Tuy nhiên, những nhận định khách quan, khoa học đang đòi hỏi các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp phải nghiên cứu và thực hiện một cách nghiêm túc.

Chương 3

GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC CHO SINH VIÊN - ĐỊNH HƯỚNG VÀ BIỆN PHÁP

Nghiên cứu thực trạng nhận thức của sinh viên, của các cán bộ quản lý giáo dục về vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên một số trường đại học sư phạm và cao đẳng sư phạm trên cơ sở phân tích những vấn đề bức xúc của thực trạng, chúng ta thấy cần thiết phải xây dựng các hoạt động có hiệu quả với các biện pháp giáo dục cụ thể. Một trong những căn cứ để xây dựng các giải pháp, biện pháp giáo dục sinh viên hiện nay là cần quán triệt các quan điểm phương pháp luận cơ bản trong nghiên cứu về giáo dục, văn hoá, nghiên cứu con người. Từ đó, việc đề xuất các giải pháp xã hội, giải pháp nhà trường sẽ có căn cứ khoa học, tính khả thi và có giá trị thực tiễn.

Cơ sở phương pháp luận của việc định hướng giáo dục bản sắc văn hoá cho sinh viên trong các trường có sinh viên là người dân tộc thiểu số hiện nay trước hết là định hướng của Đảng về phát triển giáo dục, phát triển văn hoá.

Đảng ta đã xác định văn hoá là nền tảng tinh thần của đời sống xã hội, là động lực và mục tiêu của phát triển. Do đó, cần phải có một chiến lược văn hoá, tiền đề cho chiến lược này là tinh thần nghị quyết TW 5 khoá 8 của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ các quan điểm chỉ đạo, cơ bản, Nghị quyết đã xây dựng những phương hướng chỉ đạo các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- *Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới;*
- *Xây dựng môi trường văn hoá;*
- *Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật,*
- *Bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá;*
- *Phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học- công nghệ;*
- *Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng*
- *Bảo tồn, phát huy và phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số*
- *Chính sách văn hoá đối với tôn giáo,*
- *Mở rộng hợp tác quốc tế về văn hoá;*
- *Củng cố xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hoá ¹*

Chúng ta đều biết rằng, bốn thành tố cơ bản cấu thành văn hoá, đó là: *lao động sản xuất; tri thức và học vấn; tiềm lực sáng tạo; lối sống.* Như vậy, mục tiêu lâu dài, căn bản là nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, xây dựng được một lối sống văn minh, có văn hoá. Mục tiêu trước mắt là giải quyết các vấn đề trong giáo dục, lối sống, đạo đức... mà nhà trường là nơi định hướng cơ bản cho xã hội. Giải quyết vấn đề cấp bách về: kinh tế, văn hoá, giáo

1. Đảng CSVN - Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 BCH TW khoá VIII; Nxb Chính trị Quốc gia, tr. 58-68.

dục, y tế... của đất nước suy cho cùng là giải quyết vấn đề chất lượng con người. Do đó, mục tiêu giáo dục lối sống có văn hoá cho sinh viên là khâu đột phá vào chiến lược giáo dục, văn hoá hiện nay.

1. Phát triển môi trường văn hoá - giáo dục ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam

Muốn thực hiện các biện pháp giáo dục có hiệu quả, việc cần thiết là phải hiểu môi trường sống và hoạt động của đối tượng. Trong công tác giáo dục sinh viên, việc tìm hiểu ảnh hưởng của môi trường hình thành và phát triển nhân cách là một việc làm quan trọng. Trong hàng loạt yếu tố đó phải kể đến yếu tố môi trường sống được đặc trưng bởi yếu tố xã hội, văn hoá. Nghiên cứu đặc điểm xã hội trên một phạm vi không gian rộng lớn, phức tạp về nhiều mặt, có nhiều biến đổi trong tiến trình lịch sử là một vấn đề khó. Theo quan điểm lịch sử, đặc điểm xã hội miền núi phía Bắc Việt Nam được nghiên cứu ở các giai đoạn sau:

- *Trước cách mạng tháng Tám*: Đặc điểm của xã hội Việt Nam nói chung và miền núi phía Bắc Việt Nam nói riêng là bị chi phối bởi quan hệ thực dân - nửa phong kiến, đồng thời chịu sự chi phối quan hệ nội tại của từng dân tộc. Điều kiện kinh tế thời kỳ này cực kỳ khó khăn, bị hạn chế về nhiều mặt, do đó xã hội còn mang đậm dấu ấn lịch sử của một thời kỳ lạc hậu. Có thể nói, thời kỳ này xã hội còn chưa định hình rõ những đặc điểm vùng, miền và từng dân tộc. Theo tiêu chí phát triển, có thể chia ra làm hai vùng có sự phát triển tương đối chênh lệch nhau về các mặt: Vùng 1: vùng thị trấn, ven quốc lộ có trình độ phát triển tương đối như vùng xuôi; chủ yếu là người Tày, Nùng, Hoa, Cao Lan... cư trú vùng trung du, núi thấp. Vùng 2: vùng khó khăn, nơi cư trú của đồng bào các dân tộc Thái, Mường, H'Mông; đây là vùng núi cao còn tồn tại chế độ thổ ti, lang đạo, chúa đất. Đặc điểm xã hội vùng 1 và vùng 2 thường không có sự thống nhất, trong khu vực có nhiều thành phần cư trú. Sự chi phối của dân tộc chủ thể đối với các dân tộc khác là hiện tượng tất yếu.

- *Quá trình phát triển cách mạng*: phần lớn miền núi phía Bắc Việt Nam là địa bàn của hai cuộc kháng chiến, nơi chứng kiến các chiến thắng vĩ đại của cách mạng như chiến khu Việt Bắc, chiến thắng Điện Biên Phủ... một số nơi là căn cứ địa cách mạng, cơ quan đầu não của Đảng. Trong hơn 30 năm, trải qua các cuộc kháng chiến, nơi này đã có vai trò quyết định đến thắng lợi của của cách mạng Việt Nam. Nhờ vào sự che chở, đùm bọc, cống hiến sức người sức của của các dân tộc anh em, cuộc kháng chiến chống Pháp đã thắng lợi hoàn toàn. Sau 1954, cùng với cả nước, miền núi phía Bắc Việt Nam và miền xuôi là hậu phương lớn cho miền Nam. Miền núi phía Bắc Việt Nam là cửa ngõ giao tế với Liên Xô, Trung Quốc, là nơi hậu thuẫn cho các cơ quan, nhà máy, trường học sơ tán suốt cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Cho đến nay, về phương diện tâm lý - xã hội, các dân tộc anh em đã kết tụ các giá trị quý báu. Có thể kể đến các phẩm chất: *yêu nước nồng nàn; đoàn kết yêu thương đùm bọc nhau; trung thực, dũng cảm; có niềm tin sắt đá*. Những tên gọi đậm đà chất "miền núi" rất đỗi thân thương đã in đậm vào tâm trí nhiều thế hệ, như *Việt Bắc, Tây Bắc, Trung du, Chiến khu...* Nhiều hình ảnh đã được khắc hoạ sâu đậm và trở thành hình tượng tiêu biểu cho văn học nghệ thuật giai đoạn kháng chiến, phản ánh những giá trị tinh thần quý báu của đồng bào các dân tộc dành cho cách mạng: *"Bát cơm sẻ nửa, chăn sì đắp cùng"* (Tố Hữu).

Những giá trị này được biểu hiện trong lối sống văn hoá, trong giao lưu, trong đời sống

tinh thần của các dân tộc và điều quan trọng là nó đã trở thành *tự nhiên, như sự vốn có, đã in đậm vào lối sống, đời sống tình cảm và được xem như là cốt cách của các dân tộc miền núi, là giá trị vĩnh cửu của cộng đồng các dân tộc thiểu số.*

Mỗi dân tộc, mỗi vùng đều gắn với điều kiện tự nhiên và có đặc trưng sản xuất riêng. Người Kinh cư trú chủ yếu ở đồng bằng, vùng núi thấp, gắn với nền sản xuất lúa nước.

Người Tày, Nùng, Thái cư trú chủ yếu vùng núi trung du, ven đường cái quan hoặc quần cư theo cụm làng - xã. Mặc dầu xen kẽ vùng núi trung du vẫn có chuyên canh lúa nước, song phương thức trồng lúa nước của đồng bào cũng khác người Kinh. Người Cao Lan, Sán Chí, Mường cũng cư trú rải rác khắp vùng Đông Bắc và Tây Bắc xen kẽ vùng núi - trung du - đồng bằng; người Dao, người H'Mông, Lô Lô chủ yếu ở vùng núi cao với phương thức quảng canh trên nương rẫy là chủ yếu. Mặc dầu với các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, chương trình 135 của Chính phủ, chương trình dành cho các xã đặc biệt khó khăn, đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số miền Bắc Việt Nam đã được cải thiện, song nhìn chung, năng suất lao động còn thấp do lối suy nghĩ, cách sống và sản xuất gắn bó mật thiết với tự nhiên, với thiên nhiên phần nào ảnh hưởng đến phương thức canh tác của đồng bào, chủ yếu là lao động giản đơn, công cụ lao động còn lạc hậu. Hiện tại, ở nhiều vùng sâu khó khăn, dân trí chưa được nâng cao, tỷ lệ mù chữ và tái mù chữ còn cao, trẻ em thất học còn nhiều ở miền núi... đã và đang là một trong các vấn đề bức xúc của giáo dục miền núi hiện nay.

Theo cách phân loại phân vùng văn hoá trong lãnh thổ Việt Nam hiện tại, Giáo sư Trần Quốc Vượng phân thành 6 vùng: *Vùng văn hoá Tây Bắc; Việt Bắc; Bắc Bộ; Trung Bộ; Tây Nguyên; Nam Bộ.* Ở mỗi vùng có những tộc người tiêu biểu, có biểu tượng văn hoá riêng, có các loại hình nghệ thuật tiêu biểu, ngôn ngữ riêng, và đặc biệt là vai trò trong lịch sử phát triển văn hoá dân tộc cũng khác nhau ¹.

Từ khía cạnh giáo dục học, vấn đề chúng ta quan tâm đến là: Liệu mỗi dân tộc ít người ở miền núi phía Bắc Việt nam có còn giữ được bản sắc văn hoá của dân tộc mình hay không. Nếu còn lưu giữ được thì những nội dung nào cần phát triển, cần đưa vào giáo dục cho thế hệ trẻ.

2. Những khó khăn về kinh tế, xã hội, văn hoá ở miền núi hiện nay

Trong quá trình phát triển, bên cạnh những thuận lợi và kết quả tốt đẹp cũng xuất hiện những mâu thuẫn và những khó khăn. Ví dụ: sự phát triển và ảnh hưởng mạnh của kinh tế thị trường có tính chất đòi hỏi nhanh rõ ràng mâu thuẫn với sự chậm chạp trong phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi. Tác động mạnh và hết sức năng động của nền văn hoá đa dạng (do kinh tế thị trường đem lại, do hội nhập, giao lưu) đã mâu thuẫn với sự ổn định có tính chất tương đối về văn hoá - xã hội miền núi, làm thay đổi theo hướng tích cực, đồng thời xuất hiện các tệ nạn xã hội.

Sự di chuyển cơ học của con người cùng với lối sống ở hai vùng: từ vùng chậm phát triển đến vùng phát triển đã làm tăng cơ hội giao lưu, song cũng xuất hiện những đan xen phức tạp.

Việc mở cửa biên giới hơn 10 năm qua đã làm thay đổi tích cực đời sống nhân dân, góp

1. Trần Quốc Vượng (chủ biên) - *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. Nxb Giáo dục, H, 1999.

phần làm tăng trưởng kinh tế địa phương, song cũng xuất hiện các tệ nạn như: buôn lậu, ma tuý,... kéo theo đó là hiện tượng thương trường hoá đời sống văn hoá thông tin trong khi phần lớn dân cư chưa có sự chuẩn bị tiếp nhận. Đặc biệt là hiện tượng bùng nổ các mỏ đào đãi vàng, đá quý, quặng hiếm với cách khai thác tài nguyên bừa bãi, kết quả là một bộ phận dân cư có thu nhập rất cao, một bộ phận thương lái và dịch vụ đi kèm với món lợi nhuận lớn ảnh hưởng không nhỏ đối với đời sống khó khăn của đồng bào các dân tộc.

Sống trong bối cảnh phức tạp, có nhiều mâu thuẫn ở trên, thanh niên miền núi chịu tác động mạnh. Đặc biệt, ngay từ khi còn nhỏ, học sinh dân tộc chủ yếu sống ở quê hương, về cơ bản là họ sinh sống ở các vùng chậm phát triển, đến khi học tập ở vùng phát triển hơn thì ít nhiều gặp những khó khăn nhất định. Trong đó phải kể đến sự thay đổi đột ngột các giá trị, mức sống, điều kiện sống và học tập cũng như các loại hình văn hoá nghệ thuật.

a. Phát triển mạnh mẽ kinh tế, xã hội ở miền núi hiện nay là tiền đề căn bản để phát triển văn hoá, giáo dục

Mối quan hệ giữa kinh tế và giáo dục là mối quan hệ tương hỗ, đặc biệt ở miền núi thì vai trò của phát triển kinh tế trong đó mục tiêu cơ bản là làm sao để chất lượng cuộc sống của đồng bào phải được nâng lên đáng kể cùng với sự phát triển giáo dục và văn hoá. Theo các nhà nghiên cứu, nơi nào còn chậm phát triển thì càng phải đẩy nhanh tốc độ phát triển giáo dục, và chỉ nhờ vào yếu tố này mới có hy vọng đưa nền kinh tế thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế miền núi, bên cạnh những thuận lợi, còn phải chịu sự tác động tiêu cực của mặt trái do kinh tế thị trường đem lại. Những tác động này làm thay đổi các giá trị xã hội. Có thể kể đến các yếu tố sau đây đang tồn tại trong xã hội:

- Lối sống thực dụng, quay lưng với quá khứ, vọng ngoại; Mưu cầu lợi ích riêng, chà đạp lên chuẩn mực xã hội;

- Sùng bái đồng tiền, tự ti, mặc cảm, tiếp thu thiếu chọn lọc;

- Tính tự phát trong trở về cái cũ, khôi phục tập tục xấu.

- Tồn tại các loại hình phản văn hoá.

b. Phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài

Chiến lược này là tiền đề quyết định cho phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá. Sau hơn nửa thế kỷ phát triển giáo dục, giáo dục miền núi đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Song hiện nay giáo dục miền núi còn gặp rất nhiều khó khăn. Có thể phác qua vài con số.

+ Có hai dân tộc có 90% dân số mù chữ;

+ Có 41 dân tộc có 50 - 90% dân số mù chữ

+ Có 10 dân tộc có 17 - 50 % dân số mù chữ;

+ Nhiều dân tộc chưa có người đạt trình độ cao đẳng, đại học;

+ Có 25 dân tộc có 0,01 - 0,09% người có trình độ cao đẳng, đại học;

+ Có 18 dân tộc có 0,09 - 0,1% người có trình độ cao đẳng, đại học;

+ Nạn mù chữ, bỏ học với tỷ lệ cao¹.

Chất lượng học tập của học sinh miền núi còn thấp, tỷ lệ ra lớp thấp; điều kiện học tập của các em còn khó khăn... Giáo dục miền núi còn nhiều vấn đề phải giải quyết đòi hỏi các giải pháp phải được tiến hành đồng bộ.

c. Kinh tế miền núi chậm phát triển, sự phân hoá giàu nghèo có xu hướng gia tăng

Chúng ta nghiên cứu các số liệu qua 5 tỉnh được điều tra:

“Chênh lệch giàu nghèo chênh 6,82 lần; các hộ nghèo, có đời sống khó khăn ở các vùng nông thôn, miền núi chiếm 45 - 50%; tỉ lệ đầu tư của nước ngoài ở khu vực miền núi chiếm tỷ lệ thấp nhất so với toàn quốc; thu nhập bình quân đầu người thấp nhất cả nước”². (Đến thời điểm này, các con số trên có thể đã giảm, song tốc độ chậm, chưa có sự chuyển biến căn bản).

Những con số trên phản ánh chất lượng cuộc sống của đồng bào các dân tộc còn thấp, nhiều dân tộc còn gặp khó khăn. Phần lớn sinh viên miền núi đã sống trong hoàn cảnh đó và chịu nhiều thiệt thòi. Mặc dù Nhà nước có nhiều chính sách quan tâm đến đời sống kinh tế, văn hoá, giáo dục cho miền núi, song do điều kiện kinh tế quá thấp, tiền cho vay để phát triển kinh tế chủ yếu lại chỉ dùng cho tiền ăn, chỉ tiêu đi học chủ yếu dành cho người miền xuôi lên công tác ở miền núi, mọi sự ưu đãi chưa trở thành động lực để phát triển. Với những đặc điểm kinh tế, xã hội và văn hoá ở miền núi vốn đã có những khó khăn song lại phải tính đến *các vấn đề bức xúc sau đây* của giáo dục nước nhà, những vấn đề đang len lỏi vào giáo dục ở khu vực miền núi:

- Hiệu quả giáo dục đạo đức trong nhà trường giảm sút, nhất là lý tưởng của học sinh. *"Một bộ phận đáng kể học sinh yếu kém về nhận thức chính trị, đạo đức, lối sống"*³. Dường như có một khoảng cách đáng kể giữa trình độ học vấn và lối sống có văn hoá, đáng chú ý là ngay trong giới trẻ có học thức.

- Sự thiếu định hướng trong lý tưởng của một bộ phận thanh niên sinh viên, sự mơ hồ về nhận thức bản sắc văn hoá dân tộc trong điều kiện hiện nay.

- Sự biến đổi trong giá trị nghề nghiệp theo xu hướng thực dụng, trước mắt, trong khi công tác giáo dục hướng nghiệp ở phổ thông ít được chú ý.

- Xuất hiện mâu thuẫn giữa nhu cầu vượt ra khỏi các quan niệm giá trị truyền thống của sinh viên với yêu cầu giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

d. Một số vấn đề cần quan tâm trong giáo dục sinh viên theo định hướng giáo dục lối sống có văn hoá

Chúng ta đều biết rằng, giáo dục là một hệ thống định hướng theo mục tiêu, do đó nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo hướng vào mục tiêu đào tạo toàn diện con người.

1. Theo số liệu của tác giả Trần Bình - Báo *Nhân Dân*, 1999.

2. Theo Đỗ Nguyên Phương - *Thực trạng và xu thế phát triển cơ cấu xã hội nước ta trong giai đoạn hiện nay* - Tài liệu đề tài KX 07.05, H. 1995.

3. Nghị quyết Hội nghị BCH TW lần 4 khoá VII.

- Đảm bảo phát huy được vai trò chủ thể của nhân cách sinh viên, đồng thời là đối tượng của giáo dục.

- Đảm bảo tính nguyên tắc trong tổ chức các hoạt động phải bám sát hoạt động chủ đạo là hoạt động học tập - nghiên cứu của sinh viên.

Các biện pháp phải tác động đồng thời lên nhận thức, thái độ, hành vi của sinh viên. Trong đó, phải coi trọng việc tổ chức các hoạt động cho sinh viên.

Các biện pháp đề xuất trong điều kiện khả thi, có thể kiểm soát được, có thể đánh giá được.

Một trong những mâu thuẫn cơ bản trong quá trình dạy học, giáo dục hiện nay ở các trường đại học và cao đẳng là khối lượng kiến thức phải tiếp thu, lĩnh hội quá lớn trong khi thời gian có hạn, sự quá tải chỉ có thể giải quyết triệt để khi cách dạy ở đại học chủ yếu là dạy cách học và cách học tốt nhất đối với sinh viên là tự học. Hiện nay trong các trường đại học và cao đẳng, nhiều nội dung mới, cần thiết đã và đang được đưa vào như: giới tính, dân số, môi trường... đó là những vấn đề cấp thiết và quan trọng. Song không thể đưa thêm vào khuôn khổ thời lượng quy định trong chương trình đào tạo một cách tùy tiện. Do đó, cách làm có hiệu quả là xây dựng chiến lược tích hợp, lồng ghép các nội dung trên, chủ yếu là huấn luyện đào tạo giáo viên *biết cách khai thác* trong chương trình các môn học để giáo dục các nội dung trên. Ví dụ, có thể xây dựng các mô đun để khai thác các nội dung giáo dục môi trường, dân số qua các môn: sinh học, địa lý hoá học, đạo đức, văn học...

Từ cách làm có hiệu quả trên, chúng ta thấy không thể có thêm một nội dung chương trình đào tạo để giáo dục về văn hoá, bản sắc văn hoá trong các trường sư phạm. Trên cơ sở xác định và lựa chọn mục tiêu giáo dục, có thể chọn một số môn như: Văn học, Lịch sử, Tâm lý - Giáo dục,... để *khai thác các nội dung giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc* cho sinh viên. Làm được như vậy sẽ đảm bảo tính thực tiễn của quá trình đào tạo, có thể tích hợp vào các môn học xã hội và nhân văn có ưu thế để hỗ trợ môn học *Cơ sở văn hoá Việt Nam* hiện đang được giảng dạy trong các trường.

3. Những định hướng giáo dục cơ bản trong các trường sư phạm

Giáo dục lối sống văn hoá cho sinh viên hướng vào mục tiêu giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc bao gồm các định hướng cơ bản sau đây:

a. Lựa chọn các giá trị trên cơ sở nghiên cứu, luận giải, phân tích để tìm ra các giá trị cần bảo tồn, phát triển và các giá trị không phù hợp để điều tiết

Trong sự phát triển chung của xã hội, thang giá trị, định hướng giá trị có nhiều biến đổi. Một mặt, các yếu tố cốt lõi, cơ bản trong hệ thống giá trị được củng cố, được phong phú thêm và mang ý nghĩa ổn định. Mặt khác, do sự phát triển, hội nhập, giao lưu đã xuất hiện một thực tế là một số giá trị không còn phù hợp với bối cảnh thời đại.

Vì vậy, việc lựa chọn và điều tiết là hai nhiệm vụ phải làm song song trong việc giáo dục giá trị cho sinh viên. Bởi lẽ, tư tưởng, thế giới quan của con người chịu ảnh hưởng sâu sắc của thang giá trị, nó luôn được coi là một hệ thống mở. Lựa chọn các giá trị đúng sẽ làm thay đổi căn bản lối sống, hành vi của con người, ngược lại, lựa chọn sai sẽ làm biến dạng các định hướng trong hoạt động của cá nhân. Giáo dục giá trị chính là hình thành cho con người lý

tương, niềm tin, ý chí và những phẩm chất nhân cách theo định hướng mục tiêu giáo dục. Để có tầm nhìn đúng, sâu sắc và khoa học về vấn đề này, giáo dục nhà trường phải đặt ra nhiệm vụ cụ thể trong nghiên cứu, giảng dạy và giáo dục sinh viên.

Trong giáo dục lối sống cho sinh viên hiện nay, điều cần chú ý là sự thay đổi có chiều hướng "đột biến" của thang giá trị và chính điều này đã làm thay đổi căn bản lối sống của họ. Chẳng hạn, tiêu chí đầu tiên của thanh niên đối với việc lựa chọn giá trị nghề nghiệp chính là: "Nghề có thu nhập cao". Có thể do sống trong điều kiện vật chất thiếu thốn một thời gian dài đã hình thành ở thanh niên một quan niệm sống thực dụng hơn. Song đối với giáo dục, điều đáng quan tâm ở đây là phải điều chỉnh bước "nhảy vọt" từ thang giá trị: "*coi nhẹ vật chất, xem trọng tinh thần*" (trước 1986 - mốc của công cuộc đổi mới) với "*coi trọng vật chất*" một cách thực dụng từ sau 1986 đến nay: Ví dụ, đối với một số sinh viên khi xác định động cơ học tập mang ý nghĩa vụ lợi, thực dụng thì sẽ xuất hiện các hành vi thiếu trung thực trong thi cử, sẽ xuất hiện hiện tượng mua bằng bán điểm. Vấn đề giá trị đã chi phối mạnh mẽ động cơ và chi phối bản chất hoạt động của mỗi cá nhân. Điều này sẽ giúp chúng ta giải thích một thực tế là trong chiến tranh, hoặc ở thời kỳ khó khăn bao cấp. Chất lượng giáo dục nhân cách nhiều nơi vẫn được giữ vững, được nâng cao. Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu, chất lượng giáo dục nhân cách con người ở những giai đoạn khó khăn của đất nước có phần tốt hơn. Trong giai đoạn hiện nay, có thể chất lượng về học vấn, trình độ nhận thức, sự thông minh của lớp trẻ được đánh giá cao, song chưa thể khẳng định chắc chắn về chất lượng giáo dục nhân cách.

Từ những căn cứ trên, chúng ta thấy các giá trị sau đó cần được giáo dục cho sinh viên một cách chắc chắn, lấy đó làm cơ sở để giáo dục lý tưởng:

- Yêu nước chống giặc ngoại xâm:
- Văn hiến lâu đời.
- Hiếu thảo;
- Đoàn kết:
- Cần cù lao động;
- Nhân ái;
- Tôn sư trọng đạo...

Tuy nhiên, phương pháp giáo dục giá trị không hơn đã có cách làm giống như tuyên truyền, giáo dục chính trị. Các giá trị được cá nhân lựa chọn không chỉ dừng ở nhận thức mà chủ yếu là được xem xét ở khía cạnh hành vi, lối sống của họ. Chính lối sống của cá nhân quyết định chất lượng của sự lựa chọn giá trị. Đồng thời với sự lựa chọn là phải phát triển các giá trị làm cho nó sinh động và phong phú hơn. Ví dụ, ở thời kỳ đổi mới, giá trị "yêu nước" cần phải hiểu rộng ra và sâu thêm. Trong kháng chiến chống Mỹ, thanh niên, sinh viên đi đầu trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc một cách tự nguyện: "Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước, mà lòng phơi phới dậy tương lai" (*Tố Hữu*). Song ở thời bình, "yêu nước" là thế nào? Chúng ta đánh giá thế nào trước một thực tế là: 15 năm qua, ở thời kỳ đổi mới, các trường đại học Việt Nam gửi sinh viên giỏi đi du học ở nước ngoài, cho đến nay số sinh viên đó trở về nước rất ít ỏi. Hoặc số ít trở về lại không làm đúng nghề mình được đào tạo. Hiện nay trong đề án đào

tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ ở nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước đã đòi hỏi người học phải có cam kết, có bồi hoàn kinh phí nếu không trở về nước, hoặc không trở lại cơ quan cũ theo sự phân công của Nhà nước. Điều này khác với sinh viên ở một số nước quanh ta như Trung Quốc và Nhật Bản: khi họ du học ở nước ngoài, họ luôn hướng về Tổ quốc. Hiếm thấy có một nền văn hoá nào có thể thay đổi cốt cách, phẩm chất của người Hoa kiều, người Nhật Bản. Cho dù ở các phương trời khác nhau, ta đều bắt gặp họ với cốt cách ấy, từ ăn mặc, cách ứng xử đến kinh doanh...và đặc biệt là tấm lòng hướng về Tổ quốc của họ rất đáng phục. Từ đó, nếu so sánh người Việt Nam ta du học ở nước ngoài, sẽ thấy có sự rất khác nhau. Không nói đâu xa, khi các em học sinh ở vùng sâu, vùng xa về các trường phổ thông dân tộc nội trú để học tập, dần dần xuất hiện tâm lý ngại về quê mình khi ra trường (thể hiện ở việc lựa chọn nghề). Hoặc số sinh viên -là người dân tộc thiểu số khi học ở các trường đại học và trung học chuyên nghiệp hiện nay, theo đánh giá của các cán bộ quản lý là "đang có nguy cơ xa rời cội nguồn, xa rời bản sắc". Họ học xong, cố xin bằng được chỗ làm ở thành phố, thị xã mặc dù có bằng cử nhân nhưng làm văn thư đánh máy cũng chấp nhận. Hiện trạng thiếu giáo viên, thiếu bác sĩ hiện nay ở nhiều vùng khó khăn phần lớn là do nhiều người không chấp nhận sự phân công công tác.

Theo một tài liệu về giáo dục Trung Quốc thì sinh viên ra trường cũng tự tìm việc làm, nếu không tìm được thì chấp nhận sự phân công của Nhà nước, và đặc biệt là đến nay chưa có sinh viên nào lại chống lại sự phân công đó.

Các hiện tượng nêu ở trên phải chăng đang báo hiệu một sự "chệch choạc" trong giá trị "yêu nước" của thế hệ thanh niên, sinh viên hiện nay. Lỗi tính toán, suy nghĩ thực dụng của thanh niên sinh viên là một thực tế phải quan tâm. Tuy nhiên, lịch sử đã chứng minh rằng, nếu chỉ tính toán cho riêng mình mà không có sự hi sinh cho dân tộc, cho đất nước thì làm gì có độc lập tự do, làm gì có chủ nghĩa xã hội. Theo tâm lý học hoạt động, hệ thống giá trị có được thanh niên, sinh viên chấp nhận hay không sẽ biểu hiện một cách rõ nét và chắc chắn qua lối sống có văn hoá của chính họ. Do vậy, giáo dục nhà trường cần phải giúp họ định hướng qua các dạng hoạt động sau:

- Tổ chức một lối sống lành mạnh;
- Phát triển các phong tục, tập quán tốt đẹp của cộng đồng;
- Thúc đẩy các hình thức biểu hiện đa dạng về văn hoá,
- Tăng cường các hoạt động nghệ thuật, âm nhạc, hội họa;
- Khôi phục các giá trị đang có nguy cơ mất đi.

Trong nhiệm vụ giáo dục sinh viên, đặc biệt là giáo dục giá trị, giáo dục lối sống phải làm cho sinh viên hiểu và làm theo phương châm sống: "mình vì mọi người, mọi người vì mình".

b. Nâng cao nhận thức của sinh viên về các giá trị văn hoá trong nếp sống, phát triển nhân cách văn hoá cho sinh viên

Nghiên cứu thực trạng về vấn đề này chúng ta dễ dàng nhận thấy: nhận thức của sinh viên còn chưa sâu, chưa hiểu bản chất của các giá trị văn hoá trong nếp sống. Giữa nhận thức và hành động còn có nhiều mâu thuẫn. Do đó mức độ hiểu về vấn đề trên chưa sâu sắc nên chưa trở thành niềm tin vững chắc trong lý tưởng của họ. Có thể nói mục tiêu giáo dục toàn diện

con người mà hệ thống giáo dục đang phấn đấu chưa đạt được kết quả như mong muốn. Xã hội đang đòi hỏi nhà trường phải là nơi đảm bảo các chuẩn mực cho xã hội; nhân cách sinh viên - lực lượng trí thức trong tương lai phải có những phẩm chất trí tuệ và đạo đức vượt lên trên thời đại. Từ những yêu cầu trên, chúng ta thấy nhiệm vụ giáo dục lối Sống Có Văn hoá cho sinh viên phải được coi là cấp bách hiện nay với các yêu cầu rất cao về các chuẩn mực mà xã hội đang đòi hỏi. Đặc biệt là đối với sinh viên sư phạm, chức năng giáo dục trong tương lai đã đòi hỏi họ phải đạt được tính chất mẫu mực trong lối sống, bởi sự ảnh hưởng của họ đối với thế hệ trẻ là tác động giáo dục, mọi hành vi, lời nói của họ là tấm gương cho thế hệ trẻ.

4. Những biện pháp nhằm tăng cường nhận thức của sinh viên về các giá trị văn hoá

Biện pháp 1: Mời các nhà văn hoá, các chuyên gia giáo dục báo cáo theo chủ đề tập trung vào lối sống văn hoá, bản sắc văn hoá với các biểu hiện đa dạng của nó ở mọi lĩnh vực.

Thông qua hoạt động này giúp sinh viên hiểu về các chủ đề, các phạm trù, khái niệm, các biểu hiện về văn hoá, bản sắc văn hoá, đồng thời khơi dậy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình. Hoạt động này phải đảm bảo các yêu cầu sau: nội dung ngắn, súc tích, chủ đề phải hấp dẫn, sinh động, phù hợp với đặc điểm vùng miền, với lứa tuổi sinh viên, gắn với các chủ đề mà sinh viên đang quan tâm hiện nay.

Biện pháp 2: Khuyến khích sinh viên tổ chức các diễn đàn thảo luận theo chủ đề, văn hoá, nếp sống có văn hoá của sinh viên sư phạm.

Thông qua hoạt động này, sinh viên được tự do tranh luận, tự đưa ra các tiêu chí sống đẹp của sinh viên sư phạm. Trên cơ sở đó hình thành các hiểu tượng về lối sống có Văn hoá, ý nghĩa của việc rèn luyện lối sống có văn hoá của sinh viên sư phạm. Sự rèn luyện này đảm bảo cho quá trình tiếp nhận những tri thức về văn hoá cũng như việc chấp nhận các chuẩn mực đối với sinh viên là hoàn toàn tự giác, không có sự áp đặt giáo điều. Đồng thời, xây dựng tiêu chí để đánh giá về: chuẩn mực lối sống, nếp sống có văn hoá của sinh viên sư phạm. Biện pháp này phải đảm bảo các yêu cầu sau đây: các chủ đề được thảo luận trước khi thực hiện, có thể tham khảo trên số đông sinh viên; lựa chọn các chủ đề đang tranh luận trên các phương tiện thông tin: truyền hình, báo chí... để đưa vào diễn đàn; nhân các ngày lễ để tổ chức các chuyên đề cho phù hợp; căn cứ vào nội dung môn học để thiết kế các diễn đàn để gắn nội dung học với chủ đề ngoại khoá.

Biện pháp 3: Tổ chức các hình thức thi theo các khối lớp về nếp sống văn hoá qua hình thức: học tập, sinh hoạt ký túc xá văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao.

Thông qua hoạt động này, sinh viên được củng cố về các giá trị văn hoá trong học tập, trong sinh hoạt và các hoạt động khác. Phát huy và tôn trọng các đề xuất của họ về các hình thức tổ chức hoạt động, cách tổ chức thi phù hợp với lứa tuổi, nghề nghiệp. Nội dung các vấn đề đưa ra để thi phải thực sự đem lại hiểu biết cho sinh viên, thông quá đó họ còn được luyện tập kỹ năng giáo dục, kỹ năng nghề nghiệp. Các yêu cầu khi tổ chức thực hiện: đảm bảo tính khả thi trong các hoạt động; đảm bảo xuất phát từ nhu cầu chính đáng của sinh viên. (Chẳng hạn qua thăm dò, có nhiều ý kiến sinh viên đề nghị nên hạn chế các loại hình biểu diễn văn nghệ do thuê mướn vì tốn thời gian và kinh phí, vì chỉ ít người được tham gia). Như vậy, sinh viên đã có nhu cầu tự thể hiện mình.

Tất cả các loại hình tổ chức cho sinh viên hoạt động phải phân biệt rõ: loại hình hoạt động

hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động nào trong công tác đào tạo, giáo dục sinh viên; hoặc loại hình hoạt động chỉ nhằm mục đích để thưởng thức, giải trí phục vụ cho đời sống tinh thần cho sinh viên.

Tóm lại, thực hiện các biện pháp giáo dục nhân cách văn hoá cho sinh viên thông qua các hoạt động cần đảm bảo các yêu cầu có *tính nguyên tắc* sau đây:

- + Đảm bảo tính mục tiêu trong quá trình đào tạo;
- + Đảm bảo phát triển nhân cách công dân hiện đại và con người đậm đà bản sắc dân tộc;
- + Đảm bảo phát triển toàn diện con người, từ nhận thức đến hành vi, đến các mặt hoạt động của nhân cách;
- + Đảm bảo tính đặc thù nghề nghiệp trong giáo dục nhân cách văn hoá sinh viên.

Thực hiện những yêu cầu có tính nguyên tắc trên đây sẽ đảm bảo cho các hoạt động diễn ra theo đúng hướng và đạt được mục tiêu đề ra.

Trong quá trình giáo dục nhằm tăng cường nhận thức của sinh viên về các giá trị văn hoá, điều quan trọng là hình thành cho sinh viên ý thức sẵn sàng tiếp thu, lựa chọn tinh hoa từ nền văn hoá khác của dân tộc khác để làm phong phú thêm bản sắc văn hoá của dân tộc mình.

*

* *

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã có những bước thay đổi lớn về phát triển văn hoá. Sau hàng nghìn năm Bắc thuộc, người Việt đã chuyển hoá thành công các nội dung văn hoá Trung Hoa (với ý đồ là áp đặt, đô hộ về văn hoá) thành của riêng mình. Đây là một quá trình lâu dài, thể hiện rõ bản lĩnh Việt Nam, khí phách Việt Nam, trí tuệ Việt Nam. Thời kỳ Pháp thuộc, chúng ta cũng đã nhanh chóng tiếp thu nền văn minh châu Âu với các giá trị cơ bản: "Tự do - bình đẳng - bác ái" mà chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dày công tìm tòi, phát hiện, phát triển, chuyển hoá vào Việt Nam. Nền văn minh mới đã được các nhà cách mạng duy tân báo hiệu, khởi xướng, các nhà cách mạng Việt Nam định hướng tiếp thu, dẫn đường cho cả dân tộc đi theo. Cái khó nhất ở thời kỳ này là: Tiếp thu văn minh châu Âu đồng thời chống lại ách thực dân, bảo vệ độc lập; phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp dân tộc, đồng thời loại bỏ các thủ tục lạc hậu, mê tín, trì trệ, cản trở cách mạng.

Điểm mấu chốt từ hai cuộc cách mạng lớn trong lịch sử là sự tiếp thu, chuyển hoá, lựa chọn các giá trị từ các nền văn minh Trung Hoa, Pháp đều thông qua *đội ngũ trí thức yêu nước, trí thức cách mạng*. Ở thời kỳ phong kiến, đó là các nhà tư tưởng, nhà văn hoá lớn của dân tộc như: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Trần Tế Xương, Nguyễn Công Trứ... Trong thời kỳ chống thực dân - phong kiến; họ chính là các chiến sĩ cách mạng, các trí thức yêu nước, các chiến sĩ cộng sản, đứng đầu là *Hồ Chí Minh*. Cuộc đời của Người là sự hiện thân của cách mạng, của người chiến sĩ cộng sản, danh nhân văn hoá thế giới.

Trong công tác giáo dục thế hệ trẻ, đặc biệt là giáo dục sinh viên trong các trường sư phạm nói chung và sinh viên là người dân tộc thiểu số nói riêng, việc xây dựng và thực hiện các biện pháp giáo dục làm tăng nhận thức và hành động để góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc cần phải hiểu một cách biện chứng và cách mạng.

Biện chứng ở chỗ bản sắc không phải là cái độc nhất vô nhị, mà là cái có giá trị cộng đồng cao, được mọi dân tộc tiến bộ chấp nhận bởi giá trị nhân văn, nhân bản, nhân ái. Do đó, giữ gìn bản sắc văn hoá chính là tiếp thu cái tiến bộ, làm phong phú thêm, phát triển các giá trị mới. Đồng thời với việc tự sửa mình, đánh giá lại mình thường xuyên, không nên quan niệm những yếu tố văn hoá của dân tộc mình là mẫu mực, là chuẩn mực nhất để các dân tộc khác phải noi theo.

Cách mạng ở chỗ về nhận thức cũng như hành động phải là một quá trình thống nhất, tuân theo các quy luật khách quan. Phải sẵn sàng gạt bỏ cái dở, các lạc hậu của mình, của dân tộc mình để tiếp thu cái mới, cái tốt, cái văn minh. Không tự sửa mình thì khó có thể làm được việc gì tốt đẹp cho người khác. Trong quá trình phát triển đã hàm chứa yếu tố cách mạng, và sinh viên phải là lực lượng đi đầu trong lĩnh vực này.

Trong quá trình đào tạo ở các trường, để nâng cao trình độ nhận thức cho sinh viên về bản sắc văn hoá dân tộc, trong công tác giáo dục tư tưởng, trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục, phải hướng cho sinh viên suy nghĩ một cách khoa học về vấn đề cơ bản sau đây:

Quá trình giao lưu văn hoá giữa người Việt với các dân tộc thiểu số khác diễn ra như thế nào? Sự ảnh hưởng, tác động qua lại đã diễn ra theo quy luật nào?

Quy luật của quá trình giao lưu văn hoá Việt Nam với khu vực và thế giới trong lịch sử và hiện nay?

Giải quyết tốt các quan hệ trên đây trước hết là phải tránh xu hướng áp đặt văn hoá dựa trên số đông mà ta gọi là xu hướng: "Kinh hoá" trong mối quan hệ văn hoá cộng đồng các dân tộc Việt Nam và xu hướng "hoà tan" trong quan hệ văn hoá Việt Nam với thế giới. Hiện tượng thứ nhất xảy ra trong nội bộ cộng đồng các dân tộc Việt Nam, ảnh hưởng đó cũng có xu hướng tích cực, tuy nhiên cũng cần cảnh báo về nguy cơ mất gốc, xa rời bản sắc văn hoá của từng dân tộc, từ biểu hiện về ngôn ngữ, trang phục đến lối sống... Hiện tượng thứ hai xảy ra trong xu hướng đổi mới, hoà nhập toàn cầu hoá đang diễn ra. Một số nhà cách mạng đã dự báo sẽ có một cuộc chiến tranh văn hoá như là một nguy cơ đối với tất cả các nước và cách phòng chống tốt nhất là *tự kháng thể* trước xu hướng toàn cầu hoá hơn là sự co cụm, đóng cửa. Mở mang, giao lưu để giữ được bản sắc trong xu hướng chọn lọc, tiếp thu cái hay của mọi nền văn minh. Đây là bài toán khó, song bất cứ quốc gia nào cũng phải đối mặt với thời cơ và thách thức này.

Quá trình tiếp thu và lựa chọn tinh hoa từ các nền văn hoá khác phải căn cứ vào nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc đảm bảo định hướng của Đảng trong phát triển văn hoá;
- Nguyên tắc đảm bảo sự phát triển các giá trị văn hoá dân tộc;
- Nguyên tắc đảm bảo nổi bật tiêu chí nhân văn;
- Nguyên tắc đảm bảo hình thức phải phong phú hơn;
- Nguyên tắc được mọi người thừa nhận;
- Nguyên tắc tôn trọng các giá trị lịch sử.

Các vấn đề có tính nguyên tắc trên đây phải được thể hiện trong việc xây dựng các nội

dung hoạt động, hình thức tổ chức hoạt động, trong việc lựa chọn các giá trị cần bảo tồn và phát triển. Phạm vi thực hiện phải được thống nhất trên tất cả các lĩnh vực, các loại hình hoạt động, thấm nhuần vào các mục tiêu hoạt động của các đoàn thể, các lực lượng xã hội, từ gia đình, nhà trường, xã hội trong đó giáo dục nhà trường là nòng cốt, chủ đạo.

5. Một số biện pháp tổ chức giáo dục trong các trường

Để có thể đạt được mục tiêu giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên các trường sư phạm, phải thực hiện đồng bộ các biện pháp sau đây:

a. Xây dựng nội dung chương trình, giáo trình đưa vào dạy học chính khoá và ngoại khoá có chứa đựng nội dung giáo dục bản sắc văn hoá các dân tộc

Đây là con đường, biện pháp cơ bản vì nó giải quyết vấn đề mấu chốt, bức xúc hiện nay là giáo dục nhà trường phải có nhiệm vụ chính trong việc ngăn chặn xu hướng suy thoái về lối sống, đạo đức, sự mờ nhạt của bản sắc văn hoá dân tộc trong nhận thức và hành vi của thế hệ trẻ. Đồng thời để giáo dục sinh viên, phải tăng cường giáo dục nhận thức đúng đắn, tạo lập hành vi tốt đẹp, hình thành lối sống có văn hoá cho sinh viên, trong đó cần coi giáo dục nhà trường là biện pháp chủ đạo. Biện pháp giáo dục thông qua các môn học được xem là con đường cơ bản nhất bên cạnh các con đường khác.

Hiện nay, trong các trường đại học, môn học được coi là cơ bản là môn "*Cơ sở văn hoá Việt Nam*" đã được đưa vào trong chương trình giảng dạy. Do vậy, việc xây dựng chương trình tích hợp, lồng ghép để giúp cho sinh viên học tốt hơn, làm phong phú thêm nội dung kiến thức từ môn học trên là một việc làm có ý nghĩa lớn. Nguyên tắc là không gia tăng nội dung, chủ yếu là khai thác các nội dung có trong tài liệu, trong nội dung các môn học đang giảng dạy ở các trường, các nội dung này có thể khai thác để giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên.

Chương trình tích hợp, lồng ghép được xây dựng với các hình thức *lồng ghép tích hợp* qua các môn khoa học xã hội và nhân văn như: Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục, Ngôn ngữ... đồng thời *xây dựng các chủ đề ngoại khoá* thực hiện trong chương trình giáo dục sinh viên.

Để thực hiện được các việc trên đây, cần giải quyết các vấn đề sau: tăng cường nhận thức của lãnh đạo về tầm quan trọng của công việc; tập huấn giáo viên có kỹ năng xây dựng và thực hiện chương trình; biên soạn tài liệu tham khảo; kiểm tra, đánh giá có hiệu quả.

b. Hình thành và phát triển kỹ năng tìm hiểu, phát hiện các giá trị văn hoá truyền thống, những đặc trưng văn hoá, bản sắc văn hoá dân tộc qua các hoạt động cụ thể

Trong công tác giáo dục sinh viên, việc hình thành các kỹ năng hoạt động là một mục tiêu cơ bản cần đạt được. Kỹ năng chỉ được hình thành thông qua các hoạt động, qua luyện tập, nhờ đó hình thành năng lực nhận thức và hành động cho nhân cách. Trong các trường đại học và cao đẳng có thể tổ chức các hoạt động cụ thể như sau:

- Thống kê sưu tầm về văn hoá, bản sắc văn hoá các dân tộc qua các đợt điền dã dân gian, các cuộc tìm hiểu lịch sử văn hoá ở các khoa xã hội;
- Sưu tầm qua sách báo, thông tin hàng ngày;
- Tìm hiểu các nội dung trên qua các cuộc thi sáng tác: thơ, văn, kịch, nhạc, vẽ biểu

tượng...

- Khảo sát, thống kê tư liệu về các nội dung bản sắc văn hoá các dân tộc từ nội dung các môn học: Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục, Văn hoá.

Ví dụ: có thể đưa ra một chuyện thơ: "*Tiến dặn người yêu*", yêu cầu sinh viên thống kê các biểu hiện sau trong tác phẩm theo các nội dung:

Sinh hoạt gia đình biểu hiện ở: văn hoá ăn; văn hoá ở; trang phục. *Văn hoá âm nhạc* biểu hiện ở: các nhạc cụ, các bài hát, lời hát. *Phong tục tập quán*: tục nhuộm răng, tục trong hôn lễ. *Vấn đề tín ngưỡng*: quan niệm về mệnh, quan niệm về vía; quan niệm về bói toán¹.

Từ những thao tác trên, sinh viên có được *kỹ năng* tìm hiểu về bản sắc văn hoá dân tộc mình hoặc dân tộc khác, có được *ý thức* tìm tòi phát hiện, sưu tầm, hệ thống hoá những *tri thức* về văn hoá, bản sắc văn hoá ngay ở trong nội dung các môn học, trên cơ sở đó, có *thái độ* đúng với các giá trị đó. Việc làm tuy nhỏ song có ý nghĩa lớn, ít nhất là một trong những việc có thể thực hiện được ngay mà không phải tính đến sự đầu tư về kinh phí và tốn nhiều công sức. Trên thực tế, nhiều giáo viên trong các trường đại học và cao đẳng và các giáo viên bậc trung học (ở các môn giảng dạy thuộc lĩnh vực khoa học xã hội) đã thực hiện những thao tác trên trong quá trình giảng dạy.

Theo cách tiếp cận này, có thể xây dựng quy trình thực hành như sau cho sinh viên:

- 1- Chọn tư liệu;
- 2- Thống kê các dạng biểu hiện;
- 3- Phân loại theo tiêu chí: đặc trưng tiêu biểu cho văn hoá dân tộc nào, tiêu biểu cho các vùng miền nào;
- 4- Những nhận xét rút ra;
- 5- Thảo luận nhóm,
- 6- Nêu các ưu điểm, hạn chế về phong cách biểu hiện của các loại hình văn hoá vừa thống kê.

Từ quy trình trên, có thể khai thác các chủ đề gợi ý theo các môn học như sau:

Môn Ngữ văn: các học phần sau đây có thể khai thác nội dung giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc:

- Các tác phẩm *văn học dân gian* như:

+ *Truyện cổ tích* chủ yếu khai thác các nội dung về quan hệ ứng xử, giá trị nhân đạo, phong cách ứng xử văn hoá, quan niệm về thiện - ác, nhân - quả, những bài học về đạo lý làm người. Chẳng hạn như truyện *Trầu Cau*, *Cây khế*...

+ Các bài *ca dao, tục ngữ* chủ yếu khai thác hình ảnh, hình tượng về nông thôn Việt Nam, cảnh sinh hoạt, lao động sản xuất hay sinh hoạt gia đình, quan hệ ứng xử, quan hệ tình bạn tình yêu. phong tục nếp sống của cộng đồng người Việt, tình cảm yêu quê hương đất

1. Ví dụ được đưa ra theo bài nghiên cứu của sinh viên Cẩm Thị Hồng Mên K23. Ngữ văn - ĐHSP II Hà Nội.

nước, con người... Chỉ qua việc khảo sát vẻ đẹp của ngôn ngữ trong ca dao, tục ngữ đã thấy lấp lánh những viên ngọc phản ánh tâm hồn, tính cách con người Việt Nam với giá trị biểu trưng cao thể hiện ở xu hướng khái quát hoá, ước lệ hoá với những cấu trúc cân đối, hài hoà.

- Các tác phẩm *thơ*: ví dụ như thơ Nguyễn Bính trong bài *Chân quê*; thơ Hoàng Cầm trong bài *Bên kia sông Đuống*; thơ Tố Hữu bài *Việt Bắc*... Chẳng hạn, có thể khai thác các hình ảnh, phong tục, tập quán tốt đẹp cũng như tình cảm sâu đậm của người Việt Bắc (người Tày, người Nùng) đối với cách mạng qua các hình ảnh: "*áo chàm chia buổi phân li; Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay*" (Bài thơ *Việt Bắc*); hoặc sự luyện tiếc về đẹp thôn quê của Nguyễn Bính: "*Còn đâu cái áo lụa sồi, cái khăn mỏ quạ cái quần nái đen*". (Bài thơ *Chân quê*); hoặc khai thác các nét đặc trưng văn hoá vùng Kinh Bắc qua bài thơ *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm.

- Các tác phẩm *truyện ngắn*: truyện ngắn Nam Cao, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân; truyện *Đất nước đứng lên* của Nguyên Ngọc; truyện *Rừng Xà Nu* của Nguyễn Trung Thành; truyện *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài.

...Trong các tác phẩm đó có thể khai thác các hình tượng nhân vật tiêu biểu cho văn hoá các dân tộc miền núi. Ví dụ hình tượng người Mèo đi theo cách mạng qua tác phẩm *Vợ chồng A Phủ*. Qua tác phẩm này, cũng như có thể thống kê hàng loạt các hình ảnh tiêu biểu cho lối sống phong tục tập quán của người Mèo, cũng như các nét văn hoá đặc sắc trong cộng đồng người dân tộc thiểu số. Hình ảnh ông *Già Mết* (trong *Rừng Xà Nu*), hình ảnh anh hùng *Núp* (trong *Đất nước đứng lên*) là biểu tượng cho núi rừng Tây Nguyên hùng vĩ trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược. Đồng thời qua tác phẩm cũng hiện lên hình ảnh những con người Tây Nguyên với các nét phẩm chất đẹp đẽ như: lòng quả cảm đáng kính trọng cùng với những phong tục tập quán, những giá trị văn hoá lâu đời đã được gìn giữ, đã được phát triển và đã góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại cho dân tộc. Có thể nói, không có công trình khảo cứu nào toàn diện hơn và sinh động hơn về bản lĩnh người Tây Nguyên, bản sắc văn hoá các dân tộc Tây Nguyên trong kháng chiến chống Pháp bằng việc đọc các tác phẩm: *Đất nước đứng lên* và *Rừng Xà Nu*. Đây là các tác phẩm văn học sống động nhất miêu tả cuộc sống và công cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

- Ở mảng *Văn học các dân tộc thiểu số*, qua các sáng tác của các nhà văn, nhà thơ là người dân tộc thiểu số như: Vi Hồng, Bàn Tài Đoàn, Nông Quốc Chấn... hoặc các nhà văn nhà thơ viết về miền núi như: Ma Văn Kháng, Nguyễn Tuân, Tố Hữu... có thể khai thác những giá trị văn hoá đặc sắc, tiêu biểu của từng dân tộc.

Mục tiêu của việc khảo sát, phân loại, thống kê và tổng hợp trên các văn bản nghệ thuật như đã nêu ở trên chủ yếu là luyện tập cho sinh viên có được *kỹ năng phát hiện, xử lý và hệ thống hoá tri thức về văn hoá dân tộc, bản sắc văn hoá của từng dân tộc* thông qua các hình tượng nghệ thuật. Trên thực tế ở các giờ giảng văn, giáo viên đã ít nhiều đề cập đến những nội dung về bản sắc văn hoá, song đi vào thực hiện theo cách tiếp cận khai thác để đạt mục tiêu như đã nêu ở trên thì hầu như chưa chú ý nhiều. Do đó, việc xây dựng và hình thành cho sinh viên có được một quy trình thực hiện ngay khi đang học trong các trường sư phạm là việc làm cần thiết và có ý nghĩa lâu dài. Chỉ khi các giáo sinh biết đánh giá đúng đắn các giá trị văn hoá các dân tộc, biết nâng niu và giữ gìn thì họ mới có thể giáo dục, hướng dẫn thế hệ đi sau tiếp nối, phát triển.

Phương thức khai thác những nội dung về bản sắc văn hoá các dân tộc thông qua các tác phẩm nghệ thuật (trong nội dung các môn học) để giáo dục cho sinh viên đòi hỏi phải có cách làm phù hợp với đặc trưng các loại hình nghệ thuật. Ví dụ, ở các bài *ca dao, tục ngữ* chủ yếu là khai thác giá trị ngôn ngữ cô đọng, khúc chiết, hình ảnh tiêu biểu, xu hướng ước lệ, tính biểu trưng cao, nội dung phản ánh được coi như những nguyên tắc sống để giáo huấn con người, như: "*công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*" hoặc: "*đi một ngày đàng học một sàng khôn*".

Hoặc khi khai thác các tác phẩm tự sự (truyện ngắn) chủ yếu khai thác tính cách nhân vật biểu hiện ở: dáng vẻ, ngôn ngữ, tâm trạng, quan hệ ứng xử, hành vi giao tiếp xã hội... để làm rõ các nội dung có chứa đựng những nét tiêu biểu về bản sắc văn hoá dân tộc. Đồng thời có sự so sánh tương quan để làm rõ nét đặc trưng nhân vật tiêu biểu cho hình tượng nhân vật nào và đại diện cho dân tộc nào trong sáng tác của nhà văn.

Với cách tiếp cận vấn đề như trên, có thể áp dụng vào các môn học có ưu thế để giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên các trường sư phạm, có thể kể đến các môn học sau:

Môn Lịch sử: Thông qua nghiên cứu *Lịch sử Việt Nam, Lịch sử cách mạng Việt Nam* để thấy rõ được quá trình đấu tranh cách mạng, lịch sử đấu tranh giành độc lập của đồng bào các dân tộc thiểu số. Các sự kiện lịch sử với những con người cụ thể, ở mỗi thời điểm nhất định sẽ đại diện cho tầng lớp các dân tộc, họ hiện lên một cách sinh động, từ thời Bà Trưng, Bà Triệu đến thời kỳ lịch sử hiện đại. *Lịch sử thế giới* cũng đem lại cho sinh viên những tri thức về văn hoá, lịch sử các nước từ xa xưa đến hiện tại.

Môn Giáo dục học: Đây là môn đặc trưng trong các trường sư phạm. Nội dung môn học này đề cập đến hệ thống tri thức về khoa học giáo dục con người, về quá trình hình thành và phát triển nhân cách, về lịch sử giáo dục. Về quá trình giáo dục. Thông qua quá trình giảng dạy, cần lựa chọn các phương pháp giáo dục tiêu biểu của người Việt và các dân tộc thiểu số về *giáo dục gia đình, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật*; tập trung nghiên cứu *quá trình giáo dục con người* của cha ông ta, quá trình giáo dục thế hệ trẻ, nuôi dưỡng và phát triển các thế hệ kế tiếp của cộng đồng các dân tộc thiểu số để trả lời cho câu hỏi: điều gì đã giúp các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam trải qua nghìn năm bị đô hộ, qua các cuộc chiến tranh, trong điều kiện "*sáng chắn bão dông, chiều ngăn nắng lửa*", vẫn giữ được nét riêng, giữ được cốt cách, khí phách của dân tộc mình, như nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã viết: "*Nước Việt Nam từ máu lửa, Rũ bùn đứng dậy sáng loà*".

Môn Tâm lý học: Vận dụng tri thức tâm lý học để nghiên cứu các nét tiêu biểu về tâm lý các dân tộc thiểu số (tâm lý tộc người) với những đặc điểm về tính cách, khí chất, nhu cầu, tình cảm, lối sống, thói quen, nhận thức... có những đặc trưng riêng là một yêu cầu quan trọng khi dạy môn này trong các trường sư phạm ở miền núi, một mặt, để hiểu rõ hơn về tâm lý con người, hiểu rõ hơn về đời sống văn hoá tinh thần các dân tộc Việt Nam, mặt khác đối với giáo sinh sư phạm, đây còn là một nhiệm vụ, yêu cầu sư phạm cần thiết trong công tác dạy học, giáo dục sau này. Trên thực tế, các giáo sinh sư phạm đang học tại các trường đại học và cao đẳng sư phạm ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam còn thiếu nhiều kỹ năng tiếp cận và hiểu biết về văn hoá các dân tộc Chỉ riêng "rào cản" ngôn ngữ giữa giáo viên và học sinh dân tộc đã là một trở ngại lớn cho công tác giáo dục và dạy học ở miền núi. Đây là một sự thiếu hụt lớn cần khắc phục, vì như nhà giáo dục học Makarencô đã nhấn mạnh: *muôn giáo dục con*

người toàn diện trước hết phải hiểu toàn diện về con người.

Sự thiếu hụt các kỹ năng của các giáo sinh sư phạm như đã nêu ở trên đã đặt ra vấn đề: phải chăng việc học một khối lượng kiến thức đồ sộ về: tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học xã hội, tâm lý học giao tiếp, ứng xử, tâm lý học nhân cách... trong các trường sư phạm ở miền núi là không có ý nghĩa? Vấn đề cơ bản là từ những kiến thức sách vở, sinh viên phải biết vận dụng để nghiên cứu, tìm hiểu đối tượng giáo dục. Đây là điều kiện quan trọng để tri thức tâm lý học trở nên sống động và có ý nghĩa khi được ứng dụng vào thực tiễn.

Môn Giáo dục công dân có nhiệm vụ trang bị kiến thức cho sinh viên hệ thống tri thức về luật pháp, về đạo đức. Hệ thống tri thức này cùng với năng lực sư phạm sẽ giúp cho sinh viên có thể đảm nhận được nhiệm vụ dạy học ở trường phổ thông. Trong các trường sư phạm, chương trình đào tạo giáo viên môn *Giáo dục công dân* có thể mạnh để lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc. Việc thiết kế các tình huống giáo dục làm tăng tính hấp dẫn các chủ đề giáo dục, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ứng xử trước các tình huống giả định nhưng gắn gũi với cuộc sống; đồng thời trang bị cho họ các phương pháp sư phạm để giảng dạy ở phổ thông có hiệu quả. Mục tiêu giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật ở phổ thông là cần tập trung vào việc hình thành năng lực thực hành. Do vậy, từ trong nhà trường sư phạm, cần tạo lập cho sinh viên thói quen có hành vi ứng xử tốt trong các quan hệ xã hội, đặc biệt là giúp sinh viên sau khi ra trường có được năng lực hoạt động sư phạm ở thực tiễn trường phổ thông. Hiện nay hiện tượng phần lớn học sinh, sinh viên có điểm số cao trong các môn học về đạo đức, về pháp luật song lại vi phạm các quy định về pháp luật như: vi phạm quy chế học tập, vi phạm luật giao thông... đã nói lên phần nào nhiệm vụ giáo dục công dân trong trường học còn tách rời cuộc sống, giáo dục còn nặng về điểm số.

Một trong những ưu điểm dễ thấy của cách tiếp cận vấn đề theo hướng *lồng ghép* và *tích hợp* là làm cho giờ học hấp dẫn hơn. Nội dung đã được khai thác một cách hợp lý, ý đồ của nhà giáo dục không lộ liễu và khiên cưỡng. Các nội dung về bản sắc văn hoá dân tộc như tự thâm sâu vào nhận thức, tình cảm và đến với người học một cách tự nhiên. Đặc biệt là người học không chỉ hiểu các khái niệm và định nghĩa, mà điều quan trọng là họ *biết cách làm*, *biết cách ứng xử* và được thực hành thông qua môn học. Đây chính là mục tiêu cơ bản cần đạt tới của nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên. Đối với sinh viên sư phạm, mục tiêu trên càng quan trọng vì các giáo sinh sau khi ra trường (ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam) sẽ làm việc ở tỉnh miền núi, nơi có nhiều thành phần các dân tộc thiểu số đang sống, các giáo sinh sẽ đảm nhận sứ mạng lớn lao là phát triển văn hoá cho thế hệ trẻ. Chính họ sẽ đảm nhận vai trò là các nhà văn hoá, trí thức địa phương, có trách nhiệm truyền bá tư tưởng tiên bộ của thời đại, phát huy truyền thống văn hoá các dân tộc) thực hiện đường lối văn hoá của Đảng, chính sách văn hoá của Nhà nước.

c. Thiết kế mẫu một số môđun về giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên

Theo lý luận dạy học, một môđun là một đơn vị độc lập tương đối, thiết kế chi tiết các việc làm nhằm khai thác kiến thức (khái niệm) vốn có của tài liệu giáo khoa để đạt được mục đích đề ra¹.

1 . Bộ GD & ĐT - *Thiết kế mẫu một số môđun giáo dục môi trường ở trường phổ thông*, H, 2001 (Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và DANIDA.

Tiếp cận vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc bằng cách xây dựng các môđun dạy học từ nội dung các môn học đang dạy trong các trường sư phạm là hướng đi đúng đắn để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên các trường sư phạm. Song điều quan trọng hơn là thông qua hoạt động này, sinh viên sư phạm được làm quen với phương thức khai thác các kiến thức theo hướng lồng ghép vào nội dung môn học để giáo dục học sinh. Bởi vì trong quá trình hoạt động ở thực tiễn phổ thông sau này, họ sẽ phải đảm nhận nhiều nội dung giáo dục theo hướng tích hợp, lồng ghép nhà giáo dục giới tính, dân số, môi trường... Một môđun giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc gồm 4 yếu tố cơ bản:

- Nêu được khái niệm có sẵn trong giáo trình (với tình huống cụ thể có liên quan),
- Nêu rõ mục tiêu giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc, khai thác từ khái niệm trên;
- Nêu rõ từng việc làm của thầy và trò sao cho có thể kiểm tra được;
- Có tính mềm dẻo, thích ứng với nhiều tình huống khác nhau, nhưng đều đạt mục tiêu giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc

Loại môđun khai thác phần giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên từ các môn học trong trường đại học gồm: mục đích, nội dung và phương pháp, nguồn tài liệu tham khảo, và các bảng liệt kê nội dung.

Ví dụ: Khả năng khai thác các nội dung giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc trong sách ở các môn học có ưu thế.

<i>Nội dung giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc</i>	<i>Môn Ngữ văn</i>	<i>Môn Lịch sử</i>	<i>Môn Tâm lý - Giáo dục</i>	<i>Môn học khác</i>
1. Các khái niệm cơ bản mà giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc có thể khai thác				
2. Các việc làm hình thành kỹ năng				
3. Các việc làm rõ giá trị và các việc làm ra				

Trên cơ sở các nội dung có thể khai thác theo chủ đề, xây dựng các mẫu bài giảng cụ thể, các mẫu này có thể bàn giao cho giáo viên tương lai thực hiện ở phổ thông. Trước hết có thể luyện tập cho sinh viên sư phạm trong quá hình kiến tập hoặc thực hành sư phạm.

Đồng thời với việc thiết kế loại hình môđun ở trên là tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Ví dụ: Mẫu xây dựng kế hoạch và chương trình hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên sư phạm.

<i>Kế hoạch</i>	<i>Lớp...</i>			<i>Lớp...</i>		
	<i>Học kỳ I</i>	<i>Học kỳ II</i>	<i>Cả năm</i>	<i>Học kỳ I</i>	<i>Học kỳ II</i>	<i>Cả năm</i>
Hoạt động ngoài giờ lên lớp						
Các hoạt động khác						

Trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên, phải hình thành cho họ 7 kỹ năng thực hành sau đây: *kỹ năng nhận biết các vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc, kỹ năng xác định các vấn đề, kỹ năng thu thập thông tin; kỹ năng tổ chức thông tin; kỹ năng phân tích thông tin, kỹ năng đề xuất các giải pháp; kỹ năng phát triển kế hoạch hành động; kỹ năng thực hiện kế hoạch hành động.* Tóm lại, việc thiết kế các môđun trên đảm bảo hiệu suất cao của quá trình giáo dục, dạy học, đồng thời đảm bảo tính khả thi, đảm bảo các nguyên tắc: không gia tăng nội dung dạy học, giáo dục; đảm bảo khối lượng công việc trong quỹ thời gian quy định; đảm bảo cho người giáo viên dạy các môn học có thể thiết kế được các nội dung và các hình thức giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên.

d. Xây dựng môi trường văn hoá, môi trường giáo dục mang đậm tính chất, bản sắc dân tộc vùng miền

Môi trường văn hoá được hiểu là tổng thể các ảnh hưởng về điều kiện tự nhiên và xã hội đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người, trong đó môi trường xã hội được coi là quyết định. Môi trường văn hoá, môi trường giáo dục được xem là yếu tố quyết định tới sự hình thành và phát triển nhân cách con người, nó được coi như nước cho cá, là không khí cho muôn loài, nó không thể thiếu được đối với con người, và nhờ nó, con người được "sinh thành", bản chất xã hội của con người chỉ được hình thành trong và bằng môi trường xã hội.

Nhân cách được hình thành và phát triển trong một môi trường xã hội, đó là môi trường văn hoá. Do đó, muốn phát triển năng lực phẩm chất nhân cách theo mục tiêu đào tạo, bên cạnh quá trình tổ chức giáo dục, cần quan tâm đến yếu tố điều kiện - môi trường văn hoá.

Trong việc xây dựng môi trường văn hoá, trước hết quan tâm đến môi trường nhà trường (một phạm vi tuy hẹp hơn môi trường xã hội, song hết sức quan trọng). Các công việc sau đây khi triển khai thiết kế, xây dựng môi trường văn hoá trường học cần chú ý đặc điểm tính chất văn hoá vùng miền: trong xây dựng, cải tạo cảnh quan môi trường nhà trường; trong cách bài trí nơi ở, nơi học tập cho sinh viên; trong trang phục của sinh viên; trong chương trình văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao; trong các đợt sinh hoạt chính trị - tư tưởng. Trong các hoạt động ở trên, yếu tố con người là quyết định. Vai trò của sinh viên là chủ thể của các hoạt động văn hóa, đồng thời là đối tượng giáo dục. Chính họ là chủ thể xây dựng nên yếu tố môi trường văn hoá đồng thời là đối tượng chịu sự ảnh hưởng ấy. Do vậy, các hành vi hoạt động của sinh viên trong môi trường giáo dục có thể vừa là nguyên nhân vừa là kết quả. Đối với các nhà

quản lý, phải tạo ra các điều kiện để có được một môi trường có đủ các điều kiện tối thiểu, đồng thời là tổ chức chỉ đạo các hoạt động làm tăng vai trò chủ thể của sinh viên, không ai có thể làm thay sinh viên trong việc xây dựng môi trường văn hóa - giáo dục.

Theo thống kê ở một số trường, tỷ lệ các tiết mục văn hoá văn nghệ trong chương trình hoạt động tại các trường sư phạm (trong phạm vi khảo sát) có liên quan đến văn hoá các dân tộc thiểu số còn rất ít. Môi trường sư phạm - giáo dục nếu chỉ quan sát bề ngoài với cách thiết kế nhà trường, lớp học đã cho thấy mô hình giống nhau ở mọi nơi, chưa có sự cải tiến cho phù hợp với môi trường cảnh quan vùng miền. Trang phục của sinh viên các dân tộc thiểu số nhìn chung là hòa lẫn với các dân tộc khác.

Môi trường văn hoá giáo dục hiện nay đang bị "ô nhiễm" với các mức độ khác nhau đang đòi hỏi các nhà quản lý giáo dục cần quan tâm xây dựng, phát triển. Theo các chuyên gia giáo dục, một trường đại học muốn đảm bảo quản lý có chất lượng trước hết phải đảm bảo điều kiện tối thiểu về ký túc xá, thư viện, giảng đường. Hiện nay ở các trường đại học Việt Nam, đảm bảo chỗ ở nội trú trong ký túc xá cho sinh viên đang là một vấn đề khó khăn. Ở các trường sư phạm miền núi phía Bắc, nhờ vào sự quan tâm của Đảng và Nhà nước (chương trình 4) nên bộ mặt các trường đã khang trang hơn. Tuy vậy, với một tỷ lệ nhỏ sinh viên được ở ký túc xá đã xuất hiện hàng loạt các vấn đề như: ma tuý, cờ bạc, mất an toàn... làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng công tác giáo dục đạo đức sinh viên. Vấn đề giáo dục sinh viên trong môi trường sư phạm, trong điều kiện khó khăn về ngân sách giáo dục, trong khi quy mô giáo dục đại học ngày càng tăng, đang trở thành một thách thức đối với giáo dục đại học nước ta, trong đó có hệ thống các trường đại học, cao đẳng ở miền núi phía Bắc Việt Nam.

e. Thảo luận rộng rãi với nhiều hình thức sinh hoạt văn hoá để nhận thức đúng về các yếu tố tiến bộ cần phát triển, loại bỏ dần các yếu tố bảo thủ lạc hậu

Sinh viên là lực lượng tiên bộ, luôn đi đầu trong mặt trận tư tưởng - văn hoá khi họ được định hướng đúng. Sự thừa nhận hay không thừa nhận các giá trị văn hoá cần phải có quá trình nhận thức, trải nghiệm để sàng lọc. Quá trình học tập của sinh viên đã tiếp cận đến phương pháp nhận thức của nhà khoa học, tức là nhận thức có phê phán, có chọn lọc và sự thừa nhận hay không phụ thuộc vào sự kiểm chứng của khoa học, do đó đối với những nội dung nhạy cảm cần để họ tự thảo luận một cách dân chủ và rộng rãi. Đối với sinh viên, cần tổ chức các hình thức hoạt động sau đây:

- Thảo luận, trao đổi, sinh hoạt chuyên đề về các chủ đề:

+ Trang phục dân tộc trong sinh viên;

+ Vấn đề sử dụng tiếng mẹ đẻ trong sinh hoạt và học tập;

+ Việc làm sau khi ra trường của sinh viên vùng sâu;

+ Chất lượng học tập của sinh viên cử tuyển;

+ Thói quen và nếp sống sinh viên sư phạm miền núi(...).

- Thảo luận đánh giá về những hiện tượng đang tồn tại ở một số nơi hiện đang được xã hội quan tâm:

+ Tục nói dây ở một số dân tộc;

- + Tục làm ma khô;
- + Nạn tảo hôn;
- + Tục cúng bái tràn lan ở một số dân tộc;
- + Thói quen phá rừng làm rẫy;
- + Thói quen, tác phong chậm đổi mới trong xã hội công nghiệp,
- + Thói quen, phong tục lạc hậu khác (...).

Những vấn đề được đưa ra thảo luận không phải chỉ để phê phán, mà quan trọng hơn là thông qua thảo luận, tranh luận rộng rãi, với tinh thần khoa học, các sinh viên được tự mình đánh giá, nhận thức đúng đắn hơn về các vấn đề mà bản thân mình và xã hội đang quan tâm.

g. Rèn luyện kỹ năng ứng xử văn hoá qua các tình huống giáo dục

Kỹ năng ứng xử sư phạm là một năng lực quan trọng của người giáo viên tương lai. Đối với sinh viên sư phạm, việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên đã được xác định rõ trong chương trình đào tạo chính khoá. Nội dung chương trình rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên rất phong phú, trong đó phải kể đến việc rèn luyện kỹ năng dạy học và kỹ năng giáo dục. Đây là quá trình chuẩn bị cực kỳ quan trọng cho các giáo sinh trong quá trình đào tạo, để họ có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong hoạt động thực tiễn sau này ở phổ thông. Hiện nay, trong các trường sư phạm, nhiệm vụ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên đã được thực hiện tốt, được đổi mới để nâng cao chất lượng của hoạt động này. Việc xây dựng và thiết lập các tình huống giáo dục và đưa vào dạy học, giáo dục đã làm tăng tính thực tiễn trong giáo dục và giúp cho sinh viên làm quen với các khả năng có thể xảy ra, rèn luyện khả năng ứng phó trước các vấn đề phức tạp của cuộc sống. Do đó, một trong các nhiệm vụ có thể thực hiện tốt là xây dựng, thiết kế và đưa vào các nội dung hoạt động để giáo dục bản sắc văn hoá cho sinh viên bằng hình thức nêu tình huống giáo dục.

Nội dung các tình huống rất phong phú và đa dạng, nó có thể xuất hiện do nội dung dạy học đem lại, chẳng hạn trong khi học các môn khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục, lịch sử, địa lý... nếu giáo viên biết nêu vấn đề khéo léo và hướng người học vào giải quyết các tình huống xuất hiện thì sẽ có tác dụng tốt trong việc giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc.

Trong giao tiếp và ứng xử ở nhà trường sư phạm cũng như trong hoạt động xã hội của sinh viên có nhiều tình huống nảy sinh đòi hỏi phải có cách ứng xử thông minh và có ý nghĩa giáo dục cao. Đặc biệt là đối với sinh viên sư phạm, khả năng ứng xử có văn hoá còn phải được coi là năng lực bắt buộc vì chính họ sẽ là chủ thể giáo dục, là người đi giáo dục, do đó phải đảm bảo được tính giáo dục cao trong các tình huống ứng xử.

Trong khi đưa ra các tình huống giáo dục với mục tiêu đạt được là giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên, còn phải đảm bảo các yêu cầu chung như: đem lại kiến thức kỹ năng, thái độ đúng đắn cho mọi người. Trong khi giải quyết các tình huống, phải tôn trọng người học và tạo lập các mối quan hệ tốt đẹp với người học.

Đối với các trường sư phạm ở miền núi, việc xây dựng các tình huống giáo dục (mục đích giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc để đưa vào giáo dục sinh viên là quan trọng và cần thiết. Đặc biệt là việc xây dựng các tiêu chí của hành vi ứng xử có văn hoá cần được thống nhất cao

để làm cơ sở cho đánh giá. Trong các đợt kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm, đặc biệt là trong các đợt thực tế chuyên môn như: điền dã dân gian, thực tế về lịch sử, văn học, địa lý... phần lớn sinh viên khi tiếp xúc với nhân dân các dân tộc miền núi có các kỹ năng giao tiếp còn hạn chế. Đối với phần lớn sinh viên, sự hiểu biết về các phong tục tập quán, lối sống của đồng bào các dân tộc thiểu số còn ít. Do đó, việc rèn luyện các kỹ năng để các em làm quen với môi trường, con người, xã hội miền núi, đặc biệt là khả năng ứng xử trước các tình huống giao tiếp đòi hỏi họ phải được rèn luyện kỹ lưỡng và phải am hiểu sâu sắc về văn hoá các dân tộc miền núi.

h. Tiếp tục phát triển các giá trị giáo dục gia đình trong giáo dục nhân cách sinh viên

Giáo dục gia đình là chiếc nôi đầu tiên với những lời ru, điệu hát thổi vào tâm hồn con người các giá trị nhân văn - những giá trị này là nền móng quan trọng cho cuộc đời con người. Nếu thiếu đi cái gốc ấy, tâm hồn tình cảm con người dễ bị căn cỗi, dẫn đến các hành vi phản văn hoá. Nếu mô hình giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội phải được gắn kết theo yêu cầu của Luật giáo dục thì giáo dục gia đình phải là nền móng căn bản, là mở đầu cho quá trình giáo dục con người, là môi trường giáo dục suốt đời cho con người. Không thể nói một con người được phát triển toàn diện và hài hoà lại bị thiếu hụt giáo dục gia đình.

Sinh viên hiện nay chưa phát huy mạnh mẽ các giá trị văn hoá gia đình tốt đẹp, có xu hướng "thoát ly" toàn diện về lối sống khi họ sống trong môi trường tự lập - môi trường mới. Mâu thuẫn giữa các thế hệ thường bắt nguồn từ những khoảng cách trong cách đánh giá các giá trị trong cuộc sống. Một bộ phận thanh niên sinh viên đã có ý thức giữ gìn truyền thống văn hoá gia đình, coi gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên quan trọng, là nơi bản thân tích lũy được tri thức về văn hoá dân tộc, song không ít người không có ý thức phát triển những giá trị đó, hoặc phủ nhận giá trị thực tiễn của nó, hoặc có xu thế co cụm, khép kín.

Trong bối cảnh hiện nay, cần khuyến khích sinh viên gắn bó mật thiết hơn với truyền thống gia đình, phát huy ảnh hưởng từ gia đình đến sinh viên về văn hóa, giáo dục, lối sống. Phần lớn sinh viên cho rằng trong gia đình, mức độ thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc thể hiện rõ nét nhất ở quan hệ ứng xử và giao tiếp, nó được in dấu đậm nét vào tính cách con người. Nói cách khác, cần xem xét mối quan hệ giữa sinh viên với gia đình tuỳ theo mức độ gắn kết ở từng giai đoạn trưởng thành để đánh giá sự trưởng thành của cá nhân họ.

Đặc điểm nổi bật trong lối sống sinh viên Việt Nam nói chung và sinh viên miền núi nói riêng là tỷ lệ lớn các em (70 - 80%) phụ thuộc vào gia đình về kinh tế trong quá trình học tập ở các trường đại học và cao đẳng. Chính yếu tố này cũng làm hạn chế tính năng động, khả năng tự lập của sinh viên Việt Nam (so với phần lớn sinh viên các nước vừa đi học vừa kiếm việc làm phục vụ cho học tập). Vì thế, cần giáo dục tính tự lập cho sinh viên, đồng thời tận dụng và phát huy sự ảnh hưởng của giáo dục gia đình với họ, coi đây là một thế mạnh trong công tác giáo dục. Đối với học sinh, sinh viên miền núi, nhiều khi ảnh hưởng của gia đình mạnh đến mức họ có thể làm theo mọi yêu cầu từ phía gia đình (thậm chí sẵn sàng bỏ học để về quê lấy vợ hoặc lấy chồng).

Người phương Tây khi đến Việt Nam đã có nhận xét: *"Tinh thần gia đình là đặc tính cơ*

bản nhất của con người Việt Nam thuộc tất cả mọi tầng lớp. Đối với họ, gia đình là tất cả"¹.

Điều đó chứng tỏ không phải ngẫu nhiên, ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là giáo dục, chúng ta đều coi trọng yếu tố giáo dục gia đình trong việc bảo tồn phát triển các giá trị văn hoá của con người.

Đối với giáo dục nhà trường, có thể thực hiện các biện pháp cụ thể sau đây nhằm phát huy hết tiềm năng của giáo dục gia đình trong nhiệm vụ giáo dục sinh viên:

- *Tăng cường mối liên hệ gia đình và nhà trường* Trong nhận thức, chúng ta thường quan niệm đây là biện pháp chỉ nên áp dụng ở bậc giáo dục phổ thông mà thường nghĩ đối với sinh viên điều này không quan trọng vì đối tượng đã trưởng thành. Biện pháp này khó có thể thực hiện tốt trong điều kiện quy mô giáo dục đại học ngày càng lớn, tuy nhiên, biện pháp này cũng rất cần thiết, do đó, cần phải duy trì và phát triển. Hội nghị về phụ huynh sinh viên cần tổ chức hàng năm, điều này tưởng như không khả thi, song nếu xét về trách nhiệm và mối lo lắng về tương lai con em của tất cả phụ huynh thì phần lớn các gia đình đều nhất trí và sẵn sàng tham gia. Chúng ta đều có quan niệm rằng khi sinh viên đến trường đại học, tức là đã tự lập hoàn toàn về mọi mặt khi họ đã trưởng thành về mặt thể chất, tâm lý, xã hội. Tuy vậy, thực tế là họ khó tránh khỏi những hẫng hụt về tâm lý khi đến môi trường giáo dục mới, khoảng cách về địa lý giữa trường đại học với gia đình không đáng ngại bằng khoảng cách tâm lý giữa hai môi trường giáo dục.

- *Tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề giáo dục*

Mục tiêu là nhằm làm tăng nhận thức của sinh viên về các giá trị giáo dục gia đình. Đồng thời xây dựng và giới thiệu các mô hình giáo dục gia đình tiêu biểu, nêu gương sáng trong giáo dục con cái. Đây cũng là một trong những nguyên tắc của giáo dục đạo đức, nguyên tắc giáo dục bằng biện pháp nêu gương. Công việc này cần huy động lực lượng giáo dục là Hội phụ huynh sinh viên và các tổ chức khác. Đồng thời, cần tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động phát triển các kỹ năng tìm hiểu những nội dung tốt đẹp trong giáo dục gia đình thông qua học tập các môn học.

1. Theo tài liệu của J.Boissiere – *L'Indochinoise avec les Frallcaise*. Paris: 1890. P .58.

KẾT LUẬN

Vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên sư phạm miền núi đang trở thành một nhiệm vụ quan trọng, cần thiết đối với các trường đại học và cao đẳng. Tuy nhiên việc thực hiện nhiệm vụ này không đơn giản bởi vấn đề được đề cập không thể giải quyết được trong phạm vi trường học, hay ở nội dung môn học. Giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc là một trong những nội dung giáo dục lớn, quan trọng để giáo dục toàn diện con người.

Trong phạm vi nhà trường sư phạm, với chức năng giảng dạy và nghiên cứu về khoa học giáo dục, chúng tôi cố gắng đề cập đến nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên sư phạm từ góc độ thực tiễn. Việc hệ thống hoá các quan điểm, các ý kiến từ các tài liệu chuyên khảo về vấn đề này cũng chưa được đầy đủ. Tuy nhiên chúng tôi cũng mạnh dạn tiếp cận vấn đề nghiên cứu, khảo sát thực trạng và nêu lên một số giải pháp thực hiện trong phạm vi có thể thực hiện được ở một số trường đại học và cao đẳng. Thông qua quá trình tổ chức nghiên cứu thực tế và với mục đích góp phần vào nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên, chúng tôi có kết luận sau:

- Vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên trong các trường đại học tuy đã được quan tâm nhiều song hiệu quả chưa cao. Một trong những lý do cơ bản là vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá các dân tộc chưa được thể hiện rõ nét trong nội dung giáo dục, phương thức giáo dục cũng như tổ chức các hoạt động.

- Giữa nhận thức về tầm quan trọng của nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc với hành vi thực hiện của sinh viên có sự khác nhau: Điều này phản ánh trình độ nhận thức của chủ thể - đối tượng giáo dục cũng còn mơ hồ về vấn đề này. Việc nghiên cứu lối sống của sinh viên qua hoạt động học tập, sinh hoạt giao lưu, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao... đã cho thấy sinh viên các trường cao đẳng, đại học ở miền núi chưa thể hiện rõ nét bản sắc văn hoá của dân tộc mình.

- Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy bức tranh toàn cảnh về văn hóa lối sống văn hoá sinh viên, đồng thời cũng cho thấy xuất hiện một số vấn đề đang đặt ra cho công tác giáo dục đào tạo tại các trường:

+ *Vai trò của trường học* đối với nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên chưa thể hiện rõ. Đặc biệt là giáo dục bản sắc văn hoá của từng dân tộc thiểu số lại càng mờ nhạt. Nếu thiếu đi những yếu tố làm nên bản sắc văn hoá dân tộc, nhất là ở thành phần ưu tú của các dân tộc (những sinh viên - trí thức tương lai) thì nền văn hoá của các dân tộc sẽ đi đến đâu.

+ Sinh viên *rất quan tâm* đến vấn đề giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, cũng như bản sắc văn hoá của các dân tộc, song họ *không rõ nội dung để nhận thức, không có nhiều hình thức để hoạt động*. Điều này phản ánh nội dung, hình thức giáo dục sinh viên hướng vào việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc còn nghèo nàn, song cũng phản ánh ảnh bị động của sinh viên sư phạm miền núi hiện nay trước các vấn đề bức xúc của thời đại

Sự thể hiện "bản sắc văn hoá dân tộc" của sinh viên chủ yếu qua các dạng hoạt động: *quan*

hệ giao tiếp ứng xử, sinh hoạt hàng ngày, sinh hoạt văn hoá văn nghệ, các nội dung biểu hiện bản sắc văn hoá như: trang phục, giao tiếp, ngôn ngữ... tỏ ra mờ nhạt. Các biểu hiện của sinh viên về đặc trưng cho văn hoá dân tộc mình chưa thể hiện rõ nét qua lối sống, quan hệ ứng xử, giao tiếp, và đặc biệt là ngay cả hình thức trang phục của sinh viên dân tộc thiểu số cũng ít được quan tâm.

- Nhận thức, hiểu biết của sinh viên về bản sắc văn hoá dân tộc nói chung và của dân tộc mình nói riêng chủ yếu *qua các môn học, qua môi trường gia đình*. Phạm vi nhận thức được mở rộng trong quá trình học tập và giao lưu văn hoá.

- Đối với sinh viên sư phạm (trong phạm vi khảo sát), sự biểu hiện của định hướng giá trị văn hóa truyền thống có *xu hướng phân tán* so với trước 1986 (thời kỳ đổi mới); nhu cầu hưởng thụ văn hóa của sinh viên có *nguy cơ xa rời* các loại hình văn hoá truyền thống. Nguyên nhân cơ bản là do các nội dung của các loại hình văn hoá chưa phù hợp và hấp dẫn sinh viên.

- Lối sống có văn hoá trong sinh viên đang có xu hướng tích cực, song cũng xuất hiện *xu thế thực dụng* trong lựa chọn nghề, tìm việc làm của sinh viên cũng như trong một số quan hệ ứng xử trong môi trường sư phạm và ngoài xã hội.

- Đối với các nhà quản lý văn hoá giáo dục, phần lớn niềm tin của họ đặt vào thể hệ sinh viên, song bên cạnh đó còn nhiều ý kiến cho rằng: "sinh viên hiện đang xa rời cội nguồn". Quan điểm khác nhau của các nhà quản lý văn hoá giáo dục đã phản ánh một thực tế là chưa có sự thống nhất cao về quan điểm giáo dục cũng như đánh giá thể hệ trẻ.

- Hệ thống các biện pháp nhằm giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc nói chung và bản sắc các dân tộc nói riêng cho sinh viên cần đồng bộ. Trước hết cần quán triệt quan điểm: lựa chọn định hướng các giá trị cơ bản đúng đắn, tập trung giáo dục nhân cách, tổ chức hoạt động đa dạng, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hoá của các dân tộc khác để bổ sung vào hệ thống tri thức giáo dục sinh viên sư phạm.

- Trong nhiệm vụ giáo dục sinh viên, cần coi trọng nội dung cơ bản của quá trình giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc là quá trình tiếp thu cái hay, cái đúng, cái tốt có ở mọi dân tộc, để tiếp biến thành cái riêng của mình về phong cách biểu hiện. Như vậy, việc giữ gìn đồng thời với việc phát triển theo định hướng sáng tạo. Giá trị nhân văn được coi là linh hồn của bản sắc văn hoá, là định hướng cơ bản của giáo dục bản sắc văn hoá trong nhà trường.

- Các biện pháp cơ bản cần thực hiện ngay trong các trường đại học, cao đẳng hiện nay là: xây dựng chương trình giáo dục chính khoá theo hướng lồng ghép, tích hợp đồng thời với việc tổ chức các chuyên đề ngoại khoá nhằm hình thành và phát triển nhân cách văn hóa cho sinh viên; phát triển các kỹ năng tìm hiểu các giá trị văn hoá của dân tộc mình của sinh viên, kỹ năng tìm hiểu, thẩm thấu các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc khác. Các trường đại học, cao đẳng sư phạm cần xây dựng các *chương trình giáo dục ngoại khoá* nhằm hướng sinh viên có nhận thức đúng, hành vi đúng về việc phát triển, giữ gìn các giá trị văn hoá của dân tộc mình. Hoạt động của các tổ chức xã hội trong trường chuyên nghiệp cần bám sát *hoạt động chủ đạo là hoạt động học tập của sinh viên* để thực hiện, tránh các hoạt động chỉ có tính chất phong trào, bề nổi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Bình - *Văn hoá trong chiến lược phát triển đất nước*. Báo Nhân Dân, số 45, 5/11/2000.
2. Đoàn Văn Chúc - *Xã hội văn hoá*. Nxb Văn hoá - Thông tin, H, 1997.
3. Huy Cận - *Giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập cộng đồng quốc tế*, Tạp chí *Công tác Tư tưởng- Văn hoá*; Ban Tư tưởng văn hoá TW; số 9/1995. Tr.19.
4. Giao Xiao Cong - *Cảnh quan văn hoá thế giới thế kỷ 20 biến đổi không ngừng* - Viện TTKHXH (Lưu hành nội bộ) 4/2000.
5. Quang Cận - *Mở rộng giao lưu văn hoá và giữ vững bản sắc dân tộc* - Tạp chí *Thông tin lý luận*; tháng 4/1998.
6. Trần Kim Dung - *Văn hoá Việt Nam và thế giới trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21*. Báo Nhân Dân 26/6/1998.
7. Nguyễn Lâm Dũng - *Xã hội văn minh và con người văn hoá*- Tài hoa trẻ; số 150/ 2001. tr.6.
8. *Đi tìm đặc trưng văn hoá Việt Nam* - Hội thảo khoa học thành phố Hồ Chí Minh tháng 6/2000. Tạp chí *Thế giới mới*, số 393, 7/2000.
9. Vũ Văn Dân - *Về lối sống văn hoá và việc giáo dục lối sống văn hoá cho học sinh* - Tạp chí *Nghiên cứu giáo dục*, 4/1999.
10. Vũ Minh Giang - *Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc trong chiến lược phát triển giáo dục hiện nay của Việt Nam* - Tài liệu Viện NCPTGD, NXB Giáo dục, 1998.
11. Cao Quốc Hùng - *Ảnh hưởng của lối sống văn hoá trong quản lý kinh tế xã hội*. Tạp chí *Thanh Niên* số 10 - 5/2000.
12. Hữu Ngọc - *Hồ sơ văn hoá Mỹ* - NXB thế giới, H, 1995.
13. Phạm Minh Hạc - *Hồ Chí Minh về văn hoá và con người* - Tạp chí *thế giới trong ta*, 114 - 5/2000.
14. Nguyễn Tiên Hường (theo Báo Thanh niên Hàn Quốc) - *Những thay đổi trong cách nghĩ, cách sống của thanh niên Hàn Quốc*. Báo *Tiền phong* số 78, tr.5, 2000.
15. Phạm Văn Khánh - *Giá trị truyền thống lối sống Việt Nam* - Báo Nhân Dân số 44, 1/11/1998.
16. Nguyễn Xuân Nam - *Bản sắc Việt Nam trong quá trình giao lưu văn hoá với thế giới*. Báo Nhân Dân số 26, 28/6/1998.
17. Liu Zhongnim - *Về mối quan hệ giữa văn hoá và chính trị quốc tế* Viện TTKHXH, H, 1999.
18. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 BCH TW khoá VIII "*Về xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*".

19. *Một chặng đường văn hoá* - Tập hồi ức và tư liệu về đề cương văn hoá của Đảng và đời sống tư tưởng văn nghệ (1943 - 1948). Nxb Tác phẩm mới, H, 1985.
20. Văn Quân- *Về các giá trị dân tộc* - NXB Văn hoá dân tộc, 1995.
21. Khúc Năng Toàn - *Nếp sống có văn hoá của sinh viên sư phạm* - Luận văn Thạc sỹ, trường ĐHSP Hà Nội; 1999.
22. Thái Hoàng Vũ - *Giữ bản sắc dân tộc trong hội nhập quốc tế* Báo Nhân Dân, 10/12/2000.
23. *Văn hoá dân tộc trong quá trình mở cửa ở nước ta hiện nay*. NXB Chính trị Quốc gia, H, 1996.
24. Viện khoa học giáo dục Việt Nam. *Bản sắc dân tộc về những vấn đề đặt ra cho giáo dục và đào tạo*. H, 1993 - lưu hành nội bộ.
25. Lê Ngọc Trà - *Về những hướng tiếp cận vấn đề đặc trưng và bản chất văn hoá Việt Nam*. Tạp chí Văn học 10/2000.
26. Trần Ngọc Thêm - *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.
27. Nguyễn Thạc, Phạm Thành Nghị - *Tâm lý học sư phạm đại học*. NXB Giáo dục, H, 1992.
28. Ngô Đức Thịnh - *Đa dạng văn hoá và sự phát triển xã hội hiện nay*. Tạp chí Cộng sản, số 15 - 8/1997.
29. Lê Ngọc Thăng - *Bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. NXB Văn hoá dân tộc, H, 1990.
30. Trần Ngọc Thêm - *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. NXB Giáo dục, H, 1999.
31. Trần Quốc Vượng (chủ biên) - *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. NXB Giáo dục, H, 1999.
32. Bộ GD - ĐT - *Thiết kế mẫu một số môđun giáo dục môi trường ở trường phổ thông*, H, 2001 (Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và DANIDA).

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	2
MỞ ĐẦU	4
<i>Chương 1: PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI</i>	6
1. Văn hoá và phát triển bền vững	6
2. Một số quan niệm về văn hoá	12
3. Giáo dục và văn hoá	15
4. Bản sắc văn hoá dân tộc	17
5. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc	25
6. Giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên	28
<i>Chương 2: NHIỆM VỤ GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC CHO SINH VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM</i>	36
1. Tầm quan trọng của vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho sinh viên	36
2. Các lực lượng chính tham gia và phát triển các giá trị văn hoá dân tộc	37
3. Quan niệm và hoạt động của sinh viên về bản sắc văn hoá dân tộc	39
5. Một số thay đổi trong nhận thức về lối sống có văn hoá của sinh viên	42
6. Ý kiến của các nhà quản lý và văn hoá giáo dục về vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá cho sinh viên	45
7. Các con đường cơ bản để giáo dục sinh viên trong các trường sư phạm	46
<i>Chương 3: GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC CHO SINH VIÊN - ĐỊNH HƯỚNG VÀ BIỆN PHÁP</i>	49
1. Phát triển môi trường văn hoá - giáo dục ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam	50
2. Những khó khăn về kinh tế, xã hội, văn hoá ở miền núi hiện nay	51
3. Những định hướng giáo dục cơ bản trong các trường sư phạm	54
KẾT LUẬN	71
TÀI LIỆU THAM KHẢO	73